

John Stevens

BA THIỀN SƯ

Dịch giả Nguyên Giác



LỜI NÓI ĐẦU

Nguyên tác Anh ngữ: Three Zen Masters: Ikkyu, Hakuin, and Ryukan

Tác giả John Stevens - NXB Kodansha International in năm 1993 tại Nhật

Việt dịch: Cư Sĩ Nguyên Giác, 2003

Lời Ban Biên Tập

Ba Thiền Sư Ikkyu Sojun, Hakuin Ekaku, và Ryokan Taigu là những vị thiền sư lớn đã kiến tánh giác ngộ. Các lời nói và hành động của các ngài đều siêu xuất. Với các ngài, tất cả những quy tắc ước lệ của nhân quần và cả những giới luật của tôn giáo đều là những cái “gia danh” do ảo ảnh “nhị kiến” mà sinh ra. Dưới con mắt của người đời chuyện phá giới là những điều tày trời tội lỗi. Song dưới cái nhìn “đạt đạo” của các ngài, chuyện phá giới, chuyện tội lỗi thấy vốn không có. Các ngài đã phá chấp triệt để đến tận cùng, đã phá giới trong tinh thần phá chấp nhằm dạy dỗ đệ tử. Cho nên Thượng toa. Thích Mật Thể khi dạy các học tăng đã căn dặn: “đừng nên làm sự vô ngại của các ngài đã giải thoát (làm mà không trú tâm tham

trước) với những hành vi phóng túng buông lung mà nguy hiểm là giải thoát. Đối với người tu hành bao giờ cũng phải lấy thanh tịnh trì giới làm gốc. (LSPGVN, NXB KHXH, Hanoi 1988)

Cuốn Ba Thiền Sư ghi lại cuộc đời của Ikkyu Sojun (1394-1481), Hakuin Ekaku (1686-1768), và Ryokan Taigu (1758-1831). Mỗi vị Sư đều hiển lộ Thiền Tông trong cách riêng. Sư Ikkyu, còn được gọi là “Mây Điện,” rất là phi truyền thống, không thỏa hiệp, và mang tính tác chiến. Sư tấn công không thương tiếc các thói giả hình và bịp bợm, không che giấu gì về mình, ngay cả đời sống tình dục của sư, điều làm cho sư độc đáo giữa các vị Thiền sư mặt lạnh như đá, những người thường không hiển lộ cảm xúc.

Trong khi Ikkyu lên án hệ thống bằng cấp của nhà Thiền, bác bỏ giấy inka, tức là “giấy chứng nhận giác ngộ,” từ Thầy của mình và từ chối cấp các văn bằng như thế cho đệ tử của chính sư, thì Hakuin đã phát ra các văn bằng nhiều hơn bất kỳ vị Thiền sư chân thực nào trong lịch sử Nhật Bản, dùng hệ thống này để vun bồi một đạo binh những người tu Thiền tận lực nhìn vào bản tánh của họ và trở thành các vị Phật. Vĩ đại, táo bạo, và năng động, Hakuin nói rằng mọi người – nam hay nữ, tu sĩ hay cư sĩ, nông dân hay vương hầu – đều có thể thực tập pháp “Thiền trong hành động.”

Ngược lại, Ryokan là một Thiền sư dịu dàng, ần dật, tự làm lu mờ. Không bao giờ trụ trì, Ryokan sống lặng lẽ và đơn giản trong các nơi ần dật bé nhỏ, thường ngày chơi đùa với trẻ con trong làng, uống rượu saké với nông dân, gần gũi với thiên nhiên, và làm thơ.

Cả ba Thiền sư đều là nghệ sĩ ở bậc cao nhất, sử dụng cọ, mực, và giấy như phương tiện để truyền dạy Thiền Tông. Qua các thể kỷ, các tranh vẽ trắng lệ của Ikkyu, Hakuin, và Ryokan – các nét cọ của giác ngộ – đã gợi hứng, hướng dẫn, và thưởng lãm cho các thế hệ Thiền sinh.

Mặc dù tôi đã dựa chủ yếu vào các nguồn căn bản cho phần tiểu sử Ikkyu,

tôi thấy cần phải đưa thêm vào nhiều mẫu chuyện khả tín nhất về nhà sư này, nhằm mô tả hình ảnh sư Ikkyu được trân trọng bởi những người ngưỡng mộ sự. Và ngay cả, nếu không đúng với sự thật lịch sử, mỗi chuyện đều hiển lộ ra một Thiền phong quan trọng của Ikkyu. Về phần cuộc đời của các sư Hakuin và Ryokan, chúng ta có nhiều sử liệu chắc hơn, nhờ các tự truyện và sách đương thời có được về hai nhà sư này. Tất cả các bản dịch (Anh ngữ) xuất hiện nơi đây là của riêng tôi.

Thiền rất là cá biệt và phổ quát. Những cái cá biệt của cuốn Ba Thiền Sư thì liên hệ tới thời gian, nơi chốn và hoàn cảnh; còn phổ quát là bản chất của Thiền được hiển lộ qua cuộc đời và giảng dạy của Ikkyu, Hakuin, và Ryokan. Họ cùng đưa ra một thông điệp bất tử mà bất kỳ ai ở bất kỳ thời nào cũng có thể hân thưởng.

JOHN STEVENS

Honolulu, 1992

Chú thích:

(Ghi Chú Của Bản Việt Dịch: Hakuin Ekaku thường được dịch là Bạch Ẩn Huệ Hạc, nhưng nơi đây sẽ viết tên ngài theo Anh ngữ, để thống nhất văn phong và để người đọc dễ tra cứu tài liệu qua Internet. Tác giả tập biên khảo này là John Stevens, cũng là một nhà sư Thiền Tông, và là Giáo Sư Phật Học tại Tohoku Fukushi University ở Sendai, Nhật. Trong nhiều sách ông viết còn có Sacred Calligraphy of the East, Lust for Enlightenment: Buddhism and Sex, và Zenga: Bruestrokes of Enlightenment. Bản Việt ngữ sẽ có bố cục khác với bản Anh ngữ, khi đưa tất cả hình ảnh về cuối sách cho dễ trình bày.)

John Stevens

BA THIỀN SƯ

Dịch giả Nguyễn Giác

IKKYU SOJUN

**IKKYU SOJUN
(1394 – 1481)**

Ikkyu ra đời vào lúc bình minh của ngày đầu của năm 1394. Mặc dù có lời đồn rằng Ikkyu là con trai của vị hoàng đế trẻ Go-Komatsu (1377—1433), vào lúc chào đời cậu bé được ghi vào sổ bộ thường dân. Mẹ của Ikkyu, một phụ nữ chờ việc trong cung đình và được Go-Komatsu yêu chuộng, đã bị sa thải bắt công ra khỏi cung điện vì guồng máy của vị hoàng hậu ghen tuông và tay chân bà này. Do vậy, hoàn cảnh ra đời của Ikkyu thì khiêm tốn, mặc dù bản tiểu sử sớm nhất của sư viết rằng ngay cả khi sơ sinh, sư “mang dấu hiệu của một con rồng và dấu ấn của một phượng hoàng.”

Vào lúc 5 tuổi, Ikkyu được gửi vào làm chú tiểu tại Ankoku-ji, một ngôi chùa Thiền Tông ở Kyoto. Nơi đây, sư được bảo đảm có nền học vấn tốt, cũng như được bảo vệ trước các viên chức triều đình lăm mưu và các tướng quân đa nghị. Điều này quan trọng trong thời trung cổ Nhật Bản, vì ngay cả đứa con hoang của vị hoàng đế – với hoàn cảnh đúng thời và với những người ủng hộ có quyền lực – vẫn có thể ra giành ngôi vua. Tại chùa Ankoku-ji, Ikkyu được học kinh điển Phật Giáo và các sách giáo khoa tại Trung Hoa và Nhật Bản. Là một học trò sáng dạ mà thiên tài của mình được mọi người công nhận, Ikkyu cũng là một cậu bé quá quắt và nhanh trí. Nơi đây là vài mẫu chuyện từ những ngày sư còn là chú tiểu.

Không lâu sau khi vào chùa, thầy viện chủ ra lệnh cho Ikkyu tắt các đèn cây trên bàn thờ trước khi vào ngủ. Khi Ikkyu trở lại để thưa rằng việc đã xong, thầy viện chủ hỏi, “Con tắt đèn cây bằng cách nào?”

Ikkyu đáp, “Con thổi tắt.”

Thầy viện chủ mới la chú, “Đừng bao giờ làm thế chứ. Phật thì linh thánh, còn hơi thở chúng sinh thì như bản. Phải tắt đèn cây bằng cách phát tay hay là dùng quạt.”

Sáng hôm sau, khi thầy viện chủ vào chính điện cho khóa lễ sáng, thầy thấy Ikkyu tụng kinh trong khi ngồi quay lưng về bàn thờ.

Thầy la lớn, “Con làm gì vậy, thằng nhỏ ngốc này!”

“Thầy dạy con là hơi thở chúng sinh thì như bản và đừng nên hướng thẳng về tôn tượng chư Phật. Làm sao con tụng kinh mà không thở được?”

“Cái này thì khác,” ông thầy chưng hửng nói, và ra lệnh cho Ikkyu quay mặt về bàn thờ.

Dù vậy, Ikkyu không dễ bị chế ngự. Thầy viện chủ rất thích một loại kẹo đặc biệt và cất kẹo trong một lọ trong phòng thầy, cảnh cáo Ikkyu và các cậu bé khác trong chùa, “Kẹo này đặc biệt cho người lớn, nhưng nếu một đứa nhỏ ăn vào thì sẽ chết liền.”

Ikkyu không mắc bẫy chút nào, và ngay khi viện chủ rời chùa, cậu trút hết lọ ra và chia kẹo này với các bạn. Ikkyu lúc đó còn đập bể một tách trà trong phòng thầy viện chủ. Khi thầy về, thì thấy Ikkyu nước mắt đầm đìa.

Ikkyu khóc nức nở, “Trong khi lau chùi phòng thầy, con vô ý làm bể tách trà quý. Để chịu phạt cho hành vi vô ý đó, con mới nuốt mất viên kẹo độc.

Không thấy gì hết, con mới ăn hết kẹo luôn, vì tin là con sẽ chết để chịu phạt. Xui xẻo sao con không chết, nên bây giờ con xin thầy tha lỗi.”

Một lần khác, một chú tiểu khác vô ý đánh vỡ một tách trà quý của thầy viện chủ trong khi lau chùi nơi này. Sợ thầy nổi giận, chú này mới nhờ Ikkyu

nghĩ kế giúp. “Để đó cho tớ,” Ikkyu nói với chú kia như thế. Khi thầy về chùa, Ikkyu đón thầy nơi cổng.

Chú Ikkyu nói dịu dàng, “Thưa thầy, thầy thường dạy tụi con là cái gì có sinh thì có diệt, và bất cứ cái gì đã có sắc rồi cũng trở về không.”

“Đúng vậy,” thầy đáp. “Đó là sự thật không tránh khỏi của đời sống.”

Ikkyu nói buồn bã, “Thưa thầy, con có một tin buồn trình thầy. Đã tới lúc tách trà thầy thích lìa đời rồi.”

Tiếng tăm chú tiểu thông minh này tới tai Tướng Quân Yoshimitsu (1358—1408), và Ikkyu được triệu tới lâu đài để gặp.

“Ta nghe nói sư nhỏ này thông minh lắm,” tướng quân nói với Ikkyu “Sư có nghĩ là sư bắt được cọp?”

Ikkyu trả lời tự tin, “Thưa tướng quân, tôi tin tôi có thể.”

“Đây là sợi dây. Bắt lấy con cọp đó đi,” tướng quân thách thức, chỉ về con cọp được vẽ trên một tấm bình phong che lớn trong phòng.

Không do dự, Ikkyu tới đứng trước bình phong, sửa soạn sợi dây và hô lớn, “Bây giờ, thưa tướng quân, xin xua con cọp ra đi!”

Một Phật tử hộ pháp của chùa rất thích áo quần da thú, loại bị xem là trang phục không thích nghi cho Phật tử. Một hôm, khi tới chùa, ông được chào đón bằng một tấm bảng mang dòng chữ, “Các loại đồ da không được vào sân chùa. Ai phạm luật này sẽ bị đánh đòn nặng.” Nhận ra nét chữ của Ikkyu, thiện nam này mới xông vào, nổi giận với nhà sư nhỏ.

“Vây còn cái trống lớn trong chính điện thì sao?” Phật tử này chất vấn.

“Không phải mặt trống bằng da à?”

Ikkyu trả lời, “Đúng vậy. Nhưng chúng ta đánh trống mỗi sáng chiều. Nếu ngài muốn mặc đồ da, ngài sẽ bị đối xử cùng như vậy.”

Nhằm trả đũa Ikkyu, vị Phật tử hộ pháp này mời thầy viện chủ và Ikkyu dự một bữa tiệc chay Tuy nhiên, trong tô của Ikkyu, lại có mấy miếng cá. Ikkyu

liền nhai ngấu nghiến ngay.

“Khoan, chờ một chút,” vị Phật tử la cậu Ikkyu “Chú điều này không biết là tu sĩ Phật giáo không được phép ăn thịt cá?”

“Miệng tôi y hệt như Xa Lộ Kamakura,” Ikkyu đáp. “Những thứ cao và thấp, người bán thịt và người bán rau, tất cả đều chạy tuốt xuống không ngại.”

Quyết chơi tay trên cậu bé lanh lợi, vị Phật tử vỗ mạnh vào thanh kiếm của ông.

“Làm sao thứ này sẽ trôi xuống được?” ông hỏi một cách đe dọa.

“Bạn hay thù?” Ikkyu hỏi.

“Thù!” vị Phật tử hét lên.

“Kẻ thù không qua nổi!” Ikkyu nói bướng bỉnh.

“Bạn, rồi sao!” vị Phật tử thốt lên.

Ikkyu ho sặc sụa như đang kẹt trong cổ. “Xin lỗi, cánh cổng mới đóng.”

Trong một chuyện kể tương tự, thầy viện chủ đau khổ từ lâu bị cậu Ikkyu bắt gặp đang ăn canh cá.

“Thưa thầy, thầy đã nói là thịt chúng sinh bị cấm tuyệt làm thức ăn trong chùa. Nhưng nếu bây giờ chuyện này không sao,” Ikkyu nói, mắt nhìn tô canh, “thì con cũng muốn ăn một chút.”

“Không, không,” thầy viện chủ nói. “Đây thực sự là một tội lớn cho các chú tiểu ăn thịt cá. Tuy nhiên, trong trường hợp của thầy, thầy thực sự đang thực hiện một tang lễ cho cá.”

“Sao thế?” Ikkyu muốn biết.

“Thầy nói với nó, Cá ơi, ngươi bây giờ như một cành cây khô héo. Ngay cả nếu ta thả ngươi, ngươi không bao giờ có thể về lại nước. Tuy nhiên, nếu ta ăn ngươi như dùng thuốc, ngươi có thể đạt Phật quả sớm!”

Vào ngày kế tiếp, cậu Ikkyu tới ngay chợ cá và mua về một con cá chép

sống. Vừa khi cậu sắp chặt cá, thầy viện chủ bước vào.

Thầy la lên, “Con làm gì vậy! Sát sanh còn tệ hại gấp 10 lần ăn chúng sanh!”

Ikkyu nói với thầy trong khi cậu nhắc lên con cá đang vùng vẫy, “Không, không, hãy nghe này. Cá ơi, người như một cành cây sống. Nếu ta thả người, người sẽ trốn mất và ta sẽ đói bụng. Hãy để ta thưởng thức người cho bữa ăn tối, còn hơn là để người bơi lội trong nước.”

Nói thế xong, cậu chặt lia đầu cá và bỏ vào nồi canh.

Một lần nữa bị lộ tính giả hình, thầy viện chủ bực bội không nói gì được.

Cách ứng phó kích động như thế đã trở thành kiểu riêng của Ikkyu.

Ikkyu đã viết bài thơ Đường – một thể thơ khó đặc biệt – lần đầu tiên khi cậu mới 12 tuổi.

Cỏ Úa Gần Thái Ấp

Trong cô quạnh mùa thu, người đẹp bị bỏ rơi cất tiếng hát.

Không có sứ giả nào tới để triệu nàng về lại thái ấp.

Vinh quang và thất sủng, niềm vui và nỗi buồn – nàng đã trải qua tất cả.

Ân sủng từ tướng quân của nàng thì cạn cợt, nhưng đồng cỏ thờ ơ thì sâu thẳm.

Khi còn trẻ thơ, Ikkyu có thể đầy tính nghịch ngợm, nhưng luôn luôn có một mặt nghiêm túc trong cá tính. Bài thơ này tỏ ra nổi bi quan Phật giáo, một lời than thở về tính vô thường của các pháp, và nó phản ánh nỗi bất như ý sâu thẳm của Ikkyu về cách mẹ của cậu bị đối xử. Ikkyu như dường đặc biệt gần với mẹ, và cậu không bao giờ vượt qua nỗi cay đắng về việc mẹ bị sa thải bất công ra khỏi triều đình. Trong bài thơ khác, làm về sau đó trong đời, Ikkyu phiên muện:

Một giai nhân tinh tế như thế, thoa phấn và tô son,

Ngay tới Đức Phật cũng không chống cự nổi nàng;

Nàng mang tâm hồn của Ngọc Quý Trung Hoa

Nhưng tại Nhật Bản, nàng bây giờ vẫn mãi mòn.

Bên cạnh việc chỉ trích cách đối xử bất công đối với mẹ, hai bài thơ này hiển lộ nỗi bận tâm xa hơn của Ikkyu: quan hệ thường sóng gió giữa nam và nữ.

Với sự thoái hóa của thời đại, Ikkyu rất có thể đã bị lôi cuốn sớm vào tình yêu đồng tính tại ngôi chùa này. Ikkyu đã mất hứng thú với kiểu ái tình này, nhưng cảm hứng của sư với người nữ vẫn còn cho tới ngày cuối của 77 năm trong đời. (LND: tác giả John Stevens viết dựa theo cả huyền thoại và lời đồn, nên nhiều chi tiết có thể không đúng với sự thật lịch sử.)

Năm 1410, kinh hoàng vì lòng tham và hư hỏng của các vị sư lớn, cậu Ikkyu 16 tuổi rời bỏ chùa Ankoku-ji Sư loan báo chuyển đi với bài thơ:

Ngập đầy xấu hổ, tôi khó giữ được lời.

Thiền ngữ bị áp đảo và ma vương đã chiến thắng.

Các sư này lý ra phải thuyết về Thiền,

Nhưng họ chỉ khoe khoang về gia phả.

Ikkyu tới học đạo theo Ken o (viên tịch năm 1414), một vị sư già kỳ dị sống trong một túp lều xiêu vẹo, hẻo lánh trên ngọn đồi bên ngoài Kyoto Từ sớm trong đời ngài, Ken o đã gây sóng gió khi ngài từ chối nhận một inka, giấy chứng nhận của giác ngộ, từ Muin, vị khi đó là viện chủ chùa Myushin-ji Thời đó, các giấy chứng nhận này – thường là được mua hay gian lận kiếm được – rất cần thiết để kiếm một vị trí tại một ngôi chùa lớn. Do vậy, hành vi nổi loạn của Ken o đã tự đưa sư ra khỏi nhóm thế lực của Thiền, điều này cũng thích nghi với sư và người học trò đơn độc của sư, chàng Ikkyu quyết tâm và bướng bỉnh.

Vào cùng lúc, Ikkyu cũng học văn chương với một nhà sư học giả tên Seiso Một hôm, Tướng Quân Yoshimochi (1386--1428) xuất hiện nơi cổng chùa của Seiso và đòi khảo sát một bản văn nào đó thuộc về chùa. Trong khi các học trò khác co rúm vào góc, Ikkyu mạnh dạn ôm ra cuộn sách cổ, nhưng

không chịu bước xuống cổng chào để trao cho tướng quân hay các hầu cận như phép nghi lễ đòi hỏi. Cuối cùng, vị tướng quân, người đã từng chạm trán với Ikkyu trước kia, phải bước tới để đón nhận cuộn sách cổ. Sau khi liếc mắt qua một chút, tướng quân hoàn trả bản văn, rồi ra đi không một lời nói. Cậu thiếu niên Ikkyu từ đó được ca ngợi vì đã can đảm đứng kinh trước các thẩm quyền dân sự trấn áp.

Ikkyu ở với Ken o cho tới khi nhà sư không thỏa hiệp này viên tịch năm 1414. Sau khi an táng thầy với cương vị người thương khóc đơn độc và là người đào mộ cho thầy, chàng Ikkyu lang thang quanh Kyoto, thương khóc nỗi mất mát của chàng và tìm cách xoa dịu nỗi đau bằng tụng kinh và thiền định. Sư viếng thăm mẹ nhiều lần trong suốt thời kỳ hoang vắng này, và bà mẹ lo ngại vì hình dung tiêu tụy và tâm trí rối bời của sư tới nỗi bà bí mật cử một người hầu theo dõi con trai của bà khi nhà sư này lang thang.

Hoàn toàn nản lòng, Ikkyu quyết định tự trầm xuống Hồ Biwa, nói rằng, “Nếu tôi vô dụng trên cõi đất này, ít nhất hãy để tôi làm thức ăn tốt cho loài cá!” May mắn, người hầu của mẹ sư gần đó và mau chóng ngăn cản việc sư Ikkyu tự tử. Sau khi Ikkyu lắng dịu, người hầu trao cho sư một lá thư từ bà mẹ trong đó bà nài xin con duy trì thân mạng vì bà. Bà mẹ cũng viết: “Sự giác ngộ sẽ là của con một ngày nào đó; xin con hãy bền chí.” Ikkyu đồng ý về lại nhà của mẹ và suy tính thêm về số phận của sư.

Sư quyết định xin theo học Kaso (1352—1428), một vị thầy được xem như là nghiêm khắc hơn cả Ken o Hai vị thầy nghiêm túc này đại diện cho truyền thống Thiền Daito Nhà sư Daito (Shuho Myocho, 1282—1337), sau khi đạt ngộ dưới hướng dẫn của Daio (Nanpo Jomyo, 1235—1308), đã bỏ ra vài năm đào sâu sự chứng ngộ của mình trong khi sống như một người ăn mày ở vùng bên Cầu Đại Lộ Số 5 của Kyoto Bọn ngoài vòng pháp luật quanh cầu ưa thích thử nghiệm lưỡi gươm của chúng trên những người ăn mày tuyệt

vọng nơi đó, nhưng khi bọn cướp này một đêm đe dọa Daito, sự đối diện với chúng với lòng bình an không lay động.

Những thử thách của ta tiếp diễn

Không ngưng nghỉ—

Bây giờ ta sẽ thấy

Bất động làm sao

Tâm ta thực sự là.

Bị tước vũ khí bởi tâm bất động của Daito, bọn du côn sau đó phải để yên cho thầy.

Ngay cả sau khi Hoàng Đế Hanazono đã tấn phong Daito là viện chủ đầu tiên của chùa Daito-ji năm 1324, nhà sư vẫn giữ một kỷ luật nghiêm khắc, cho cả các học trò và cho chính mình. Tới bây giờ, bản văn “Lời Cảnh Sách Cuối Cùng” của Daito vẫn còn được tụng đọc ở chùa Daitoku-ji.

Tất cả các người đã vào ngôi chùa núi này, đừng quên rằng người ở đây vì Đạo, không phải vì quần áo, lương thực... Hãy tự hướng mình suốt mọi thời để tìm biết cái bất khả tri Từ khởi đầu tới chung cuộc, hãy khảo sát mọi pháp tận tường. Thời giờ bay như tên bắn, đừng phí năng lực trên chuyện nhảm. Hãy chú ý! Hãy chú ý!

Sau khi sư già này hoàn tất chuyến hành hương này, vài người trong các người có thể sẽ trụ trì các chùa lớn với các điện đài lộng lẫy và những tàng kinh các to lớn, khảm vàng và bạc, và có nhiều đệ tử. Những người khác có thể tự hiến mình cho việc học kinh, trì chú, thiền định và nghiêm giữ giới luật. Dù làm bất cứ những gì, nếu tâm không hướng vào Đạo tối thượng của chư Phật và chư Tổ, thì nhân lành sẽ hủy diệt và giáo pháp sẽ suy mất.

Những người như thế chính là tà ma và không bao giờ có thể là kẻ nối pháp chân chính của tạ Những ai chỉ tự hướng về tâm mình và làm sáng tỏ được bốn tánh, ngay cả dù người này ở miền quê thật xa trong một túp lều, sống

nhờ rau củ đại nấu trên chiếc nồi cũ sút mẻ, thì người đó hàng ngày vẫn giữ được bản tông và thọ lãnh giáo pháp của ta với lòng biết ơn. Ai có thể xem điều này là nhẹ? Hãy tinh tấn hơn! Tinh tấn hơn lên!

Vào ngày viên tịch, Daito, người có một chân khập khiễng, mới nói về cái chân mang tật này: “Trọn đời ta đã theo người, nhưng hôm nay người phải theo ta!” Nói thế xong, ngài kéo chân này vào đúng tư thế thiền định, làm gãy xương, và đầu xương xuyên lỗ da của ngài.

Trong một thời gian ngắn, Kaso cũng là viện chủ chùa Daitoku-ji, mặc dù sư thích ở tại một thất nhỏ gần Hồ Biwaj Trái ngược với sự giàu có và phù phiếm của Daitoku-ji, nếp sống tại thất của Kaso thử thách quyết tâm của các học trò nhiệt tâm nhất. Khi Ikkyu tới đó, sư bị từ chối không cho nhập chúng. Ikkyu kiên trì, đứng ở ngay cổng trong 5 ngày kế tiếp – và lúc đó thì người gác cổng lấy thùng nước dơ ra tát và lấy chổi đánh vào người Ikkyu. Không nản, Ikkyu chịu đựng gần một tuần lễ bị trừng phạt sỉ nhục như thế, trước khi Kaso dịu xuống và cho Ikkyu vào. Trở thành một thành viên trong tăng đoàn của Kaso, Ikkyu tu học qua một chế độ nghiêm khắc: làm việc tay chân nặng nề, thức ăn đạm bạc, ngủ ít giờ, và ngồi thiền nhiều giờ.

Tuy nhiên, nhờ có tài về nghệ thuật, Ikkyu kiếm được ít giờ rảnh rỗi từ thời khóa biểu nghiêm khắc khi sư làm một vài việc cho các cửa tiệm tại Kyoto, như sơn các búp-bê với kiểu kimono do chính sư vẽ kiểu và làm các túi hương trầm. Tiền mà sư kiếm được đã giúp thêm cho căn thất của thầy Kaso.

Ikkyu tham nhiều công án theo Kaso hướng dẫn, nhưng đặc biệt hoang mang với công án thứ 15 trong Vô Môn Quan:

Khi Động Sơn (910-90) tới xin học với Vân Môn (tịch năm 949), vị thầy mới hỏi, “Người từ đâu tới?”

“Từ Tra Độ,” Động Sơn đáp.

“Người an cư kiết hạ Ở đâu?” Vân Môn hỏi thêm.

“Tại Chùa Báo Từ, ở Hồ Nam.”

“Rời chùa khi nào?”

“Ngày hai mươi lăm, tháng tám.”

“Người đáng ra lãnh 60 gậy của ta!” Vân Môn hét lên (mặc dù Ngài không thật sự đánh).

Hôm sau, Động Sơn lại lên hỏi Vân Môn, “Hôm qua, thầy nói con đáng lãnh 60 gậy. Không biết con lỗi gì?”

“Đồ túi cơm vô tích sự! Tại sao người lại đang lang thang ở đây và ở đó?”

Động Sơn hốt nhiên giác ngộ.

(LND: Công án do John Stevens ghi lại như trên có chỗ khả vấn. Theo nguyên bản Trung Hoa, công án số 15 là “Động Sơn Tam Đốn” – Ba Hèo của Động Sơn – thì không phải 60 gậy, đúng ra phải là 3 gậy; thêm nữa, câu cuối cùng phải là “Cái túi cơm, cứ thế Giang Tây, Hồ Nam.” Có thể ông dựa trên một bản Nhật Ngữ và “cứ thế Giang Tây, Hồ Nam” đã bị đổi thành “sao lại đang lang thang đây đó.”)

Một hôm, khi Ikkyu đang trong phố, sư nghe một nghệ sĩ mù đi hát dạo đang kể chuyện Phu Nhân Gio, ái thiếp của Tướng Taira no Kiyomori (chết năm 1181) thuộc thời đại Heian, nhưng bị bỏ rơi khi viên tướng say mê một giai nhân khác, nàng Hotoke (chữ này có nghĩa “Phật”). Cuối cùng, hai phụ nữ đều chán cuộc thế và các nỗi đau khổ trần gian, nên trở thành ni cô Vì các lý do chỉ sáng tỏ với Ikkyu, khi sư nghe bài hát này, sư hiểu ngay ý nghĩa của “Người đáng lãnh 60 gậy của ta!”

Trước khi có sự kiện này, Ikkyu được gọi là Shuken, vì Kaso quá sức ấn tượng về chuyện này nên ông liền đặt cho môn đồ pháp danh “Ikkyu,” tức là “Một [Sư] Ngừng Lại” (có thể dịch là Nhất Chi) cho thấy sự tự tại giữa sinh và tử, giữa mê và ngộ.

Bất kể tia chớp giác ngộ đã thấy, Ikkyu vẫn tiếp tục chiến đấu với các trở ngại thân xác và tinh thần. Sư đã tới ngôi Thiền suốt đêm trên Hồ Biwa trong một chiếc ghe mượn từ một ngư dân. Một đêm giữa mùa hè năm 1420, khi nhà sư Ikkyu 26 tuổi trôi lơ lửng trên mặt hồ vắng lặng, một con quạ kêu khàn khàn. Trong giây phút đó, Ikkyu đạt ngay một sự chứng ngộ thâm sâu. Khi Ikkyu tới kể với Kaso, vị thầy mới chế giễu, “Người có thể là một A La Hán, nhưng người vẫn chưa là một tông sư!”

Ikkyu trả lời thờ ơ, “Làm một A La Hán cũng được với con. Ai cần làm một tông sư”

Kaso mới hài lòng. “”Người giờ mới thật là một bậc thầy!” sư nói.

Kaso cũng đòi một “bài thơ giác ngộ,” như phong tục nhà Thiền, và Ikkyu làm ngay mấy câu:

Trong 10 năm, ta trong hỗn mang,

Sôi sục và phẫn nộ, nhưng giờ của ta tới rồi!

Con quạ cười lên, một vị A La Hán trôi lên từ nhơ uế,

Và trong ánh mặt trời của Chao-yang, một giai nhân cất tiếng hát.

Dòng cuối bài thơ, nhắc tới một mỹ nhân bị bỏ rơi khác trong Trung Hoa cổ, như dường cho thấy rằng nhà sư giác ngộ Ikkyu cuối cùng đã tự làm hòa được với số phận của bà mẹ của sư.

Người ta kể rằng khi Kaso trao Ikkyu một inka (chứng nhận giác ngộ), thì Ikkyu ném nó xuống đất để phản đối và nhảy đập lên nó. Thầy Kaso mới đưa inka này cho một trong các nữ đệ tử hàng đầu cất giữ, hy vọng rằng Ikkyu một hôm sẽ dịu lại và đón nhận nó. Lâu về sau, khi Ikkyu nghe tin vẫn còn tấm inka này, sư mới yêu cầu mang tới cho sư và xé văn bằng này ra nhiều mảnh. Khi Ikkyu khám phá ra rằng các môn đồ của sư đã ráp lại các mảnh đó lại, thì sư mới lấy tấm giấy đó và đốt đi. Bất kể như thế, Ikkyu vẫn ở lại với Kaso nhiều năm sau kinh nghiệm chứng ngộ đó. Sư hết lòng phục

vụ Kaso tới nổi sư đã dùng tay trần để chùi phân cho thầy mình, khi Kaso bệnh tiêu chảy và vấy bẩn ra. Tuy nhiên, hai người có một súc mả vào khoảng 1426, và Ikkyu đột nhiên rời tu viện.

Một lý do của bất đồng này là việc Ikkyu coi thường Yosō, một đệ tử chính yếu khác của Kaso. Yosō có nhiều năm tu hơn Ikkyu, nhưng họ không giống nhau chút nào, và hai người không bao giờ hòa hợp được với nhau. Có lẽ một lý do khác của việc Ikkyu ra đi còn là phong thái càng lúc càng bất thường và phi truyền thống của Ikkyu. Thí dụ, Kaso một lần quở trách Ikkyu vì đã tới dự lễ giỗ thầy của Kaso là Gongai trong bộ áo rách rưới và đôi dép rơm nát – ngay cả nhà sư khất khổ Kaso cũng tin rằng người ta nên trang phục nghiêm chỉnh để tưởng niệm người quá cố – nhưng Ikkyu chỉ khịt mũi, “Con trang phục trong cách một nhà sư nên trang phục. Tất cả bọn giả danh khác chỉ tô điểm trong mấy tấm che phân thôi!”

Sau vụ này, người ta kể Kaso có nói, “Ikkyu là người nổi pháp chân thực của ta, nhưng kiêu của nó là điên cuồng.” Vào lúc này, Ikkyu cũng tập thói quen “sáng lên núi, và đêm vào phố chợ” – tu Thiền kiêu tự viện vào ban ngày và tu Thiền kiêu chè chén say sưa khi đêm xuống. Thế là, Ikkyu bị buộc phải rời chùa của Thầy Kaso.

Sau khi tự ra riêng, người ta kể Ikkyu đã gặp vị Hoàng Đế hồi hưu Go-Komatsu năm 1427, điều có thể được diễn dịch như là sự hòa giải giữa người cha và đứa con rơi. Go-Komatsu đã hội ý và được Ikkyu cố vấn về nhiều vấn đề giáo pháp và thế tục quan trọng, và sau đó hai người gặp nhau thường xuyên. Ikkyu được triệu tới giường bệnh của Go-Komatsu năm 1433 và được trao tặng nhiều tác phẩm thư pháp và họa pháp từ bộ sưu tập triều đình. Ikkyu, người trước đó “chưa bao giờ sở hữu nhiều tới một cây kim,” đã trân quý các tác phẩm quý giá đó tới ngày cuối đời sư.

Kaso viên tịch năm 1428. Bài kệ thị tịch là:

Một giọt nước đóng băng giữa trời.

Bảy mươi bảy năm của ta

Tất cả đều xài xong!

Nước mùa xuân sủi bọt từ ngọn lửa.

Ikkyu dự tang lễ của thầy, sau đó tất cả môn đồ của Kaso đều có hướng đi riêng. Còn Ikkyu thì không bao giờ trụ lại, nhưng đã dùng hết phần còn lại đời sư để chơi rong vùng Kyoto, một kiểu sư tự mô tả là “Cuồng Vân.”

Một đám mây điên, giữa trời,

Trôi giạt điên dại, hoang dã như khi tới!

Ai biết rồi mây sẽ về đâu tụ, gió sẽ về đâu ngưng?

Mặt trời mọc từ biển Đông, và sáng trên đất.

Đầu thời kỳ này, một trong những bài thơ của Ikkyu ám chỉ sư có thể đã có một người vợ (và theo vài lời kể, đã có một con).

Một mối với những niềm vui đồng tính, ta kiếm một bà vợ.

Lối hẹp khổ hạnh không phải cho ta;

Tâm ta chạy đi hướng đối nghịch.

Thật dễ lém miệng về Thiền – còn ta chỉ ngậm miệng im

Và dựa vào yêu thương – vui chơi cả ngày.

Ikkyu đã bỏ ra nhiều thì giờ trong thành phố Sakai, nơi sư mau chóng được ngưỡng mộ bởi các thương gia giàu có, những người bị thu hút bởi phong thái kỳ dị của sư. Giữa những kỳ nhập thất dài hạn tại các căn thất xiêu vẹo hẻo lánh, tận hiến cho tu tập Thiền kiểu truyền thống, sư lại tới làm trò vui tại nhà của những người thế lực và giàu xu.

Vì được yêu chuộng như thế, năm 1440, sư Ikkyu được thỉnh làm trụ trì Nyoi-an, một ngôi chùa phụ của chùa Daitoku-ji. Tuy nhiên, sư đã mau chóng chán ghét với cái ngụy tạo và giả hình về mình, và đột ngột loan báo từ chức với bài thơ sau:

Muội ngày trong chùa này và tâm ta quay cuồng!
Giữa chân là sợi chỉ đỏ trải ra
Nếu người tới tìm ta vào ngày khác
Hãy tìm trong một tiệm súp cá, một quán rượu, hay một nhà thổ.
Sợi chỉ đỏ của đam mê ám chỉ tới một công án tính dục lần đầu đưa ra bởi
Thiền Sư Trung Hoa Sung-yuan (Shogen, tịch 1202):
Để hiểu Đạo hoàn toàn sáng tỏ, có một điểm cốt tủy người phải tham cứu và
đừng tránh né: sợi chỉ đỏ đam mê giữa chân chúng ta mà không có thể cắt
rời. Vài người gặp trở ngại, bởi vì nó không dễ dàng dịu lặng. Nhưng người
phải tấn công nó trực diện, không do dự hay bỏ lui, làm cách nào khác mà
giải thoát tới được?
Trong một bản ngắn gọn hơn, công án này là, “Tại sao ngay cả người giác
ngộ nhất không có thể cắt lìa sợi chỉ đỏ đam mê”
Ikkyu là một trong vài Thiền Sư nhận lấy thách thức của Sung-yuan trực
tiếp.
Giữ giới độc thân một cách mù quáng, và người không hơn gì một con lừa.
Phá giới, và người chỉ là con người.
Thiền phong là sự hiển lộ trong những cách nhiều như cát sông Hằng.
Mỗi bé sơ sinh là trái cây của kháng khí phu thê.
Bao nhiêu kiếp, các nụ hoa bí mật đang nở và tàn?
Với một thiếu nữ đẹp, ta mê mãi trong tình yêu – vui chơi nồng thắm;
Chúng ta ngồi trong nhà lều, một gái dục lạc và Thiền sư này.
Ta vui thích với ôm và hôn
Và chắc chắn không cảm thấy như ta đang cháy trong địa ngục.
Bên cạnh “Sợi chỉ đỏ của đam mê,” còn có một công án tính dục khác mà
hầu hết các Thiền Sư muốn tránh:
Một bà lão xây một căn lều cho một nhà sư và hỗ trợ sư trong hai mươi năm.

Một hôm, để thử nghiệm mức độ giác ngộ của sư, bà cụ gửi một thiếu nữ tới lều với mệnh lệnh là phải quyến rũ sư. Khi thiếu nữ ôm nhà sư và hỏi, “Sao thế này?” thì sư trả lời cứng rắn, “Cây khô trên đá lạnh; không chút hơi ấm trong ba đông.” Nghe sư trả lời thế, bà lão đuổi sư đi và đốt rụi căn lều. Tại sao?

Phản ứng của sư Ikkyu với công án trên là, “Nếu một mỹ nữ tới ôm nhà sư này, thì cành khô của ta sẽ rụng thẳng dậy!”

Đối với Ikkyu, đam mê là cái đe mà trên đó sự giác ngộ chân thật được rèn luyện.

Một nhà sư mê tình dục, người tội nghiệp!

Máu nóng và đam mê, hoàn toàn bị đánh thức.

Nhưng rồi dục lạc đã làm cạn mọi đam mê,

Biến gạch ngói thành vàng ròng.

Hoa sen

Không nhiễm bùn;

Thân giọt sương này,

Riêng nó, như nó là,

Hiện lộ cả chân thân.

Một hôm Ikkyu đang đi trong một vùng cô lập, khi sư bất ngờ thấy một phụ nữ trần truồng rửa soạn tắm trong một dòng sông. Ikkyu ngừng chân, cúi đầu tôn kính về hướng nàng, và tiếp tục đi. Nhiều người qua đường chứng kiến cảnh tượng dị thường đã chạy theo Ikkyu để xin giải thích về thái độ dị thường của sư.

“Một người đàn ông bình thường sẽ ngó chòng chọc cái nàng trần truồng đó.

Tại sao sư lại cúi đầu tôn kính thân truồng bà ta?” Họ hỏi.

Ikkyu trả lời, “Phụ nữ là nguồn sinh khởi chúng hữu tình, kể cả Đức Phật và Bồ Đề Đạt Ma!”

Bên cạnh Sung-yuan, Ikkyu còn được xem là gần với hai Thiền sư Trung Hoa khác, Lin-chi (Nhật ngữ: Rinzai; Việt ngữ: Lâm Tế -- viên tịch năm 867) và đặc biệt, Hsu-tang (Nhật ngữ: Kido; Việt ngữ: Hư Đường, 1185—1269). Thiền Lâm Tế thì trần trụi: “Hãy đi cầu, đi tiểu và làm người thôi; khi đói thì ăn, mệt thì ngủ; tự người phải là ông chủ trong mọi tình huống!” Mặc dù Lâm Tế không nói cụ thể về tình dục, sự quở trách các môn đồ là đừng “mê thánh mà ghét phàm”; nếu họ làm thế, họ sẽ không bao giờ thoát khỏi “vòng xoáy luân hồi.” Ikkyu đã giữ lấy lời khuyên của Lâm Tế: “Nếu người khát,” sư nói, “người mơ về nước; nếu người lạnh, người mơ một áo ấm; còn ta, ta mơ về những niềm vui của khuê phòng – đó là bản chất của ta”

Khi vị thầy của Lâm Tế trao cho sư các vật tượng trưng cho truyền Pháp, Lâm Tế đã thoải mái đốt rụi chúng đi, vì sư coi thường thái độ mộ đạo và nghi thức. Ikkyu cũng tương tự và một lần đã làm bài thơ nhan đề “Ta Ghét Hương Trầm.” Sư tuyệt đối không dùng kiểu học lý thuyết xuôi.

Một nhà sư học giả nói với Lâm Tế, “Nội dung Kinh Điển là hiển lộ Phật Tánh, thầy có đồng ý không?”

Lâm Tế đáp, “Người vẫn chưa làm cỏ vườn nhà người mà.”

Cùng một chủ đề, Ikkyu đã viết:

Mỗi ngày, các sư chi ly xem xét Giới Luật
 Và tụng không ngừng các Kinh thâm sâu.
 Dù vậy, trước đó, họ nên trước tiên hãy
 Đọc các thư tình gửi tới bởi gió và mưa, tuyết và trăng.

Lâm Tế thô bạo và cộc cằn với các thiền sinh do dự, đưa tay bạt tai họ, và hét inh tai các môn đồ đó. Ngài thực sự là kẻ khủng bố, như Ikkyu mô tả trong bài thơ vẽ bên chân dung của vị thầy đáng sợ đó.

QUÁT, QUÁT, QUÁT, QUÁT!
 Tùy hoàn cảnh, sư làm chết hay cho sống!

Một con quỷ dữ với cặp mắt sáng

Thấy tỏ tường như mặt trời và mặt trăng.

Ikkyu tự xem mình như một trong các người nổi pháp chân thực của Lâm Tế và gọi nơi ẩn dật ưa thích của mình là Katsuro-an, “Am Con Lừa Mù,” gọi theo lời tiên tri của Lâm Tế rằng giáo pháp của ngài sẽ được truyền bởi “các con lừa mù” – những Thiền gia bướng bỉnh, không thỏa hiệp, những người không bị lóa mắt vì danh vọng và phú quý. Trong truyền thống đó, Ikkyu cảm thấy tự do lên án và tấn công tất cả các Thiền gia nửa mùa.

Ikkyu còn thấy mình gần hơn với Hư Đường, vị thầy Trung Hoa của Daio, người sau đó sẽ dạy cho Daito (Đại Đăng), vị sáng lập dòng thiền chùa Daitoku-ji Là một người lang thang và là một nhà thơ, Hư Đường đòi một thứ Thiền chân thật thuần túy: “Phật Pháp là làm những gì đúng đắn và chính đáng, không phải xây chùa to và chức vị hào nhoáng.” Độc lập tới cùng và không sợ bất kỳ giới thẩm quyền tôn giáo hay thế tục nào, Hư Đường một lần bị giam vào tù vì chống một vương lệnh mà sư cho là bất công. Bài kệ thị tịch của Hư Đường đơn giản là:

Tám mươi lăm năm

Không biết gì Phật Pháp,

Chỉ đi đều thôi

Và không để dấu tích nào trong Không.

Sách Hư Đường Ngũ Lục (Anh: The Records of Hsu-tang; Nhật: Kido roku) là cuốn mà Ikkyu ưa đọc. Dưới đây là “Ba Câu Chính” của Hư Đường, kèm với lời bàn của Ikkyu:

(#1) “Thiếu mắt sáng, làm sao người lấy hư không làm quần vải được?”

Bánh vẽ, chuyện tiêu lâm thô, không bao giờ làm hết đời.

Sinh ra với mắt, nhưng trông như mù.

Trong nhà lạnh, khởi niệm áo quần,

Và áo choàng của các vị tiên sẽ hiện trong bóng tối.

(#2) “Đứng giữa vòng, vẽ trên đất, làm sao người vào mà không qua được?”

Ta không bao giờ chán các niềm vui lớn của mùa xuân

Nhưng mọi người khác lại sợ cận chén.

Cõi trời đạt rồi, địa ngục biến mất.

Ta để cả ngày giữa hoa rơi và bông tơ gió thổi.

(#3) “Người có thể đếm cát bờ biển, nhưng làm sao người có thể đứng trên đầu kim?”

Xé mặt đất, đếm cát, đó là chuyện lớn;

Với thần lực, người có thể đứng trên kim.

Còn ta, không là gì cả, chỉ là một nhà sư bất tài, quê mùa

Nhưng ta vẫn là truyền nhân của Hư Đường ở Nhật Bản.

Chẳng bao lâu, Ikkyu bắt đầu ký tên lên các tác phẩm của mình là “Ikkyu, hiện thân đời thứ 7 của Hư Đường tại Nhật Bản.” Sư lại để tóc dài và chòm râu dơ bẩn y hệt Hư Đường, và rồi có bản vẽ chân dung “Ikkyu như Hư Đường” trong đó hai khuôn mặt kết hợp thành một. Ikkyu làm bài thơ sau để ca ngợi Hư Đường:

Viện chủ Hư Đường coi thường thế giới

Và cởi bỏ y áo hệt như chiếc dép vô dụng,

Không màng với “trao truyền trực tiếp” của Lâm Tế.

Khấp trời sáng rực, hát thành lời ngợi ca.

Sau khi Ikkyu rời bỏ am Nyoi-an năm 1440, sư quảng bá kiểu Thiền Lâm Tế – Hư Đường – Ikkyu năng động, lập dị tại Kyoto và vùng quê quanh đó. Vào một ngày Mồng Một Tết (cũng là sinh nhật của sư), Ikkyu gắn một đầu lâu vào gậy tre và đi vòng vòng thành phố le hét, “Coi chừng, coi chừng!” Khi dân chúng lễ hội quở trách sư là tìm cách làm hỏng ngày lễ, Ikkyu cãi lại, “Nhắc nhở tới cái chết sẽ không làm hỏng gì lễ hội,” lại thêm rằng, “Ta cũng

đang ăn mừng lễ mà,” và sư đọc bài thơ này:

Trong vạn pháp

Không có gì

Thích nghi hơn

Cái đầu lâu cũ

Bị thời gian bào mòn này!

“Nếu người hiểu và chấp nhận nó, thì người có thể thật sự ăn mừng Năm Mới!” Ikkyu răn bảo thế.

Khi sư đang ở Sakai một năm, Ikkyu mang một thanh kiếm gỗ bên mình bất cứ khi nào.

“Tại sao sư làm thế?” dân chúng hỏi. “Thanh kiếm để giết người, và không thích hợp cho một vị sư mang theo.”

Ikkyu trả lời, “Khi nào lưới gươm này còn trong bao, nó trông như đồ thật và ai cũng bị ấn tượng, nhưng nếu rút ra khỏi bao và cho thấy chỉ là thanh kiếm gỗ, nó thành trò cười – cũng y hệt như Phật Giáo bây giờ, đẹp mặt ngoài, trống rỗng bên trong.”

Một lần, một thương gia giàu mời nhiều vị trụ trì và danh tăng tới dự bữa tiệc chay. Khi Ikkyu xuất hiện trong bộ y rách và đôi giày rom nát, sư bị nhầm là gã ăn mày bình thường, nên được dẫn ra sau nhà, cho một quan tiền và bảo đi chỗ khác. Lần sau, vị thương gia lại mở tiệc, Ikkyu tới tham dự trong bộ phẩm phục màu mè. Ikkyu cởi bỏ bộ phẩm phục và đặt nó trước khay.

“Thầy làm gì thế?” vị gia chủ hỏi sư.

“Thức ăn thuộc vào bộ áo, không thuộc vào ta,” Ikkyu nói trong khi bước ra ngoài cửa.

Mỗi năm, các ngôi chùa trên Núi Tỉ Duệ (Nhật: Hiei) phơi các bộ sưu tập kinh điển, và nhiều Phật tử hành hương lên núi ngày đó để hưởng công đức.

Một năm, Ikkyu có mặt nhưng sư lăn ra ngủ dưới một gốc cây gần ngôi chùa chính, và một vị sư tới la mắng sư:

“Hôm nay, chúng ta phơi các thánh điển! Không có chỗ để ngủ trưa, tên du côn phạm thánh này!”

Ikkyu trở mình và cãi, “Cái nào tốt hơn? Phật pháp trên giấy, hay Phật pháp trong thân xác? Bây giờ ta đang phơi Phật pháp trong thân xác, nên làm ơn hãy để ta một mình!”

Cũng như với rượu và phụ nữ, Ikkyu yêu thích món ăn hải sản, đặc biệt là con bạch tuộc, và làm bài thơ sau để ca ngợi món này:

Nhiều tay, y hết Quan Thế Âm;

Linh thánh cho ta, vắt thêm chanh vào,

Hãy tôn kính như thế!

Vị ngon của biển, hết như cỗi trời!

Rất tiếc, thưa Phật, con không giữ được giới này.

Một dược sĩ Kyoto có phương thuốc hay để trị bệnh đau cổ, nhưng giữ bí mật công thức và bán thuốc này rất đắt. Ikkyu nghĩ thế là bủn xỉn, và tới gặp thầy lang này.

“Hàng ngàn người có thể hưởng lợi nhờ phương thuốc của ngươi,” Ikkyu nói với thầy lang. “Chỉ nghĩ tới mình thì không tốt đâu.”

Thầy lang vẫn từ chối tiết lộ công thức, nhưng khi Ikkyu một mực yêu cầu, ông cuối cùng đưa cho vị thiền sư với điều kiện là sư Ikkyu dùng công thức đó riêng cho sư, và đừng nói cho ai biết công thức. Ikkyu đồng ý như thế.

Nhưng ngay khi sư về chùa, sư dựng tấm bảng viết dòng chữ:

Hỡi những ai đau khổ vì bệnh cổ! Hãy sắc thuốc theo công thức dưới đây, và ngươi sẽ tức khắc hết bệnh.

Khi thầy lang nghe chuyện đó, bèn nổi giận và chất vấn Ikkyu: “Sư đã hứa không nói cho ai mà!” thầy lang hét lên.

“Nhưng ta không hề nói gì với ai đâu,” sư Ikkyu phản đối. “Ta chỉ làm có mỗi việc là viết tám bảng. Và ta đã làm cho người một đại công đức – nếu người cứ giữ công thức đó bí mật, người sẽ xuống địa ngục. Ta đã cứu người khỏi số phận đó.”

Thời đại này đầy hỗn loạn, nhưng Ikkyu không chịu ngồi thụ động trong thất. Sư giao tiếp với xã hội ở mọi giai tầng và hiển lộ một phong thái Thiền dần thân. Các nông dân bị bóc lột vì thuế cao và quan tham nhũng, và Ikkyu thường thay mặt họ, gửi các bản kháng thư bằng thơ lên các tướng quân địa phương.

Sao làm thế hoài,

Sao cứ lấy hoài

Từ ngôi làng này;

Làm họ đói

Và người sẽ sống ra sao?

Có lúc, Ikkyu cũng đóng vai Robin Hood. Khi một thương gia giàu từ trần, tang gia tính làm một tang lễ lớn và đắt tiền, sư Ikkyu trích phần tiền tang lễ và chia cho dân nghèo. Khi gia đình phản đối, Ikkyu mới quở trách họ, nói, “Chỉ vài xu là đủ để trả cho người lái đò để vượt Sông Luân Hồi. Tiền đó nên xài cho người sống, đừng cho kẻ chết!”

Ikkyu đã làm bài thơ sau gửi lên các quan:

“Hãy Xóa Hết Nợ”

Bọn cướp không bao giờ cướp nhà dân nghèo;

Tài sản tư không làm lợi cho cả nước.

Tai họa sinh từ tài phú tích tập

Của những kẻ mất lương tri vì mười ngàn quan tiền.

Chính Ikkyu cũng quá quen với cảnh nghèo quá phổ biến.

“Đôi Thơ Lấy Gạo”

Một lần nữa, ta lang thang Higashiyama, bụng đói.
Khi đó, một chén cơm giá bằng ngàn vàng.
Người xưa từng dối lời khôn ngoan lấy vài trái vải,
Nhưng ta không ghìem được lời hát ngợi ca trăng và gió.
“Biết Ôn Người Cúng Đường Nước Tương”
Buông thả và giải thoát, sống thế đã ba mươi năm
Mây Thiền hành pháp Thiền riêng của mình.
Trăm hương vị làm đậm bữa ăn đơn giản của ta:
Cháo loãng và trà thô là một phần của Chơn Truyền.
Thay vì vàng bạc, Ikkyu kêu gọi Phật Tử hãy tìm đạt “Kho Tàng Hiền Nhân”:
Trần bảo của nhà thơ là chữ và câu;
Tháng ngày của học giả được ướp thơm bằng sách.
Hoa mạn nở ngoài song: niềm vui tối thượng.
Bụng gầy, lạnh nhưng vui vì tuyết, vì trăng, vì sương mai.
Tấm lòng Ikkyu chăm sóc chúng sinh còn mở rộng cho cả loài vật, và sư đôi khi làm tang lễ cho các con thú. Khi con chim sẻ của sư chết, Ikkyu viết bài văn thương tiếc:
“Tôn Quý của Rừng”
Ta đã nuôi một chim sẻ nhỏ mà ta rất thương yêu. Một hôm nó đột nhiên chết và, đau đớn vì mất mát, ta quyết định làm tang lễ cho bạn nhỏ của ta, y hệt như nó là người. Thoạt tiên, ta gọi nó là “Chim Sẻ Môn Đồ,” nhưng khi nó từ trần ta mới đổi tên nó là “Chim Sẻ Phật Đà.” Cuối cùng, ta cho nó một pháp danh hậu sự là “Tôn Quý của Rừng.” Ta làm bài thơ này để tưởng niệm:
Một thân Phật 16 bộ của tím và vàng
Năm giữa hai cây song đôi của Niết Bàn.

Bây giờ thoát khỏi hư giả, vượt qua sinh và tử,
Nhưng hiện diện trong một ngàn núi, mười ngàn cây, và một trăm dòng suối.
Vị Thiền Sư gần với trần gian này có nhiều đụng chạm với các yamabushi
(các thầy tu khổ hạnh trong núi để tìm thần thông). Một lần, một yamabushi
to con, da ngăm tới nói với Ikkyu và hỏi, “Phật Giáo là gì?”

Ikkyu trả lời, “Sự thật trong nhân tâm.”

(LND. Tuy nhiên, theo tự điển Nhật-Anh Freedict.com thì chữ yamabushi có
nghĩa “vị sư núi, vị sư du phương,” có hơi khác nghĩa với chú thích trong
ngoặc trên của John Stevens. Theo văn mạch, chữ yamabushi này nhiều
phần chỉ cho vị sư Mật Tông ẩn tu trong núi.)

Vị yamabushi rút ra một dao găm bén nhọn, và chĩa vào ngực Ikkyu “Vậy
thì, chúng ta hãy cắt ngực để lấy tâm sư ra mà xem.”

Không nao núng, Ikkyu đáp trả bằng bài thơ:

Chẻ ra

Các cây anh đào của Yoshino

Và nơi đâu người sẽ tìm

Các chùm hoa

Nở ra hết xuân này rồi xuân kia?

Một lần khác, một yamabushi gặp Ikkyu trên một đường núi.

“Thầy đang đi đâu, vị Thiền sư khả kính này?” vị yamabushi dò hỏi.

“Bất cứ nơi nào gió mang ta tới,” Ikkyu nói với vị này.

“Chuyện gì xảy ra khi không có gió?”

“Thì ta tự làm gió,” Ikkyu nói với tiếng cười khi sư thổi vào ống sáo tre.

Ikkyu một lần trên chiếc đò, thì một thầy yamabushi thách thức.

“Trong Thiền Tông, các sư không có thần thông như chúng tôi bên các phái
mật tông.”

“Ngược lại chứ,” Ikkyu đáp, “Trong Thiền, việc mỗi ngày đều là thần

thông.”

“VẬY sao?” Vị yamabushi cười nhạo. “Sư làm hơn thế này được không?”

Sau khi thực hiện một nghi lễ rườm rà, vị yamabushi triệu lên một hình ảnh dữ tợn của Fudo Myo- O, vị thần bảo vệ dữ dằn, vào nơi mũi ghệ Sư Ikkyu lập tức vén quần đái vào linh ảnh kia và đập tắt đi.

“Đây mới là thần thông ra từ thân ta,” sư nói.

Vào lúc đó, chiếc đòn đã tới bờ, nơi một con chó đang chạy tới lui và sủa hung bạo về các khách đi đòn. Vị yamabushi, cầm xâu chuỗi và đọc câu thần chú, tìm cách ếm một câu chú vào con chó, nhưng con chó cứ sủa hoài. Sư Ikkyu rút từ tay áo ra mẩu bánh nếp, trao cho chó, và rồi vỗ vỗ vào đầu nó trong khi các hành khách khác xuống đòn bình yên.

Mặc dù Ikkyu không bao giờ muốn có đệ tử, và thực sự đã xua đuổi những người tìm sư, nhưng chung quanh sư vẫn liên tục có các môn đồ mà họ lớn dậy nhờ vào sự đơn giản và tu tập thuần túy họ học từ sư. Như chính sư nói, “Tinh tấn tu học là cốt tủy của chư Phật và chư Tổ; Phật là tu thành, chứ không phải sinh là Phật.”

Tuy nhiên, một số người hiểu nhầm sư Ikkyu có một đệ tử bất chước y chang kiểu hoang dã của Ikkyu, ngủ trên bàn thờ giữa các ảnh tượng Phật, và lấy giấy xé từ kinh điển ra làm giấy cầu tiêu. Sư Ikkyu mới triệu người đó tới và hỏi, “Người nghĩ rằng người là Phật?”

“Vâng,” vị đệ tử đáp. “Chúng ta đều là Phật – thầy cũng đã nói thế.”

“Nếu người là Phật, thì sao lại sử dụng mấy thứ bẩn như giấy kinh làm giấy nhà tiêu? Không phải vị Phật xứng đáng thứ gì tốt hơn, thí dụ như giấy trắng, sạch?” Ikkyu rồi hỏi. “Hãy cho ta nghe bài thơ chứng ngộ của người.”

Vị đệ tử đáp:

Ngồi trong thiền tọa

Nơi Các Cây Cầu Đại Lộ Số Bốn

Và Số Năm;
Mọi người đi ngang qua,
Vớ ta, chỉ những cây trong rừng sâu.
“Chưa được!” Sư Ikkyu hét lên, và đọc liền bài sửa lại:

Ngồi trong thiền tọa
Nơi Các Cây Cầu Đại Lộ Số Bốn
Và Số Năm;

Mọi người đi ngang qua,
Vớ ta, chỉ như họ là!
Sau chuyện này, vị đệ tử đó ngưng bắt chước kiểu của thầy.

Năm 1444, có một hiểm họa nghiêm trọng đối với sự độc lập của chùa Daitoku-ji, và Ikkyu đã liên kết với Yoso, người mà Ikkyu không ưa, trong nỗ lực ngăn cản việc bổ nhiệm Nippo (1368-1448) vào chức trụ trì Daitoku-ji. Sư Nippo thuộc nhóm đối thủ bên chùa Myoshin-ji, nơi được hỗ trợ bởi vị Tướng Quân, trong khi chùa Daitoku-ji được hỗ trợ bởi Hoàng Đế. Ikkyu và Yoso còn diễn tập một kịch bản về mặt thể lý (sư Ikkyu sẽ đứng chặn cổng) và về mặt tâm lý (họ sẽ đưa các câu hỏi chặn lại) để ngăn Nippo không nắm chức trụ trì. Các nỗ lực đó vô ích, bởi vì Nippo được hỗ trợ bởi dòng tộc Hosokawa đầy thế lực, các tay chân của Tướng Quân, và người lấn chiếm từ chùa Myoshin-ji sau cùng đã lên nắm trụ trì. Tuy nhiên, các sư chùa Daitoku-ji vẫn tiếp tục kháng cự Nippo, và năm 1447, khi một trong các sư tự tử, nhiều vị sư bị bắt giam vào tù. Những chuyện này thì quá sức cho Ikkyu, nên sư rút về Núi Yuzuriha, phát nguyện nhịn đói tới chết để phản đối:

Ta xấu hổ vẫn còn sống –
Ta tu Thiền và học Đạo quá lâu nhưng vẫn còn thứ cặn này
Chánh Pháp của Phật đã bị quét đi và hủy diệt,

Để thay bằng các Ma Vương cao trăm thước.

Hoàng Đế Go-Hanazono (khoảng 1429-64) ra lệnh cho một sứ giả tới thuyết phục Ikkyu:

Nếu thầy khả kính tiếp tục nhìn đôi, cả Phật Đạo và Vương Đạo sẽ hoại diệt.
Sao thầy nỡ bỏ chúng ta Sao thầy nỡ bỏ đất nước?

Có lẽ bởi vì trước đó sư đã thu hút được sự quan tâm của Hoàng Đế (và hoàn cảnh sau đó có cải thiện chút đỉnh ở chùa Daitoku-ji), Ikkyu được cung thỉnh rời bỏ cuộc tuyệt thực.

Khoảng năm 1450, thỏa hiệp tạm giữa Ikkyu và Yoso sụp đổ, và sự mâu thuẫn cũ lại về. Nhiều đệ tử của vị sư già Yoso đã rời bỏ thầy để xin nhập tăng đoàn của Ikkyu – điều này đổ thêm dầu vào lửa. Năm 1453, một trận hỏa hoạn đã thiêu rụi phần nhiều chùa Daitoku-ji và khi một trong các đệ tử của sư Yoso được bổ nhiệm làm trụ trì, thì Ikkyu lại thêm giận. Năm kế tiếp, Ikkyu và Yoso chạm mặt nhau, với Yoso tố giác Ikkyu là đã ném “nước bẩn” vào mặt vị thầy Kaso của họ bằng thái độ hoang dại và cứ chỉ trích hoài các người nổi pháp hợp pháp của sư Kaso. Ikkyu đáp trả rằng các học trò của Yoso không bao giờ nhắc tới cơn đói và sự gian nan mà Daito và các vị tổ khác của chùa Daitoku-ji đã chịu đựng khi tìm tòi pháp Thiền chân thật, nhưng lại ẩn trú trong ảnh hưởng họ có nhờ các quý tộc và tướng quân, và các dinh phủ lớn đã xây lên nhân danh họ.

[Ikkyu] nói về trí tuệ tối thắng của Daito

Nhưng tiếng chuông xe ngựa hoàng gia đã đắm chìm sư

Và không ai còn nghe chuyện của chư Tô?

Nhiều năm đói và vô gia cư ở Cầu Đại Lộ Số Năm.

Sau cuộc chạm trán nảy lửa đó, không ai nói với ai nữa, mặc dù Ikkyu vẫn giữ kiêu tân công trong các bài thơ châm chọc và các tuyên bố công khai.

Ikkyu, của tất cả mọi người, còn lên án Yoso đã dính dáng với phụ nữ, và sư

hài lòng khi Yoso viên tịch năm 1458 về điều mà Ikkyu nói có thể chỉ là bệnh cùi, sự đền đáp công bằng đối với bọn tà giáo và gian ác. Quá chán với cuộc tranh cãi với Yoso và đệ tử vị này, từ năm 1461 Ikkyu tạm thời rời bỏ Thiền Tông và có vài tháng gia nhập Tịnh Độ Tông.

Mây Điên là con quỷ trong dòng pháp của Daito,

Nhưng hấn ghét kiểu cãi cộ địa ngục này.

Công án cũ và truyện tích xưa để làm gì?

Than phiền vô ích. Ta chỉ dựa vào ngọc quý trong ta thôi.

Lý do nào mà Ikkyu ghét Yoso như thế? Hai sư đã kình nhau từ hồi cùng là đệ tử của Kaso, và Ikkyu chắc chắn đã cảm thấy rằng mình tài năng hơn Yoso, sư huynh hơn tuổi đạo. Nhưng Yoso là người được chính thức công nhận là đại đệ tử của Kaso và hai lần được bổ nhiệm làm trụ trì Daitoku-ji. Cũng chính Hoàng Đế đã trao tặng Yoso danh hiệu “The Wise One, Great Light Zen Master” (có thể dịch là: Trí Giả Phổ Quang Thiền Sư LND). Sư Ikkyu đã chơi chữ để biến danh hiệu đó thành, “The Filthy One, Burning with Lust Zen Master” (tạm dịch: Thiền Sư Nhơ Bẩn, Bị Tham Dục Đốt Cháy).

Một nguồn mâu thuẫn khác còn là cá tính của họ, vốn trái nghịch nhau:

Ikkyu thì lạnh lợi, quyết liệt, không thỏa hiệp; còn Yoso thì hòa giải, dè dặt và bảo thủ. Đối với Ikkyu, sư Yoso, bất kể mọi vinh dự trần gian, thì không hơn gì một búp-bê thầy tu, vắng bật hiểu biết và cảm hứng chân thật, và Yoso hiện thân cho mọi thứ mà Ikkyu ghét cay ghét đắng trong thế giới của Thiền. Tuy nhiên, sự thù nghịch của Ikkyu lại có vẻ quá độ và bộc lộ một khuyết điểm trong cá tính sư.

Bởi vì Ikkyu sống trong một trong những thời hỗn loạn nhất lịch sử Nhật Bản – một chu kỳ liên tục của đói kém, dịch bệnh, cướp gạo, và chiến tranh – có lẽ sự thiếu bao dung của sư có thể hiểu được. Bên cạnh cái chết và sự

hủy diệt xảy ra quanh sư, Ikkyu liên tục có các xô xát với các sư đương thời, tổ giác họ là đã làm hư hỏng Phật Giáo vì lợi dưỡng và danh vọng. Với môi trường u ám như thế, vào năm, nhà sư bi quan 63 tuổi này đã sáng tác bản văn Bộ Xương (Gaikotsu), và bài này trở thành tác phẩm nổi tiếng nhất của sư và vẫn còn được đọc và nghiên cứu bây giờ:

Những nét mực Ấn Độ này hiển lộ toàn bộ sự thật.

Các đệ tử, hãy ngồi tĩnh tấn tọa thiền, và người sẽ chứng ngộ rằng vạn pháp sinh khởi trong thế giới này vốn thật rỗng lặng, kể cả chính người và bản lai diện mục của các pháp. Vạn pháp thực sự xuất sinh từ tánh không. Cái vô tướng tối sơ là “Phật,” và mọi chữ gọi tương tự – Tánh Phật, Cõi Phật, Đẳng Giác Ngộ, Tổ Sư, Thiên Đế – chỉ đơn giản là các tên gọi khác nhau của cùng tánh không đó. Hiểu sai điều này, và người sẽ rơi vào địa ngục.

Lòng đầy những chán sợ và mong mỗi tự giải thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi, ta đã xuất gia và lên đường. Một đêm, khi ta đang tìm một nơi để nghỉ, thì gặp một ngôi chùa nhỏ. Chùa này dưới chân núi, xa đường chính, như đường lạc trong Đồng Bằng An Nghỉ. Ngôi chùa nằm trong một cánh đồng những năm mồ, và đột nhiên một bộ xương trông tội nghiệp xuất hiện và nói thế này:

Gió thu buồn thảm

Thổi xuyên thế giới;

Cổ đại rập mình,

Khi chúng ta dạt về đồng hoang,

Dạt về biển.

Có thể làm gì

Với tâm của người

Đáng lý ra phải tỏ sáng

Nhưng anh lại mặc vào chiếc áo nhà sư,

Và cứ để cuộc đời trôi qua sao?

Vạn pháp thành không bằng cách trở về tận gốc. Bồ Đề Đạt Ma ngồi thiền nhìn vách, nhưng không một niệm nào khởi trong tâm Tổ Sư có thực tướng tí nào. Tương tự cũng thế với 50 năm thuyết pháp của Phật. Tâm không buộc vào các pháp nhân duyên như thế.

Những trầm ngâm như thế làm ta không an, và không thể ngủ được. Rạng sáng, ta ngủ gà ngủ gật, và trong mơ thấy mình bao quanh bởi một bầy bộ xương, làm như thể chúng vẫn đang còn sống. Một bộ xương bước tới và nói:

Trí nhớ

Bỏ Chạy và

Không gì nữa.

Tất cả là mộng huyễn

Không nghĩa gì.

Làm trái tánh thực chư pháp

Và nói nhảm về

“Thiên Đế” và “Phật”

Và người sẽ không bao giờ tìm ra

Đạo chân thật.

Vẫn đang thở,

Người cảm thấy sinh động,

Nên một cái xác trong cánh đồng

Như đường đã

Xa lìa khỏi người.

Ta thích bộ xương này -- hắn đã từ bỏ thế giới để tìm sự thật và đã trải qua từ các nông cạn tới các chiều sâu. Hắn nhìn thấy mọi chuyện rõ ràng, như chúng là. Ta nằm đó với gió trong rừng thông rì rào bên tai ta, và ánh trăng

thu nhảy múa trên mặt ta.

Cái gì không phải là mở Ai sẽ không trở thành một bộ xương? Chúng ta xuất hiện như các bộ xương được bọc bằng da – nam và nữ – và ái dục theo lẫn nhau. Khi hơi thở ngừng, thì làn da hư nát đi, tính phái biến mất, và không có dấu hiệu cao thấp gì nữa. Dưới làn da của người mà chúng ta đã vuốt ve mon trớn bây giờ không hơn gì một nắm xương trơ trụi. Hãy nghĩ về điều đó – cao và thấp, trẻ và già, nam và nữ, tất cả như nhau. Hãy tỉnh ngộ đối với chuyện lớn này, và người sẽ tức khắc hiểu ý nghĩa của “không sanh và không diệt.”

Nếu những tảng đá

Có thể dùng làm đài tưởng niệm

Cho người chết,

Thì một bia mộ tốt hơn

Sẽ là một hũ đựng cốt đơn giản.

Con người thực sự là các sinh vật đáng sợ.

Mặt trăng đơn le?

Sáng, to?

Trong bầu trời không mây;

Nhưng chúng ta vẫn vấp té

Trong bóng tối của thế giới.

Hãy nhìn kỹ – hãy ngưng hơi thở, bóc ra làn da, và mọi người trông giống nhau thôi. Bất kể người sống lâu bao nhiêu, kết quả vẫn thế [ngay cả với các hoàng đế]. Hãy dẹp bỏ cái kiến chấp rằng “Ta hiện hữu.” Hãy trao thân người cho các đám mây gió thổi, và đừng mong cầu sống vĩnh cửu.

Thế giới này

Chỉ là

Một giấc mơ phù du

Thế tại sao lại đề phòng
Tính hoại diệt của nó?
Tuổi thọ của người đã định, và mọi thứ nài nỉ chur thiên kéo dài [thọ mạng
của mình] cũng vô ích. Hãy chú tâm người vào một chuyện lớn này [của
sinh tử]. Cuộc sống kết thúc ở cái chết, đó là cách mà vạn pháp vẫn thế.
Tính vô thường của đời sống
Dù đón đau,
Dạy chúng ta
Đừng bám vào
Cái thế giới trôi nổi này.
Tại sao chúng sinh
Trang sức hoang phí
Trên nắm xương này,
Vốn sẽ biến mất
Không một dấu vết?
Thân nguyên thủy
Phải trở về
Nơi nguyên thủy.
Đừng tìm kiếm
Những gì không thể tìm được.
Không ai thực sự biết
Bản tánh của sự sinh
Cũng như trú xứ chân thực.
Chúng ta trở về nguồn
Và trở về cát bụi.
Nhiều đường từ
Chân núi,

Nhưng nơi đỉnh
Chúng ta đều nhìn thấy
Chỉ một mặt trăng sáng.
Nếu tận cùng chuyến đi chúng ta
Không có nơi
An nghỉ cuối cùng,
Thì chúng ta không cần sợ.
Mất Đường (Đạo) của mình.
Không khởi đầu,
Không chấm dứt.
Tâm chúng ta
Thì sanh diệt:
Cái không của cái không!
Hãy thư giãn,
Và tâm
Chạy lung tung;
Hãy kiểm soát thế giới
Và người có thể dẹp nó đi.
Mưa, mưa đá, tuyết, và băng:
Tất cả khác nhau,
Nhưng khi chúng rơi xuống
Chúng trở thành cùng thứ nước
Như dòng suối trong thung lũng.
Những pháp môn để hiển lộ.
Tâm thì có nhiều,
Nhưng cùng sự thật linh diệu đó
Có thể được thấy

Trong tất cả và trong mỗi pháp.
Hãy che lối người đi
Bằng các lá thông rơi
Để không ai có thể?
Dò tìm ra
Nơi an trú chân thật của người.
Thật hư huyền,
Những tang lễ vô tận ơ?
Các sân hỏa thiêu của Núi Toribe!
Không phải những người khóc
Nhận thức rằng họ sẽ ra đi kế tiếp?
“Đời sống vô thường!”
Chúng ta nghĩ thế khi nhìn thấy
Khói bay từ Núi Toribe,
Nhưng khi nào chúng ta sẽ thấy
Rằng chúng ta trên cùng ghe?
Tất cả đều hư huyền!
Sáng nay,
Một người bạn khỏe mạnh;
Tối đó,
Đã thành một làn khói lò thiêu.
Thật tội nghiệp!
Khói đêm từ Núi Toribe
Thổi ào ạt
Tới và lui
Bởi làn gió.
Khi bị thiêu,

Chúng ta trở thành tro,
Và thành đất khi bị chôn.
Chỉ còn duy có tội chúng ta
Là vẫn còn theo sau?
Tất cả tội
Đã phạm
Trong Ba Cõi
Sẽ tan theo
Cùng với tôi.

Đó là kiểu cách của thế giới. Những ai không nắm được tính vô thường của thế giới thì ngạc nhiên và kinh hãi vì sự thay đổi như thế. Bây giờ ít người chịu tìm sự thật Phật Giáo, và các tự viện phần lớn trống vắng. Các sư bây giờ hầu hết dốt nát mê muội, và tránh tọa thiền vì cho đó là phiền phức; họ lạc lõng trong thiền định, thay vào đó là tập trung vào làm đẹp chùa chiền. Tọa thiền của họ chỉ là trò giả vờ, và họ chỉ đơn giản giả trang làm sư – bộ y họ mặc sẽ tới ngày biến thành bộ trang cụ tra tấn.

Trong cõi sinh và tử, sát sanh sẽ rơi vào địa ngục; tham lam sẽ dẫn đi tái sanh làm ma đói; si mê sẽ dẫn người đi tái sanh làm thú vật; sân hận biến người thành quỷ. Hãy giữ giới, và người sẽ tái sanh làm người. Hãy làm thiện và người sẽ lên cõi chư Thiên. Trên sáu cõi này là có bốn tầng Phật trí, cùng với mười phương cảnh giới. Tuy nhiên, một niệm giác ngộ sẽ hiển lộ chúng tất cả đều là vô tướng, với không có gì ở chặng giữa, và không có gì để bị khinh ghét, sợ hãi hay thèm muốn. Các pháp được thấy như không gì khác hơn đám mây trôi bời trong hư không rộng lớn, hay là bọt nước trên đại dương. Không niệm nào khởi trong tâm, sẽ không có pháp nào được dựng lập. Tâm và vật là một, nhưng vẫn tuyệt đối tách không.

Sinh khởi của người như lửa – người cha là viên đá lửa, người mẹ là đá, và

tia lửa sinh ra là đứa bé. Lửa được khởi lên với thành tố căn bản, và cháy cho tới khi cạn hết dầu. Cha và mẹ giao hoan sinh ra tia lửa đời sống. Bởi vì cha mẹ không có khởi đầu, họ cũng từ chớp lửa ra; vạn pháp sinh ra từ không – nguồn cội của tất cả hình tướng. Hãy tự giải thoát người ra khỏi hình tướng, và trở về bản thể. Từ bản thể này, đời sống lưu xuất ra, nhưng cũng hãy xả bỏ chúng luôn.

Hãy chẻ ra

Một cây anh đào

Và không thấy hoa đâu,

Nhưng ngọn gió xuân

Thổi tới mưa hoa khắp trời!

Không một chiếc cầu

Mây trôi lên vô tâm

Tới trời;

Không cần gì dựa vào

Bất cứ gì Phật Thích Ca đã dạy.

Phật Thích Ca giảng Pháp trong 50 năm, và khi Ngài Ca Diếp hỏi đâu là chìa khóa giáo pháp, Phật đáp, “Từ đầu tới cuối, ta chưa từng nói một lời,” và cầm lên một đóa hoa. Ngài Ca Diếp mỉm cười, và Phật trao ngài hoa, nói, “Người đã được Chánh Pháp Diệu Tâm rồi.” Ca Diếp hỏi, “Như lai muốn nói gì?” Đức Phật nói với ngài, “Năm mươi năm giảng pháp của ta chỉ để triệu người tới gần thôi, hết như người ta thu hút một đứa trẻ vào tay họ với lời hứa tặng thưởng.”

Bông hoa này của Phật Pháp không có thể được mô tả trong những lời nói, thể chất hay tinh thần. Nó không phải vật chất hay tinh thần. Nó không phải kiến thức thông minh. Pháp của chúng ta là Bông Hoa của Nhất Thừa, chở tất cả chư Phật của quá khứ, hiện tại và vị lai. Nó giữ 28 tổ sư Ấn Độ và 6 tổ

sư Trung Hoa; nó là bản thể nguyên thủy – tất cả ở đó. Vạn pháp đều không có khởi đầu, và thế nên tất cả dung chứa nhau. Tám thức, bốn mùa, tứ đại (đất, nước, gió, lửa), tất cả xuất sinh từ không, nhưng chỉ vài người chứng ngộ nó. Gió là hơi thở, lửa là hoạt động, nước là máu; khi thân xác bị chôn hay thiêu, nó thành đất. Nhưng các yếu tố này cũng không có khởi đầu, và cũng không thật có.

Trong thế giới này,

Vạn pháp, không ngoại lệ,

Đều không thật.

Tự thân cái chết

Là một huyền ảo.

Mê vọng làm cho nó trông như là thân xác chết đi, mà tâm thức còn lại – đây là sai lầm tai hại. Người giác ngộ nói rằng cả thân và tâm đều cùng hoại diệt. “Phật” chính là tánh không, và trời và đất đều trở về bản thể. Ta đã gác qua một bên 80,000 bộ kinh, và đã cho người cốt tủy trong cuốn sách mỏng này. Điều này sẽ mang cho người đại an lạc.

Viết lại gì

Để lại đời sau

Cũng là một loại giấc mơ.

Khi ta thức dậy, ta biết rằng

Sẽ không có ai để đọc nó.

Phật Giáo của Ikkyu không luôn luôn u tối và ảm đạm như thế; ngay cả vào các thời kỳ tệ hại nhất, vẫn có những giai đoạn tràn ngập ánh sáng và được rực sáng với vẻ đẹp siêu phàm. Sư một lần đã viết, “Niềm vui mừng hân hoan giữa khổ đau là dấu ấn của tông phái của Ikkyu”

Sự trân trọng – sự hân thưởng – cái đẹp trong mọi hình thức của nó thì nằm ngay trung tâm thông điệp của Ikkyu, và trong nhiều cách thì chính sư là cha

già của nghệ thuật Thiền.

Với ngoại lệ của bài Bộ Xương, các tác phẩm văn xuôi của Ikkyu lại có tính mô phạm và truyền thống một cách đáng kinh ngạc, nhưng chính thơ Thiền dữ dội của sư mới là cái đẹp nhất của thể loại này. Ikkyu biết rõ rằng các thiền sư cổ thời đã lên án văn chương là trò chơi địa ngục:

Các sư bây giờ khổ công để tìm

Một câu thơ đẹp và lấy danh là thi sĩ tài ba.

Nơi lều của Mây Điên, không có tài năng,

nhưng có nhiều mùi vị.

Khi sư nấu sôi một chén gạo trong chiếc nồi cũ móp méo.

Dù vậy, nỗi ám ảnh của Ikkyu với thi ca không biến mất:

Vui và buồn; thương và ghét; sáng và tối; nóng và lạnh;

Hạnh phúc và giận dữ; ta và người.

Sự hân thưởng vẻ đẹp thi ca có thể dẫn tới địa ngục.

Nhưng hãy nhìn cái chúng ta gặp dọc bên đường:

Hoa mạn và hoa anh đào!

Những kiểu thơ khô khan, chữ xài khéo léo, và giả vờ như văn chương sẽ chỉ làm cho Thiền chết ngạt. Nhưng các bài thơ “điên” của Ikkyu lại là hiện lộ của Thiền. Sư đã tự hiện lộ mình hoàn toàn trong các dòng thơ lưu xuất tự nhiên, hoang dã, ghi lại cái ngây ngất và tuyệt vọng của sư; những thương và ghét của sư, cái cõi Phật và cái tính người của sư, với sự chân thật tự nhiên và phong thái trực tiếp cần có của Thiền chân thật.

Hầu hết các bài thơ của Ikkyu được viết trong thể thơ Trung Hoa (kanshi), nhưng sư cũng làm theo thể thơ Nhật Bản (waka) và đã ảnh hưởng lớn vào Sogi (1421—1502), một khuôn mặt chính trong lịch sử thi ca Nhật, người đã học Thiền với sư và đã đón nhận phong thái của Ikkyu: tinh tế nhưng quyết liệt, trực tiếp, và thâm sâu. Ikkyu cũng có thể được xem như vị thánh tổ của

các thể thơ haiku, thể thơ senryu châm biếm, và thể thơ tự do kyuka, được thiết lập về sau. Loại thơ nối nhau – các bố cục ứng biến mà một nhà thơ sẽ bắt đầu bài thơ với hình thức 5 âm/ 7 âm / 5 âm để được ráp vào đoạn thơ 7 âm/ 7 âm làm bởi nhà thơ khác – kiểu đã khai sinh ra thơ haiku, loại lúc đầu có thơ 5/7/5 âm được đưa ra độc lập, như một hiển lộ ngọt ngào nhất và ngắn nhất của sự thật Phật Giáo, một hình thức quyết liệt của “tiếng hét Thiền” mà Ikkyu luôn luôn cổ vũ. Như trường hợp Ikkyu, trong đời sống và trong văn chương, đã cho thấy nhiều tiền lệ và cảm hứng cho kiểu châm biếm cay đắng của thể thơ senryu, và kiểu lập dị của kyoka, “thơ điên khùng.”

Tại miền Viễn Đông, thư pháp được xem là bộ môn nghệ thuật tối cao, và nét cọ của Ikkyu thì không ai ngang hàng về sự dữ dội và nét phóng túng hoang dại. Nó vạch xuống với năng lực mạnh mẽ, và lưu chảy như một loạt của những đột biến, sống động và quyến rũ. Thư pháp của Ikkyu đòi hỏi sự chú ý tận lực của người xem, và người ta có thể đón nhận một cảm xúc thật sự về chiều sâu Thiền của Mây Điện, khi nhìn vào nét cọ của sư.

Ikkyu cũng vẽ, và đã là người giúp hình thành trường phái Soga Các tranh vẽ mực đơn giản và nghiêm túc của sư cũng thu hút người xem, mặc dù chúng thường ở khổ nhỏ hơn các bức thư pháp của sư Ikkyu là vị đầu tiên vận dụng toàn bộ thư pháp và họa pháp để chuyên chở giáo lý Thiền. Từ Ikkyu về sau, thư pháp và họa pháp – những bài giảng qua nhãn thức – đã trở thành một hình thức chủ yếu của “phương tiện thiện xảo” dùng bởi tất cả các vị thầy lớn để gợi hứng và hướng dẫn các Thiền sinh.

Dưới đây là vài trường hợp về cách thư pháp có thể trở thành khí cụ cho Thiền. Một nông dân thật thà, chất phác một hôm tìm sư Ikkyu với câu hỏi: “Một số thầy nói với chúng con là khi chết, chúng con sẽ về cõi Tịnh Độ. Các thầy khác nói là chúng con sẽ tái sanh, thành người hay thú tùy theo

việc thiện hay ác mà chúng con làm trong đời. Sự thật thế nào?” Ikkyu viết liền bài thơ sau trong kiểu chữ kana dễ đọc để nông dân này về treo trong phòng:

Nếu không có ai

Trước khi người

Ra đời,

Thì sẽ không có nơi nào

Để về khi chết.

Nông dân này về treo tấm thư pháp, và mỗi sáng ông tọa thiền trước tác phẩm này. Một hôm, ông hiểu được thông điệp: Hãy sống trong cái bây giờ và ở đây, và đừng lo gì khác nữa!

Một lần khác, một cửa tiệm bán quạt của một cặp vợ chồng già đột nhiên ế ẩm, và họ gặp cơ nguy thua lỗ toàn bộ, nên họ tới gặp Ikkyu để xin giúp đỡ. Sư nói với họ, “Hãy nhận ta làm con nuôi trong vài ngày đi” Họ làm thế, và Ikkyu đặt một tấm bảng ra trước cửa tiệm của họ: “Ikkyu đã được làm con nuôi trong gia đình này, và để ăn mừng, ngày mai sư sẽ ký tên vào bất kỳ cái quạt nào bán ra nơi đây.” Tin này lan mau như cháy rừng, và hôm sau cửa tiệm tràn ngập người vào mua. Cặp vợ chồng già chỉ trong một ngày bán được tương đương thương vụ trọn năm, và cửa tiệm khỏi bị đóng cửa.

Vị trụ trì của Núi Hiei cũng đòi vài tấm thư pháp từ Ikkyu cho ngôi chùa, nhưng Ikkyu thấy vị trụ trì khá huênh hoang, nên sư đưa vị này một mảnh giấy với các nét nguệch ngoạc không đọc nổi. Khi vị trụ trì lễ phép xin sư gom hết tất cả giấy mà sư có thể và dùng nét cọ nào lớn nhất có được. Ikkyu mới đem giấy dán dính vào nhau thành một tờ giấy dài kinh khủng, nối từ bờ núi bên này sang bờ núi bên kia. Sư lấy cọ nhúng mực, vẽ vào giấy một lần dài, rồi nhúng cọ tiếp vào mực, chạy trở lại từ bờ kia.

“Có nghĩa gì thế?” vị trụ trì hỏi lúng túng.

“Dĩ nhiên, chữ shi,” Ikkyu nói với nụ cười. (Đây có lẽ là mẫu tự đơn giản nhất trong bộ mẫu tự kana Nhật Bản.)

Aûnh hưởng của Ikkyu trên sado, tức Trà Đạo, thì sâu thẳm và bền vững. Ikkyu tin rằng hành vi sửa soạn và uống trà phải tự thân là Thiền trong hành động; và nghi lễ trà đã vượt qua một thú vui rãnh rỗi hay là một cơ hội trưng bày các cổ vật đắt giá nhập cảng từ Trung Quốc. Uống trà phải đặt vào trong mỹ học Thiền: *furyu* (ý thức sâu thẳm về bản tánh), *wabi* (vẻ đẹp mộc mạc, sự hân thưởng những gì tự nhiên và không trang điểm), *sabi* (hân thưởng những gì già dặn và tinh khiết, cô đơn và tịch tĩnh), và *shibui* (sự cô đọng và tự chủ). Ikkyu còn đi xa hơn khi tuyên bố rằng nghi lễ trà nên hòa hài cái đẹp nhất của phong thái Trung Hoa và Nhật Bản.

Là người đầu tiên đặt làm các bộ đồ sứ thích nghi cho Trà Đạo từ các lò gốm địa phương, sư Ikkyu cũng đã đẩy xa thêm nghệ thuật gốm sứ Nhật Bản.

Ikkyu là thầy của Murata Shukhông (1422-1502), vị Trà Sư chính thức đầu tiên của Nhật, và cuộn giấy mà Ikkyu trao tặng Shukhông trong đó là thư bản của Thiền sư Trung Hoa Yuan-wu (Nhật: Engo; Việt: Viên Ngộ; 1063—1135) là tấm thư pháp treo trong buổi lễ uống trà đầu tiên của Shuko. Việc này đã mở đầu cho phong tục treo một tác phẩm của một Thiền sư trong phòng khi làm lễ Trà Đạo. (Bức thư pháp đó vẫn còn được trân quý như tổ sư của tất cả nghệ thuật về trà Thiền.) Shukhông và nhà sư Jotei (có người đồn sư này là con trai của Ikkyu) đã truyền các lý tưởng này sang cho Takeno Joo (1502—55), vị này lại truyền tiếp cho Sen no Rikyu (1522—91), tổ sư của các trường phái hiện đại về trà đạo ở Nhật Bản.

Nhà nghệ sĩ lừng lẫy về môn kịch Noh là Konparu Zenchiku (1405—68) đã học Thiền với Ikkyu để cải thiện tâm hồn và cách trình diễn kịch. Từ đó, Thiền được gắn liền với kịch nghệ Noh: vị nghệ sĩ chính yếu phải chụp bắt sự vắng lặng tuyệt đối ngay giữa các chuyển động và phải hài hòa tâm và

thân của mình với ban đồng ca và khán thính giả làm sao để tất cả trở thành một thể. Hai vở kịch Noh, Eguchi và Yamauba, cũng đã được ghi công sáng tác – mà không có chứng cứ cụ thể – cho sư Ikkyu.

Ikkyu cũng biết tới vẻ đẹp tinh tế của tình yêu. Mỗi tình kéo dài từ tháng Năm tới tháng Mười Hai giữa người nữ nhạc sĩ trẻ và mù tên là Mori Phu Nhân với vị sư trụ trì già là một trong những chuyện được biết nhiều nhất trong lịch sử Nhật Bản. Khi sư lần đầu gặp cô, Ikkyu viết:

Người đẹp nhất và chân thật nhất trong các phụ nữ;
Các bài ca của nàng là tình khúc trong sáng, tươi tắn.
Giọng ca và nụ cười ngọt ngào làm xé tim ta:

Ta ở trong cánh rừng táo dại yêu thương giữa mùa xuân.

Say mê trong tuyệt vọng, hai người gắn bó không rời.

Mỗi đêm, Cô Mù Mori bên ta trong tiếng hát.

Dưới màn che, hai con vịt tàu thì thăm với nhau.

Chúng ta hứa bên nhau vĩnh viễn,

Nhưng bây giờ lão già này vui hưởng mùa xuân vĩnh cửu.

Bên sông hay biển, hay trong núi,

Một người của Đạo xa lánh tiếng tăm và tài sản.

Đêm này qua đêm kia, chúng ta cặp tình nhân sát vào nhau trên thiền sàng,

Lạc vào giốn cột, nói thương yêu, và vui khoái lạc.

Ikkyu sau đó có một đứa con với Mori, và sư làm bài thơ này cho con gái:

Ngay giữa những vẻ đẹp, cô bé đã là viên ngọc quý,

Một công chúa bé nhỏ trong thế giới tội nghiệp này.

Bé là kết quả tất nhiên của tình yêu chân thật,

Và một Thiên sư không ngang hàng nổi với cô bé!

Trong khi việc Ikkyu đóng góp cho các môn nghệ thuật mang Thiên tính đã có nhiều ảnh hưởng trong lứa tuổi 60s và 70s của sư, thì hoàn cảnh đen tối

và tuyệt vọng tại Kyoto tệ hại thêm. Trong Cuộc Chiến Onin kéo dài mười năm vô nghĩa (1467—77), Kyoto bị phá hủy và bỏ hoang cho những thân người chết. Cả hai ngôi chùa Katsuro-an và Daitoku-ji đều bị hỏa thiêu trong năm đầu chiến cuộc, và Ikkyu lúc đầu phải di tản về Shuon-an, một ngôi chùa nhỏ mà sư đã thành lập, và rồi tản cư về các am thất khác trong khu vực. Ikkyu thường xuyên bệnh trong 2 thập niên cuối đời, bị lây cả dịch tiêu chảy tệ hại.

Trong một hướng chuyển hoàn toàn cho cả Ikkyu và hệ thống tự viện, nhà sư báng thần phạm thánh “Mây Điền” được bổ nhiệm làm trụ trì chùa Daitoku-ji năm 1474, khi sư 80 tuổi. Bất kể việc sư căm ghét các nhà sư vờ vĩnh, cái Phật Giáo định chế và cái chủ nghĩa hình thức Thiền, Ikkyu vẫn trân quý các lý tưởng nguyên khởi của chùa Daitoku-ji, và sư không muốn sự hiện hữu vật lý của nó biến mất khỏi thế giới. Với toàn bộ khu vực chùa đã đổ nát, ngôi tự viện không còn nơi nào khác để xoay trở. Ikkyu ý thức về sự mâu thuẫn:

“Khi Trở Thành Trụ Trì Daitoku-ji”

Con cháu của Daito đã gần như làm tắt ngọn đèn của ngài;
Sau đêm lạnh, dài như thế, cơn giá buốt sẽ khóa tan vào với các bài tình ca của ta.

Trong 50 năm, một gã lang thang đội nón, mặc áo tơ rơm,
Bây giờ bị hành xác làm vị trụ trì mặc y tím.

Ikkyu nghiêm túc trong việc xây lại chùa Daitoku-ji, nhưng không có vẻ đổi lối sống. Sư tự cho phép trang phục tề chỉnh trong văn phòng của sư trang hoàng cho buổi vẽ chân dung chính thức, nhưng khi xong, sư viết thêm bài thơ này vào:

Tên điền ơi, quấy động một ngọn gió cuồng;
Lang thang nhiều năm trong quán rượu và lầu xanh.

Có ai nơi đây muốn ngang cơ với ta không?

Người có thể vẽ ta ở nam, ở bắc, ở đông

[-- và ta không đổi chút xíu nào]!

Nhưng Ikkyu đã có khả năng thành tựu điều bất khả. Nhờ quen rộng, và nhờ nhiều thí chủ, và với các chư tăng và cư sĩ cùng ra sức lao động, ngôi

Daitoku-ji đã được xây lại trong bảy năm.

Và nỗ lực đó đã làm mệt nhọc nhà sư 80 tuổi này, và sư yếu dần đi. Gần cuối đời, sư nói với các học trò, “Sau khi ta chết, một số trong các người sẽ tự lui vào núi rừng để thiền định, trong khi một số khác có thể sẽ uống rượu sake và cặp kè phụ nữ. Cả hai thứ Thiền này đều tốt, nhưng nếu có ai trong các người trở thành sư chuyên nghiệp, nói nhảm về Thiền như là Đạo, thì đó là kẻ thù của ta. Ta đã chưa bao giờ cấp ra một inka, và nếu bất kỳ ai nói là có nhận thứ gì như thế từ ta, thì bắt kẻ đó liền đi”

Ikkyu cũng kỳ dị khi chết cũng hệt như khi sống, với nhiều bài kệ thị tịch được truyền thuyết là của sư cho thấy:

Ta sẽ không chết,

Ta sẽ không đi bất kỳ đâu,

Nhưng ta sẽ không ở đây.

Nên đừng hỏi ta gì cả –

Vì ta sẽ không đáp!

Mờ ảo, mờ ảo, ba mươi năm;

Mơ hồ, mơ hồ, ba mươi năm;

Mờ ảo, mơ hồ, sáu mươi năm.

Ta để lại phân và hiến cúng chúng lên Phạm Thiên.

Nhưng rồi có bài thơ vĩnh biệt cảm động cho Mori Phu Nhân:

Mười năm trước, dưới hoa, chúng ta kết tình đầy hương hoa

Mỗi sân khấu là một niềm vui, đầy đam mê bất tận.

Buồn ơi, không bao giờ lại gổ đầu ta trên đùi nàng nữa.

Yêu thương ngọt ngào bên nhau, chúng ta nguyện bên nhau mãi mãi.

Bài kệ thị tịch thực sự của sư Ikkyu, được sư dùng cọ viết vài giờ trước khi sư qua đời vào ngày thứ hai mươi một của tháng thứ mười hai của năm 1481, khi sư đang ngồi trong tư thế hoa sen, là như sau:

Trong vũ trụ vô tận này,

Ai hiểu Thiền của ta?

Ngay cả nếu chính Hư Đường trở lại

Ngài sẽ không đáng giá nửa xu!

Bokusai, học trò lâu năm của Ikkyu và là người đầu tiên viết tiểu sử cho sư, đã ca ngợi thầy: “Đại sư Ikkyu đã không phân biệt kẻ thấp người cao trong xã hội, và thầy vui khi hòa với các nghệ sĩ, thương gia và trẻ em. Thiếu nhi chạy theo thầy, và chim sà xuống tay thầy để nhận thức ăn. Bất cứ thầy được cúng gì, thầy đều trao tặng cho người khác. Thầy nghiêm khắc và đòi hỏi tinh tấn, nhưng đối xử tất cả mà không thiên vị. Đại sư Ikkyu đã cười sáng khoái mỗi khi hạnh phúc, và la hét dữ dội mỗi khi nổi giận.”

(Lời Người Dịch: Khai sáng ra Trà Đạo, thơ haiku, và là vị đầu tiên dùng thư pháp, họa pháp, kịch Noh... để hiển lộ Thiền, Sư Ikkyu đã đưa Thiền vào làm một với văn hóa Nhật. Nhờ bộ áo giáp văn hóa rất phương tiện thiện xảo đó, nên gần cả ngàn năm sau, dân Nhật đã có thể đưa Thiền với các phương diện nghệ thuật đó đi xa toàn cầu. Làm được thế phải là bậc đại bồ tát, phước huệ vô lượng. Tuy nhiên, khi Sư la cà uống rượu với các nghệ sĩ, thì nhân quả không sai chạy, trên nguyên tắc Sư sẽ bị quả báo vì phạm giới, nhưng bù lại Sư đã vì lòng từ bi chịu quả ác đó để tạo nhân duyên độ cho nhiều người trong các bộ môn nghệ thuật này – đời này họ không giác ngộ, thì cũng sẽ có một kiếp nhờ duyên lành này mà về lại với Phật Pháp. Nhưng, tại sao Sư vướng vào nữ sắc? Chỗ này, nếu Sư phạm giới để độ cho nữ nhân

này (và có thể qua đây tạo thiện duyên cho cả làng kỹ nữ, cả xóm kịch Noh) thì Sư cũng sẽ lãnh quả dữ. Còn nếu Sư nghiêm ngặt trì giới, để nữ nhân kia tuyệt vọng tới chỗ tự tử, hay để cả làng kỹ nữ ngụp lặn sâu thêm trong tội lỗi khó tìm cơ duyên nghe Phật pháp, thì Sư sẽ đánh mất Bồ Đề Tâm. Chỗ này rất hiểm trở, Sư sẽ cân nhắc: nên gieo nhân cứu độ cô này và cả làng Kịch Noh, cả xóm kỹ nữ... bất kể là mình kiếp sau sẽ đọa địa ngục?)

John Stevens

BA THIỀN SƯ

Dịch giả Nguyên Giác

HAKUIN EKAKU

HAKUIN EKAKU
(1686 – 1768)

Không như trường hợp Ikkyu, nhiều chi tiết tự truyện đã được tìm thấy trong chính các tác phẩm của Hakuin, vì sư là một trong vài Thiền sư tự kể lại thời tuổi trẻ và con đường tìm đạo khá chi tiết. Gia đình của Hakuin điều hành một lữ quán, và còn làm bưu tín viên của Hara, một ngôi làng nằm dưới chân Núi Fuji (Phú Sĩ) và một trạm bên đường trên Tokaido, xa lộ chạy từ Edo (Tokyo) tới Kyoto.

Ngay từ khi ra đời năm 1686, mẹ sư cảm thấy đứa con thứ năm của bà và là đứa con trai thứ ba của bà rất là đặc biệt. Bà kể lại cho sư, “Con sinh vào năm sửu, tháng sửu, ngày sửu, giờ sửu.” Sửu tức là trâu, là con vật linh thiêng của Tenjin (vị thần được sắc phong từ nhân vật Sugawara no Michizane, 845—903, vị bảo hộ cho văn chương và học thuật), và Hakuin trở thành kẻ suốt đời sùng mộ vị thần điềm lành này. Vì lý do nào đó,

Hakuin không đi được cho tới năm hai tuổi, nhưng khi ba tuổi, cậu bé đã thuộc lòng tất cả các chữ trong tất cả các bài ru con và bài dân ca mà cậu đã nghe. Năm bốn tuổi, khi thăm bờ biển và thấy sóng xô đi vô tận, và mây trôi dạt đã làm cậu bé đột nhiên khóc – cậu trực giác được tánh vô thường của thế giới.

Cậu bé đã để phần nhiều thời thơ ấu nhiệt tình theo mẹ khi bà tới các ngôi chùa địa phương để nghe giảng pháp, và làm gia đình cậu ngạc nhiên khi lặp lại chính xác những gì cậu đã nghe. Một tu sĩ một lần tới thăm gia đình cậu, tiên tri những điều lớn lao cho cậu bé dị thường, và rồi để lại lời khuyên cho Hakuin:

- 1- Đừng hoang phí thực phẩm; trộn một chút nước nóng với bất cứ gì còn [trong chén của cậu] và ăn hết;
- 2- Luôn luôn tiểu tiện khi ngồi xổm;
- 3- Hướng bắc là linh thiêng, nên đừng mạo phạm nó bằng việc tiểu tiện, đại tiện, hay ngồi mà lưng hay là đuổi chân về hướng đó. Và đừng bao giờ quên sáu năm Phật đã nhịn đói trong Hy Mã Lạp Sơn và chín năm Bồ Đề Đạt Ma ngồi trong hang tọa thiền. Hãy giữ gìn ba giới này, hãy học định tâm như Phật và Bồ Đề Đạt Ma, và ngươi sẽ được hưởng phước sống trường thọ. Sau lần gặp vị tu sĩ dị nhân đó, Hakuin đã trung thành giữ các lời dạy đó suốt đời.

Khi mười tuổi, Hakuin và bà mẹ cùng dạo dự buổi thuyết pháp sinh động của một vị sư thuộc tông phái Nichiren (Nhật Liên Tông, lấy Kinh Pháp Hoa làm trọng tâm. LND) về các đau đớn ở địa ngục. Ngay cả nhiều năm về sau, Hakuin cũng kể lại rằng những lời kinh khiếp đó đã làm đóng băng lá gan cậu bé với nỗi sợ hãi, và làm cậu run rẩy kinh hoàng nhiều ngày. Cậu lập tức ngưng đánh nhau với bạn hữu, và ngập tràn ân hận vì đã sát hại các côn trùng và vì đã nghịch phá những con thú nhỏ tới chết. Không lâu sau bài

thuyết pháp rực lửa địa ngục đó, Hakuin tắm với mẹ cậu, người thích tắm hơi nước nóng. Các tắm ván rạn nứt, những tia lửa bắn ra, và tiếng nước sôi trào trên kim loại làm gọi nhớ tới địa ngục một cách mãnh liệt, tới nỗi cậu hét lên kinh sợ. Sau khi bình lặng lại, cậu thú nhận với mẹ rằng cậu sợ rớt vào lửa địa ngục. Bà khuyến khích cậu bé cầu nguyện Tenjin, vị thần hộ pháp của cậu, để xin bảo vệ. Sau đó trở đi, Hakuin đều thức dậy mỗi đêm vào giờ sừu (2 giờ sáng) để cầu nguyện thần Tenjin với nhang, hoa và kinh cầu.

Bất kể chuyên cần cầu nguyện như thế, Hakuin vẫn lo ngại là Tenjin có thể không bảo vệ được nếu thấy cậu trong một hoàn cảnh khó khăn nào đó. Một lần, một trong các mũi tên chơi nghịch của cậu bay lạc hướng bia, và ghim vào một bức tranh giá trị đang treo trong phòng giữa nhà. Sau khi bị phạt về việc này, Hakuin lo ngại, “Nếu Tenjin không thể giúp mình trong chuyện nhỏ như thế, thì làm sao ngài bảo vệ mình khỏi bị tra tấn trong địa ngục?” Đêm đó, cậu nhắm mắt và nói, “Tenjin! Nếu ngài thực sự có năng lực đưa con ra khỏi địa ngục, xin làm cho khói cây nhang đi lên một đường thẳng. Nếu không, xin hãy làm khói bay xoay vòng.” Cậu mở mắt và thấy khói bay lên thẳng một đường. Nhắm mắt lại và tụng một bài kinh tạ ơn, rồi cậu mở mắt lần nữa thì thấy khói tản ra mọi hướng. Hoang mang, cậu mới quyết định thờ chung Tenjin với Quan âm, vị bồ tát của lòng đại từ đại bi nổi tiếng về công năng cứu độ.

Tuy nhiên, dù thờ chung cả Tenjin và Quan âm, Hakuin vẫn còn sợ bị đọa địa ngục đời đời. Trong một lễ hội nhà chùa, Hakuin xem một vở kịch búp-bê về các phép lạ của một nhà sư tông phái Nichiren, sư Nisshin (1407—88), người bước đi trong lửa hồng mà không bị phỏng và bị nhấn xuống nước mà không chết chìm. Hakuin mới suy nghĩ, “Đó là chìa khóa. Nếu ta rời bỏ thế gian và đi tu, mình chắc chắn sẽ được cứu.” Trong khi mẹ cậu chấp thuận,

thì cha cậu cho là cậu còn quá non nớt để quyết định xuất gia, nên cậu bé tự tìm tòi học hỏi, trong vòng ba năm đã học thuộc lòng các bộ sách lớn Kinh Kim Cương, Collection of Zen Words and Phrases (Nhật: Kuzoshi; Việt: không rõ cuốn gì, nhưng đây là tuyển tập các thiền ngữ) và cả kinh điển Nho giáo.

Hakuin cũng ẩn mình vào núi, tách rời khỏi ồn ào và hỗn loạn của đời thường. Hakuin tạc tượng Quan âm từ một thân cây và để nhiều giờ đồng hồ tụng kinh và tọa thiền trước ảnh tượng này. Một lần, một trận lụt cắt lìa Hakuin khỏi ngôi làng. Khi mực nước không hạ xuống sau hai ngày, chàng Hakuin mất kiên nhẫn mới cởi bỏ áo quần, cột thành bó và mang trên vai, rồi nhảy vào dòng nước đang cuồn cuộn, tay múa thanh kiếm nhỏ để xua đuổi bất kỳ ma quỷ nào có thể hiện ra. Sau khi về nhà an toàn, chàng mới nói với bố mẹ đang lo sợ, “Con không thể chờ lâu hơn – thời giờ rất quý giá, và con không thể mất một phút nào trong cuộc tìm đạo.”

Năm 1699, khi cậu 13 tuổi, bố mẹ cuối cùng đồng ý, và Hakuin thọ giới thành một tu sĩ Thiền môn bởi Tanrei (viên tịch 1701), trụ trì của chùa Shoin-ji, một ngôi chùa địa phương từng được hồi phục bởi một ông bác của Hakuin. Hakuin phát nguyện sẽ tu học cho tới khi đạt khả năng không bị tổn hại bởi lửa và không bị nhận chìm bởi nước.

Ngay lập tức sau khi thọ giới, Hakuin được gửi đi học với vị sư học giả Sokudo (viên tịch 1712) ở ngôi chùa gần đó, Daisho-ji. Nơi đây, Hakuin học Kinh Pháp Hoa, kinh mà chàng xem không hơn gì một tuyển tập truyện thần tiên và các ẩn dụ đơn giản. Không chịu thụ động chấp nhận bất kỳ học thuyết nào, Hakuin đưa câu hỏi lên Sokudo: “Con xa lìa phụ mẫu để học Phật. Kinh Pháp Hoa được xem là Vua của các kinh Phật, nhưng ngoài giáo lý Nhất Thừa [trong đó, tất cả pháp Phật đều được hòa hợp] kinh hầu hết chứa đựng những gì có thể gặp trong cổ điển Trung Hoa, sách nhạc, và ngay

cả các bài ca kỹ nữ geisha. Vậy thì giá trị Phật Giáo chỗ nào?” Sokudo không có câu trả lời sẵn sàng, nhưng ngài ca ngợi khát vọng của cậu học trò muốn khám phá ra sự thực cho chính mình.

Năm 1703, chàng trai 17 tuổi quyết định đi hành hương như một unsui, “một nhà sư dạt theo mây và trôi với nước, trong cuộc lữ hành tìm Đạo.” Trước tiên, sư tới tu viện Zenso-ji, nơi sư nghe vị trụ trì một hôm kể về Yen-tou (Nhật: Ganto; Việt: Nham Đầu; các năm 828-87), một Thiền sư Trung Hoa nổi tiếng. Một lần, Nham Đầu và nhóm tăng sĩ của sư bị bọn cướp phục kích. Trong khi các sư khác kinh hoàng bỏ chạy, sư Nham Đầu lặng lẽ ngồi xuống theo tư thế thiền tọa. Khi ngài bị bọn cướp giết chết, tiếng thét của ngài vang nhiều dặm xa. Hakuin nói, “Nếu một nhà sư đạo hạnh tôn kính như thế lại chịu khổ đau như thế, thì cái phận nào để cho những kẻ như mình? Chắc chắn là không có gì vô dụng hơn là một nhà sư!” Nghi vấn đã ném Hakuin vào sự dao động dữ dội, và sư không thể ăn hay ngủ trong nhiều ngày. Cuối cùng, sư kết luận trong tuyệt vọng rằng sư trước sau gì cũng rớt vô địa ngục và không còn gì để lo ngại về số phận mình nữa. Từ đó, sư quá xấu hổ để trở về nhà trong thảm bại đáng khinh, sư quyết định ít nhất phải thành danh về mặt văn chương.

Trong khi Hakuin tu học ở Zenso-ji, một thiếu nữ địa phương đã say mê chàng ngay sau khi tình cờ gặp sư trong làng. Bố mẹ cô mới đề nghị nhận chàng vào gia đình, và thúc giục sư xả giới thầy chùa để cưới con gái của họ. Hakuin thực sự bị lôi cuốn bởi cô này, nhưng sư chống lại cảm dỗ đó, tự nhắc nhở bằng các lời nguyện mà sư đã tuyên thệ rằng không bao giờ dao động trên đường tìm đạo. (Thiếu nữ này từ trần vài năm sau, và sau khi Hakuin xây ngôi chùa Ryutaku-ji, một tấm bia tưởng niệm cô được dựng trong chùa này.)

Năm 1704, Hakuin nghe về một nhà sư tên Bao (1629-1711), người nổi

tiếng là không ai ngang hàng về mặt thi cạ Sư Bao là trụ trì chùa Zuiun-ji, một ngôi chùa nhỏ tại Mino, miền Trung Honshu, và Hakuin tới đó với một nhóm 12 vị sư. Trong vòng vài tháng, tình hình nghèo nàn của chùa và kỷ luật gay gắt của sư Bao đã đánh bại mọi người, chỉ trừ Hakuin. Khi các vị sư sửa soạn bỏ đi, sư Bao tới nói với Hakuin, “Tốt lắm, họ đang bay ra khỏi nhà tù. Còn ngươi thì sao?” Hakuin nói với sư Bao rằng chàng sẽ không bao giờ chịu thua.

Một khi đơn độc với vị thầy nghiêm khắc này, Hakuin đạt tiến bộ mau chóng với thơ của chàng làm, nhưng lần nữa chàng lại bị tấn công bởi lòng tự nghi vấn: “Ngay cả nếu thơ của mình vượt qua thi hào Lý Bạch (701-62) hay Đỗ Phủ (712-70), thì cũng không giúp mình tí xú nào khi mình gặp Diêm Vương!” Hakuin bước ra hàng hiên chùa, nơi sách trong chùa đang được phơi và cầu nguyện, “Chư Phật và chư thiên ơi! Hãy giúp con trong nỗ lực tìm đạo và chỉ ra đường nào con nên theo!” Chàng nhắm mắt và bốc đại lên một cuốn sách. Đó là cuốn *Smashing Through the Zen Barrier* (Zenkan Sakushin, nghĩa của nhan đề Anh Văn là “Phá Xuyên Cổng Nhà Thiền”). Sư mở sách thấy ngay truyện của nhà sư Trung Hoa Tz u-ming (Jimyo, 987-1040). Khi sư Tz u-ming cảm thấy buồn ngủ trong các thời tọa thiền suốt đêm của mình, sư mới lấy mũi khoan ghim vào đùi để tỉnh thức. Khi được hỏi vì sao tự xử nghiêm khắc như thế, sư mới nói, “Với rất mực tinh tấn, chư tổ mới giác ngộ. Nếu không thành tựu gì trong đời, mà chết đi vô ích thì thiệt là uổng phí. Đó là lý do vì sao ta tự đâm vào đùi.” Được sách tấn bởi câu chuyện này, Hakuin quyết tâm trì chí hơn bao giờ hết.

Trong khi Hakuin tu học ở chùa sư Bao, bà mẹ của Hakuin chết, nhưng chàng không thể về dự tang lễ mẹ. Năm 1705, tu sĩ 19 tuổi này rời chùa Zuiun-ji để nhập chúng của Nanzen (1662-1710) trong khóa an cư kiết hạ. Nơi đó Hakuin trở thành quen thuộc với và ngay lập tức thấy không ưa loại

Thiền “Bình Thường” (tức là “Vô Sanh”), một loại Phật Giáo sơ sài, đi-theo-dòng; loại này tránh xa sự nương tựa vào bất kỳ hình thức tu tập theo quy luật hay kỷ luật nghiêm khắc nào.

Năm kế tiếp, Hakuin khám phá ra cuốn Hư Đường Ngũ Lục, ghi lời dạy của Thiền Sư Trung Hoa từng gợi hứng cho Ikkyū Hakuin mới đi tới chùa Joko-ji để dự một loạt các bài giảng về cuốn này, giảng bởi sư trụ trì Banri (1650-1713). Xuyên qua các buổi thuyết pháp, chàng biết là có những vị sư khác từng đau đớn vì tu hoài không thấy tiến và như là điên dại, nhưng vẫn kiên trì để cuối cùng “niềm vui lớn theo sau nỗi đau lớn.”

Trong mùa hè 1706, Hakuin về hướng Nam để tu học tại chùa Shoshu-ji ở Shikoku, và sau đó được mời thăm lâu đài của vị lãnh chúa địa phương. Nơi đây chàng được cho xem một bộ sưu tập các bức thư pháp, và chấn động bởi một kho tàng đặc biệt. Đó là tám thư pháp của một Thiền Sư (hoặc là Daigu [Đại Ngụ, 1584—1669] hoặc là Ungo [Vân Cư, 1582—1659], tùy theo các lời kể khác nhau) – mạnh mẽ, rực sáng, và lôi cuốn, nhưng hoàn toàn tự nhiên và không tự ý thức tí nào. Suy nghĩ rằng, “Nét bút này là kết quả của chứng ngộ chân thật; nó không có gì dính dáng tới kỹ thuật cả,” Hakuin mới trở về chùa và, hoàn toàn bất mãn với cái nỗ lực đom đóm của chính mình, đốt tất cả bút và các mẫu thư pháp của mình. Sư sẽ không cầm bút lên một cách nghiêm túc lại cho tới khi gần 60 tuổi.

Thay vào đó, Hakuin lao mình vào tu tập với nhiệt tâm được làm mới lại:

“Ta sẽ như một khúc gỗ trôi toàn lực xuống một dòng sông, không để bị kẹt dọc ven bờ và mục nát mà cũng không dựa vào sự giúp đỡ nào của người hay chư thiên, nhưng là luôn luôn thẳng tiến cho tới khi vào đại dương!”

Hakuin mới miệt mài lo vượt rào cản lớn đầu tiên của Thiền, công án “Vô”

Trong khi sư tham công án này, Hakuin cảm thấy như dường mình đã rớt vào hang động đen ngòm. Vào năm 1707, khi nhà sư 21 tuổi này đang đi bộ

trong một nơi thắng cảnh bên biển Inland Sea, những người đi cùng thúc giục chàng hân thưởng cảnh đẹp. Nhưng Hakuin không bận tâm gì, “Ta vẫn chưa đạt Đạo. Làm sao ta có thì giờ nào ngắm cảnh?” Nhưng khi họ tới chùa Kaisei-ji ở Nishinomiya, Hakuin sáng tác bài thơ lạc quan sau:

Dưới núi, một dòng sông trôi

Miên viễn không ngưng.

Nếu tâm Thiền được như thế

Thấy tự tánh mình không còn xa đâu.

Khi Hakuin nghe tin sư Bao ngã bệnh, chàng trở về chùa Zuiun-ji để chăm sóc thầy. Suốt ngày, Hakuin tu thiền trong hành động—lau chùi, làm vườn, nấu bếp, và chăm sóc vị thầy bệnh—và vào đêm, sư tu thiền trong vắng lặng, ngồi giờ này sang giờ kia tọa thiền. Trong các thời khóa thiền, chàng bị gây rối bởi các thị kiến: một số là các ma quỷ hung dữ, và các cảnh khác thì đưa chàng bay lên mây và bay khắp bốn biển. Trong vài tháng, sư Bao hồi phục và, sau khi vắng mặt bốn năm rưỡi, Hakuin mới về lại quận nhà Hara. Mặc dù chàng bị vây bủa bằng các câu hỏi từ thân nhân và bạn hữu về chuyến hành hương dài, chàng chỉ đáp ậm ừ thôi. Mọi người đồng ý rằng chàng đã thay đổi.

Gần cuối năm 1707, Núi Phú Sĩ phun lửa. Nham thạch phun lên trời, mặt đất lay động dữ dội, và tro núi lửa bay phủ khắp làng. Hakuin đang ở tại chùa Shoin-ji, và nhiều thân nhân tới để cứu chàng, chỉ để thấy là sư đang ngồi tọa thiền. Hakuin không chịu dao động: “Nếu ta chứng ngộ, ta sẽ được bảo vệ; nếu ta không, thì không mất mát gì nếu ta ra tro – ta phó thác mình cho đất trời vậy.” Hakuin thoát được thiên tai này bình an.

Năm 1708, Hakuin đi tới Echigo, một tỉnh dọc theo Biển Nhật Bản, để dự một chuỗi thuyết pháp về sách Dharma Eye of Men and Gods (Ninten Ganmoku, Pháp Nhãn Của Trời Người). Không hài lòng với sự hiểu biết cạn

cột của giảng sư về bản văn, và bất mãn với những gian nan thiền định của chính mình, Hakuin tự nhốt mình trong một điện thờ gần ngôi chùa, và bắt đầu nhập thất bảy ngày với nhịn đói và thiền tọa. Sư ghi lại rằng sư thấy mình đóng băng cứng trong một tảng băng dài vạn dặm. Giữa khóa thất, vào nửa đêm, sư nghe tiếng chuông ở nơi xa và cảm thấy “thân và tâm đều buông mất.” Sư thét lớn hết sức, “Nham Đầu [nhà sư bị bọn cướp giết] ở ngay đây, sống động bình an!” Lo sợ có ai trong khu xóm đang bị nạn như ngài Nham Đầu, các vị sư giựt mình chạy tới thì chỉ thấy Hakuin tràn đầy niềm vui.

Mặc dù Hakuin xem nhẹ các bài thuyết pháp, thường vẫn có hơn năm trăm người tới nghe Hakuin giảng. Một hôm, một vị sư trông có vẻ man dã cao hơn 6 feet tới và mang cây thiền trượng dài. Ai cũng sợ vị này, nhưng Hakuin đồng ý làm người hướng dẫn cho sư này. Tuy nhiên, khi các bài thuyết pháp bắt đầu, nhà sư khổng lồ tỏ lộ có sự hiểu biết sâu về các vấn đề đang thuyết. Đối với Hakuin, nhà sư này là hình ảnh của “một trận mưa tươi mát sau cơn nắng hạn dài,” và hai người để ra nhiều giờ nói chuyện thiền với nhau. Nhà sư này có tên là Kaku (1679—1730), đề nghị giới thiệu Hakuin với thầy sư là Shoju, một vị ẩn tu già, tính cộc lốc, đang sống trong vùng núi Iyama (bây giờ là quận Nagano). Hakuin và Kaku rời bỏ các buổi thuyết pháp và tìm tới căn lều xiêu vẹo của Shoju.

Shoju (1642—1721) là môn đồ và là truyền nhân duy nhất của Bunan (1603—76), một thiền sư nghiêm khắc đã sống hầu hết cuộc đời của ngài trong cương vị cư sĩ. Bunan không cho các học trò thì giờ nghỉ ngơi nào, liên tục thúc giục họ:

Hãy chết trong khi sống,

Hãy hoàn toàn chết!

Rồi làm

Những gì người muốn

Và tất cả sẽ tốt lành.

Tới phiên Shoju cũng khét tiếng là tự nghiêm khắc – một lần sư để suốt cả tuần lễ ngồi thiền hàng đêm trong một nghĩa địa vây phủ bởi một đàn chó sói đói.

Shoju được biết nhiều nhất về chuyện “Đánh Bại Kiếm Sư” Các kiếm sĩ vẫn thường tìm lời khuyên từ các thiền sư với hy vọng khám phá phương pháp hòa hài kỹ thuật và tinh thần. Một lần, một kiếm sĩ như thế tìm tới Shoju, và sư này lắng nghe lịch sự tới các lý thuyết của kiếm sĩ này và đôi khi lạc đề, trước khi đột ngột nhảy lên và đâm liên hồi vào người này không thương tiếc. Kinh nghiệm Thiền trong cung cách mãnh liệt và trực tiếp nhất, kiếm sĩ đó trực ngộ về nguyên lý tối hậu của nghệ thuật [kiếm đạo] của y.

Tin về pháp môn Thiền “không gì ngăn ngại” của Shoju đã gây xôn xao, và ngài được mời tới xem một buổi huấn luyện cho các kiếm sư Các vị kiếm sư bày tỏ ngưỡng mộ về sự hiểu biết thâm sâu về Thiền của Shoju, nhưng nêu ngờ vực là, có thể nào, không ngạc nhiên gì, có ai đó đánh bại một kiếm sĩ giỏi bằng cách chỉ dựa vào tinh thần.

Shoju mới thách thức, “Hãy thử tấn công ta xem.” Đó là lời mời mà các kiếm sĩ chờ đợi, và họ nhảy xô vào Shoju Tuy nhiên, không ai có thể đánh trúng sư, nhưng tất cả họ đều bị chiếc quạt của sư đập ít nhất là một phát vào đầu. Rất là khiêm tốn, họ mới hỏi sư về bí mật chiêu pháp.

“Nếu mắt người thấy được chân tướng, và tâm người không bị ngăn trở, thì không có gì mà người không thắng được, kể cả một trận đấu kiếm,” theo lời Shoju giải thích cho họ. (Hakuin sẽ học nhiều từ Shoju, vì chàng đã biểu tỏ một tâm thức tương tự khi chạm trán bởi một võ sĩ đa nghi sau đó trong đời.) Trong buổi phỏng vấn đầu với Shoju, Hakuin trình lên vị sư già một bài trau chuốt “thơ của chứng ngộ.” Không liếc mắt vào chút nào, Shoju dùng tay

trái vò mảnh giấy bài thơ, thò tay phải đe dọa Hakuin, và đòi biết, “Ngoài chuyện lồm bồm học theo sách, người đã thành tựu gì?”

“Nếu con có gì trình thầy, con đã đưa ra rồi!” Hakuin đáp.

Vị thầy mới hỏi sắc bén, “VẬY còn chữ Vô thì sao?”

“Không tay hay chân có thể chạm nó,” Hakuin đáp một cách tự tin.

Shoju đột ngột thò tay, véo lỗ mũi của Hakuin thật mạnh, và hét, “Đây là nơi để đặt tay và chân của ta!”

Lúng túng, Hakuin mới thấy rằng cái ngộ trước kia của mình chưa đầy đủ.

Shoju mới trao cho Hakuin công án khác để tham cứu: “Thiền sư Nam Tuyền [748-834] chết rồi về đâu?”

Hakuin sau đó tới trình Shoku bài kệ trả lời, nhưng vị thầy hét lên, “Vọng tưởng, nằm mơ!” và đâm nhiều cú vào Hakuin tới nỗi chàng ngã gục ngoài hàng hiên.

Chàng Hakuin tuyệt vọng không giải nổi công án này hay bất kỳ công án khác mà Shoju trao cho. Hoàng toàn tuyệt vọng, Hakuin mới dùng chiến pháp quen thuộc khi bế tắc: chàng phát nguyện. “Nếu tôi không hiểu tận tường một trong các công án này trong vòng 7 ngày, tôi sẽ tự sát.”

Tuy nhiên, Shoju không bị ấn tượng tí nào, và cứ tiếp tục hành hạ người học trò hoang mang, người mà ngài gọi là “nhà sư khờ khạo rớt trong hang quỷ đen ngòm.”

Kinh hoảng, Hakuin mới hỏi, “Tại sao mình cứ nghe lão nhà quê này trong mái am xiêu vẹo này? Đất nước này đầy các vị thầy xuất sắc – hẳn là phải có ai tốt hơn cho mình chứ.”

“Tới luôn đi, và lòng sục thế giới cho ra một ông thầy tốt hơn,” Shoju giễu.

“Người sẽ cầm chắc là thấy sao mọc giữa trưa.”

Hoàn toàn hoang mang, khi Hakuin bước đi khát thực vào sáng hôm sau, lòng tràn ngập các vấn đề sinh tử. Khi đứng xuất thần trước cổng của một

căn nhà, sư không để ý tới tiếng la “Đi chỗ khác đi! Chúng tôi không có gì để cúng!” từ bên trong. Sau đó, một bà lão sống nơi đây quá giận vì sư cứ đứng một chỗ nên bước ra và lấy chổi tre đánh vào đầu sư Hakuin bị ngã xỉu, nhưng khi ngẩng dậy, các lời đáp cho tất cả công án sư đau đớn lâu nay đã trở thành sáng tỏ. Hakuin nhảy chồm dậy và la hét vui mừng, làm ngạc nhiên các dân làng tới xem nhà sư đang quỳ lạy. “Bà già chắc là đã đánh cho thầy này mất trí rồi,” họ đồng ý. “Tốt hơn là hãy tránh xa nhà sư điên khùng này.” Nhiều năm sau, Hakuin kỷ niệm giây phút này trong một tấm tranh vẽ cây chổi tre với phụ đề, “Đây là cây chổi đã quét sạch các thứ giác ngộ rẻ tiền!”

Mặc dù nhà sư bình thường nghiêm khắc Shoju mỉm cười khi Hakuin kể lại các chuyển biến lớn trong ngày, Shoju không xác nhận chính thức gì về sự chứng ngộ của Hakuin, có lẽ bởi vì sư biết rằng Hakuin sẽ còn đạt tới những mức cao hơn. Đêm đó, mẹ của Hakuin xuất hiện nói với Hakuin trong mơ với tin vui rằng bà không còn lang thang trong cõi đọa lạc nữa. Công đức lớn từ nỗ lực và từ sự chứng ngộ của con bà đã chuyển tới bà, và bà bây giờ đang yên ổn trên cõi trời. (Việc “hồi hướng công đức” như thế là một yếu tố quan trọng của Phật Giáo Nhật Bản, và nhiều người trở thành sư hay ni cô là để mong cứu độ người thân quá cố.)

Mặc dù Hakuin đã ở với Shoju mới 8 tháng, sư bây giờ biết chắc là mình đã đúng đường. Chàng Hakuin 22 tuổi trở về chùa Shoin-ji vào cuối năm 1708 và không bao giờ gặp lại Shoju (thầy này viên tịch năm 1721), mặc dù Hakuin luôn luôn xem Shoju như vị “bổn sư” của mình. Bài kệ thị tịch của sư Shoju là:

Lời cuối của ta:

Chết mau thì khó nói.

Hãy nói lời không lời,

Nhưng đừng nói, đừng nói!

Sau khi ở chút xíu tại chùa Shoin-ji, Hakuin lại ra đi vào đầu năm 1709. Cứ mỗi lần sư nắm được cốt tủy của một trong cả ngàn công án mà sư đã học thuộc, sư lại nhảy múa và cười như điên dại, một thái độ làm người ta gọi sư là một “Thiền sư khùng.” Sau khi trải qua một loạt các chứng ngộ lớn và nhỏ, sự hào hứng thường trực đã làm Hakuin mất thăng bằng và sư ngã bệnh trầm trọng với điều mà sư gọi là “Thiền bệnh.” Các triệu chứng báo nguy này là:

Lên cơn sốt nóng bỏng và đầu như chẻ ra; phía dưới lưng cảm thấy như quán trong băng; mắt chảy nước; tai nghe có tiếng o o u u; hoảng sợ khi thấy ánh nắng; ưu trầm lớn khi về đêm; niệm khởi lung tung vào ban ngày; ác mộng về đêm; lơ đãng; kiệt sức; ăn khó tiêu; và các cơn lạnh giá dữ dội.

May mắn, trong hai năm kế tiếp, Hakuin đã có thể tự chữa chứng bệnh đáng sợ này và tiếp tục tu tập.

Vào cuối năm 1711, Hakuin trở về chùa Daisho-ji để chăm sóc Sokudo, một trong những vị thầy cũ bấy giờ ngã bệnh. Cũng như trước, Hakuin để cả ngày chăm sóc thầy và ban đêm để toa. thiền. Năm kế tiếp, Hakuin được 26 tuổi, bắt đầu thuyết pháp trước công chúng tại chùa Shoin-ji. Khi Sokudo viên tịch vào mùa thu đó, Hakuin một lần nữa lại đi du phương. Trong một sự kiện điển hình của những ngày sư trên đường, Hakuin đột nhiên ngộ được ý nghĩa của công án, “Lá sen tròn hơn tấm gương tròn nhất; gai hạt dẻ nước nhọn hơn mũi khoan bén nhất.” Lúc đó trời đang mưa ào ạt, và nhà sư vui sướng ngã ra và lăn vào đám bùn mà cười khoái trá.

Một lần khác, Hakuin đang ngồi thiền ban đêm, thì tiếng động của tuyết rơi nhẹ đột nhiên làm sư hiểu công án, “Định lực của một bé gái vượt hơn định lực của vị sư trí tuệ nhất của Phật.” Sư làm bài thơ sau để ghi nhận lần chứng ngộ đó:

Nếu chỉ ta có thể chia sẻ nó:
Tiếng động mềm mại của tuyết
Rơi đêm khuya
Từ các cây
Ở ngôi chùa cổ này.

Năm 1713, Hakuin đi về phương nam để tìm gặp Kogetsu (1667—1751), nổi tiếng là Thiền sư hàng đầu bấy giờ, nhưng sư lại đi chệch ra và để một năm tu tập với các Thiền sư Tetsudo (1658—1730) và Egoku (1632—1721). Bất kể trước đó suýt chết vì Thiền bệnh, Hakuin tự nghiêm khắc với mình hơn bao giờ hết. Sư và một vị sư khác một lần nhập thất tọa thiền liên tục 7 ngày, ngồi đối mặt nhau với cây gậy ngăn đặt giữa hai sư. Nếu có sư nào lộ dấu buồn ngủ, thì vị sư kia phải lấy gậy gõ nhẹ vào giữa hai mắt để tỉnh dậy. Họ đã hoàn tất kỳ thất mà không dùng tới gậy này lần nào.

Năm 1714, Hakuin tu tập tại chùa Reisho-ji, và rồi để hai năm kế tiếp ẩn tu tại Núi Iwataki. Sư đã tiếp tục hình thức tu tập nghiêm khắc này quá sớm, và sức khỏe lại suy sụp lần nữa. Để hồi phục, sư sống một cách lặng lẽ trong một am thất giữa vùng núi xinh đẹp Iwataki, sống nhờ ăn cháo, và thiền tọa cả ngày và đêm. Giác mơ đẹp vỡ tan năm 1716, khi một người tớ của phụ thân sư tìm ra sư sau hai năm tìm kiếm. Người tớ này nói, “Cha của sư bệnh rồi, và chùa Shoin-ji trống rỗng và hoang tàn đổ nát. Chúng con muốn sư về nhà.”

Do vậy, vào tháng đầu của năm 1717, Hakuin, 31 tuổi, tự nhận vai trò sư trụ trì chùa Shoin-ji, chỉ còn là cái vỏ bọc hoang phế. Hakuin bắt đầu tiến trình một nhọc xây lại ngôi chùa và biến nó thành trung tâm tu học. Cha của sư chết vào cuối năm đó.

Năm kế tiếp, Hakuin được vinh danh với lời mời làm sư thủ chúng trong một khóa thiền mùa đông tại chùa Myoshin-ji ở Kyoto, một trong những

Thiền viện lớn nhất và quan trọng nhất tại Nhật Bản. Đây đã có thể là bước đầu tiên để nổi tiếng và phú quý như cương vị một Thiền sư ở thủ đô, nhưng sư trở về lại chùa Shoin-ji ngay khi khóa ba tháng kết thúc, quyết định để sống hết phần đời còn lại làm trụ trì ngôi chùa nhà quê nhỏ bé đó. Điều này được ám chỉ trong pháp hiệu “Hakuin,” mà sư sử dụng khoảng thời gian này (khi còn trẻ, sư được gọi là Iwajiro, và pháp danh khi mới vào tu của sư là Ekaku). Chữ “Hakuin” có nghĩa là “ẩn giấu trong màu trắng,” chỉ tới tình trạng ẩn dật trong mây và tuyết của Núi Phú Sĩ (nói cách khác, còn có nghĩa là một với Phật Tánh), bị lạc khi tu học ở Thung Lũng Bạch Hạc của chùa Shoin-ji, và hội nhập vào màu trắng của niết bàn, trong đó vạn pháp đều hòa bình an lạc.

Trong thập niên kế tiếp, một nhóm nhỏ các học tăng và cư sĩ bắt đầu tìm tới chùa Shoin-ji để tu thiền theo hướng dẫn của Hakuin. Tiếng tăm của sư được vang dậy thêm sau một vụ sư bị tố cáo bởi một thiếu nữ địa phương là cha của đứa con hoang của cô. Hakuin không nói gì để tự vệ, và khi người cha giận dữ của cô gái đòi sư phải nuôi đứa nhỏ, Hakuin chỉ ẵm em bé về. Sư dịu dàng chăm sóc cho em bé mà không than phiền gì, thu xếp tìm một vú em, và ẵm theo khi đi khát thực, lặng lẽ chịu đựng sự khinh bỉ đổ dồn lên sư bởi các dân làng. Rồi thiếu nữ ân hận và thú nhận sự thực – một thanh niên hàng xóm là cha, chứ không phải Hakuin. Người cha kinh hoàng của thiếu nữ mới xin tha lỗi, nhưng Hakuin trả lời dịu dàng, “Đừng bận tâm gì chuyện đó,” và trao em bé lại, không bao giờ nhắc đến chuyện đó nữa.

Một đêm trong năm 1725, Hakuin có giấc mơ khác với mẹ, lần này bà mẹ trao cho con trai bộ y màu tím. Bộ y này có những chiếc kính trên cả hai tay áo, các kính này phản ánh các chiều kích bên trong và bên ngoài của đời sống với sự chiếu rọi rực rỡ trong khi lấp lánh với mặt biển lặng của niết bàn, như thể trao cho Hakuin chìa khóa đối với công án, “Người giác ngộ

nhìn thấy Phật Tánh bằng chính đôi mắt của mình.”

Năm kế tiếp, Hakuin, 40 tuổi, đang nghiền ngẫm Kinh Pháp Hoa, một kinh mà sư xem phần lớn là vô dụng, thì một con đé gáy nhẹ nhàng. Hakuin đột nhiên hiểu được thông điệp ẩn tàng của kinh – “Ngoài tâm, không có Kinh Pháp Hoa; ngoài Kinh Pháp Hoa, không có tâm nào cả” – và bây giờ mới đồng ý rằng kinh này xứng đáng được gọi là “Vua của Các Kinh Phật.”

Các tiểu sử sớm nhất của Hakuin mô tả sự kiện này như bước chuyển biến của đời sư Khát vọng giác ngộ đã chiếm nửa đầu sự nghiệp Hakuin là “hạt giống” của việc sư tu tập, nổi bật bởi sự gần ám ảnh bởi nan đề tự ngã – tránh né địa ngục, kinh nghiệm giác ngộ, giữ gìn sức khỏe thể chất và tinh thần. Với sự trưởng thành của Hakuin, nửa đời sau của sư trong cương vị Thiền sư mới là “quả” – không nghĩ gì tới mình, mà cứ tận lực chăm sóc và hướng dẫn người khác.

Không như Ikkyu, người có nhiều học trò nhưng từ chối không nhận ai làm truyền nhân, hay là Ryokan, người không bao giờ giữ chức trụ trì chùa nào và đã viên tịch mà không một đệ tử, Hakuin là “Vị Thầy Chính” của Thiền Tông Nhật Bản. Hàng trăm học tăng và cư sĩ tu học dưới hướng dẫn của sư, và sư dường như đã chứng nhận, hay cách khác là bảo trợ, hơn 80 đệ tử trực tiếp của sư để dạy và quảng bá Thiền Tông kiểu Hakuin khắp nước. Có lẽ sư cũng đã trao ra nhiều văn bằng inka – cho các sư, ni cô, nam cư sĩ và nữ cư sĩ, và ngay cả cho một cặp vợ chồng – nhiều hơn bất kỳ vị Thiền sư nào trong lịch sử Nhật Bản. Tất cả các phái Lâm Tế lớn hiện nay [của Nhật] đều xuất xứ từ Hakuin và phần lớn vẫn theo kiểu dạy của sư.

Thiền kiểu Hakuin dựa vào cuộc tìm cầu lâu dài của sư và vào cá tính mãnh liệt của sư – “Thầy chúng ta di động như một con bò mộng và trừng mắt nhìn như một con cọp,” một trong các đệ tử của sư viết trong kính mộ.

“Không bao giờ hài lòng với các tiểu ngộ,” Hakuin thúc giục học trò như

thế. Sư đòi hỏi các học nhân phải chạm trán, đau đớn tìm cầu, và vượt qua cùng các rào cản lớn lao mà sư đã trực diện. Một thiền sinh chân thực cần đại nghi, sự tin như thế. “Nếu ai có nỗi nghi dày đặc tới mười độ, thì chứng ngộ của người đó cũng như thế.”

Hakuin đòi hỏi các môn đệ phải vật lộn với các câu hỏi tối hậu bằng cách nhai nó, nuốt nó, và khắc nhỏ ra công án mà chính sư đã húc đầu vào, và phải giải quyết công án do chính sư tạo ra: “Thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?” Mục đích đơn độc của học Thiền, theo lời Hakuin, là kensho, “thấy tự tánh,” là trở thành Phật.

Hệt như Daito và Ikkyu, người mà sư rất mực ngưỡng mộ, Hakuin không mệt mỏi lên án những người tu pháp Thiền “Mặc Chiếu” và Thiền “Không Làm Gì Cả” (tức là, “Vô Sanh” hay “Bình Thường [Tâm]”). Mặc Chiếu là trọng tâm của một chi phái Thiền Tào Động, tránh né sử dụng công án để thiên về “ngồi như Đức Phật” và đồng hóa việc tọa thiền với chứng ngộ. Những vị biện hộ cho Thiền Mặc Chiếu nói rằng giác ngộ xảy ra một cách tự nhiên và chỉ một lần, và nói về “mười tám lần đại ngộ và vô số lần tiểu ngộ” thì không gì khác hơn niềm cảm xúc quá độ, không phải giác ngộ chân thật. Hakuin bên cạnh kinh nghiệm riêng của sư còn có hàng chục chuyện đồn ngộ nhiều lần như thế trong Thiền sử. Thêm nữa, sư đã thường xuyên thử tập Thiền Mặc Chiếu khi còn là một ông sư trẻ, nhưng chỉ tự thấy mình rơi vào ưu trầm và lãnh đạm liên tục.

Hakuin còn ác cảm hơn nữa với Thiền “Không Làm Gì Cả.” Dòng thiền này xuất sinh từ Bankei (1622—53), một vị sư trải qua khổ hạnh cực kỳ hết như Hakuin và đã kinh nghiệm một sự chứng ngộ thâm sâu tương tự, nhưng lại dẫn tới một kết luận trái ngược: rằng tu tập dày đặc như thế chỉ vô ích và cứ dẫn sư đi lạc. Các phương pháp giả tạo như tự buộc mình ngồi liên tục tọa thiền, tốn nhiều tháng để giải các công án vô nghĩa, và xông vào các tu viện

để thách thức các thiền sư chỉ là trò phù phiếm, sư kết luận như thế. Tánh Phật đã có sẵn trong mỗi người, và bất động—thế nên gọi là vô sanh:

“Không hề có một khoảnh khắc nào, dù thức hay ngủ, mà người không là Phật,” Bankei dạy như thế, và do vậy không cần gì phải thúc giục xô đẩy học trò vào chỗ thấy tánh. Trong khi Bankei biểu lộ mức độ chứng ngộ cao, các học trò sư lại tin từng lời một, và Hakuin mới than phiền rằng các ngôi chùa trụ trì bởi các vị sư trường phái “Thiền Không Làm” chỉ là những người tu kiểu ngồi như cục gỗ, gập gù đầu và không thành tựu gì. Sư lên án họ đã rời bỏ Thiền, và làm tâm thường hóa các nỗ lực lớn của Phật và Bồ Đề Đạt Ma. Các vị sư như thế không hơn gì các tên trộm, Hakuin tố cáo, bòn rút các tín đồ mà không đền đáp gì. Thí dụ, Hakuin nói là vị tiền nhiệm tại chùa Shoin-ji đã áp dụng pháp môn Thiền Không Làm vào chính ngôi chùa, để mặc mái rỉ nước, tường hư đổ và sàn mục rã! Thiền kiểu Hakuin rồi được ưa chuộng hơn Thiền Không Làm Gì, một pháp môn đã biến dạng chỉ vài thế hệ sau khi Bankei viên tịch.

Phương châm của Hakuin là, “Thiền trong khi động thì một tí lần ưu thắng hơn thiền tĩnh tọa.” Shojū, thầy của Hakuin, một lần nói với sư: “Nếu người có thể giữ tâm trên một đường phố đang sôi động đầy áp bạo lực, trong một sân hỏa thiêu giữa cái chết và hủy diệt, và trong một rạp hát vây quanh bởi tiếng ồn ào và phân tán, thì và chỉ có khi đó, người là người chân thực tu Thiền.”

Tương tự, Hakuin viết trong một bài:

Đừng tự đóng mình trong phòng để giữ vàng, người hãy đi ra phố chia sẻ tài sản với người khác... Những gì sẽ xảy ra cho thế giới này nếu các tướng quân và bộ trưởng, các chiến sĩ, các thương gia, các nghệ nhân và các nông dân đều lần tránh trách nhiệm để và một nơi nào đó thực tập kiểu ngồi mù quáng và mặc chiếu trong ảo vọng của cuộc tránh né các khó khăn và trôi

qua dễ dàng trong đời? Xã hội sẽ sụp đổ!

Sư dẫn ra các trường hợp cổ nhân đã hiển lộ Thiền của họ bằng cách vác đá gạch, cuốc đất, xách nước, chẻ củi, trồng rau, đo và làm, xoay cửi và đan dệt, học và dạy, trị nước và hộ dân.

Nhà sư trụ trì Trung Hoa Bá Trượng (Hoa: Pai-chang; Nhật: Hyakujo, 749—814) trên chín mươi tuổi vẫn ra đồng làm việc, sư Hakuin nêu lên, và khi các đệ tử ngại giầu cuộc xằng để cho sư nghỉ ngơi, Bá Trượng mới không chịu ăn: “Không làm, không ăn!” Hakuin cũng nêu lên các trường hợp của nhiều nam nữ cư sĩ xuất sắc, những người sống ngoài đời thường, nhưng không bao giờ cách ly với Đạo. “Hãy biến mọi thứ trong đời người thành công án,” Hakuin thúc giục các học trò như thế, cả học tăng lẫn hàng tại gia. “Hãy nghĩ về núi, sông, và đại địa như bực thiền, và vũ trụ như hang động riêng để người ngồi thiền.” Cái trí tuệ đạt được bằng cách tập thiền giữa thế giới của khát dục là không lay động nổi, theo Hakuin dạy, “như một hoa sen không bao giờ có thể bị phá hủy.” Sư cũng nói, “Một người tu dũng mãnh, cư xử hết như một chiến sĩ bị bao vây bởi kẻ thù từ mọi phía, có thể thành tựu giác ngộ trong khoảng khắc, nhưng những ai la cà thì phải mất ba a tăng kỳ kiếp mới tỉnh ngộ.”

Giáo pháp của Hakuin được tóm gọn trong bản văn nổi tiếng nhất của sư,

Tọa Thiền Ca (Zazen wasan):

Chúng sinh nguyên thủy là Phật,

Như nước và băng.

Không có băng ngoài nước,

Không có Phật ngoài chúng sinh.

Nhưng chúng sinh không biết bản sự như thế

Và lại đi tìm kiếm nơi xa Thật buồn!

Cứ y hết như chết khát

Tại ngay giữa nguồn nước;
Hay con trai một phú gia
Lang thang như gã ăn mày lạc lối.
Chúng ta bị buộc vào cảnh giới luân hồi
Bởi vì si mê giữ chúng ta trong bóng tối.
Đi bộ trong bóng đêm,
Khi nào chúng ta sẽ thoát khỏi sinh và tử?
Thiền Tông của Đại Thừa
Vượt ra ngoài mọi so sánh.
Bồ thí, trì giới, tất cả mọi công đức khác,
Tụng kinh, sám hối, tu tập, và
Tất cả mọi thiện pháp
Đều có cội nguồn trong Thiền.
Hãy ngồi chân thật trong thiền định chỉ một lần,
Và nó xóa đi các lớp vỏ của nghiệp dữ.
Không còn trong thung lũng địa ngục,
Tịnh Độ thì quá gần.
Hãy lắng nghe cung kính giáo pháp này
Chỉ một lần,
Hãy ngợi ca và hoan hỉ trong nó,
Và vô lượng thắng pháp sẽ là của ngươi.
Hãy tự hiến dâng mình
Thẳng đường tới chứng ngộ bản tánh;
Khi tự tánh vốn thật vô tự tánh,
Ngươi sẽ giải thoát khỏi cái huyền ảo rỗng tuếch này.
Hãy mở cánh cổng của nhân và qua?
Và đi thẳng không chần chừ.

Hãy lấy vô tướng làm tướng,
Hãy đi tới mà đừng dừng nghỉ.
Hãy lấy vô niệm làm niệm,
Hãy hát và nhảy múa với Phật Pháp.
Hãy mở cái vô tận của tịch tĩnh không ngăn ngại
Hiện lộ trước ánh sáng rực rỡ của trí tuệ viên mãn.
Vào giây phút này, chúng ta cần tìm gì?
Niết Bàn ở trước mắt ta.
Nơi này là Cõi Hoa Sen,
Thân này là thân của Phật.

Mặc dù Hakuin rất thô bạo trong các bài viết, tấn công các đối thủ thiền và coi thường các tông phái khác của Phật Giáo – “Thiền để cho người thượng căn, Tịnh Độ để cho các chú lùn” – thực sự, sư lại là một thiền sư dịu dàng và khéo léo dị thường, và là một Phật Tử đại lượng không bao giờ đẩy người khác ra vì niềm tin của họ và là người kết hợp các yếu tố khác của tất cả tôn giáo vào trong thuyết giảng của sư.

Kiến thức của sư uyên bác, và người ta nói rằng sư đã đọc toàn bộ Kinh Phật tới bảy lần. Sư đưa cho mỗi thiền sinh một công án để tham cứu, nhưng sư đưa ra tùy theo tông phái mà thiền sinh đó đang theo, nêu lên một câu hỏi lấy từ truyền thống thích nghi đó – Thiền, Thiên Thai, Chân Tông (Mật Tông), Tịnh Độ, Nhật Liên Tông, Lão Giáo, Khổng Giáo, Thần Đạo.

Đối với Hakuin, Thiền ngữ “Thấy Tánh, Thành Phật” tương đương với “Nhất niệm, ba ngàn thế giới” của Thiên Thai, với “Mẫu tự bí mật A” của Chân Tông, với “Vãng sanh” của Tịnh Độ Tông, với “Diệu pháp” của Nhật Liên Tông, với “Đạo” của Lão Giáo, với “Chí Thiện” của Khổng Giáo, và với “Cõi trời cao” của Thần Đạo.

Nhiều lần sư Hakuin mở miệng chỉ trích các tông phái khác và các sư khác

thực sự chỉ là đùa nghịch với thiện ý. Một người bạn của Hakuin là Tenkei (1648—1735), một thiền sư Tào Động. Một lần, trên một chuyến đi, Hakuin tới gần trú xứ của Tenkei và hỏi một người qua đường, “Có thằng cha nào tên Tenkei sống gần đây không?”

“Thưa thầy, có,” người đàn ông trả lời với chút nổi giận. “Vùng này, dân chúng thờ Thiền Sư Tenkei như một vị Phật sống.”

“Có chuyện vậy hả? Ờ thì lần sau, khi người gặp ông, nói với ông là có ta nói ông là một tên ngốc vô dụng!”

Người đàn ông chần động vì ngôn ngữ như thế, nhưng Hakuin đã bỏ đi trước khi có thể bị buộc phải rút lời.

Người đàn ông hóa ra là một đệ tử hết lòng của Tenkei và trình lại chuyện đó với thầy mình. Tenkei bật cười nói, “Lão già Hakuin lại vào chợ nữa rồi. Nghe hết như lão đang mạnh khỏe. Cảm ơn con về lời nhắn.”

Pháp Thiền Kiến Tánh quyết liệt làm-hay-là-chết của Hakuin được quân bình bởi giải thích của sư rằng tập thiền phải có cả những đột hứng của tràng cười sảng khoái, hạnh phúc; kiến tánh càng sâu, thì người sẽ càng thêm tràn ngập tiếng cười vỡ bụng. Sư cũng nói, “Hiểu được chuyện tiểu lâm thì có nhiều người; nhưng hiểu được tiếng cười chân thực thì chẳng mấy ai.” Như chúng ta sẽ thấy, yếu tố khôi hài cốt tủy này là chứng cứ rõ nhất trong các tranh hí họa Thiền của sư Hakuin.

Hakuin có thể hân thưởng chuyện khôi hài ngay cả khi sư bị đưa ra giễu.

Một hôm, gia đình giàu nhất trong huyện mời Hakuin tới dự bữa tiệc chay. Hakuin, khoác trên người bộ áo tràng đen đơn giản và mang dép rơm, đi bộ tới căn dinh thự của họ, nhưng khi đã tới giờ ra về, gia chủ mới nài nỉ rằng sư nên để được kiệu về. Tuy nhiên, khi những người vác kiệu nhắc kiệu lên, Hakuin, người chưa từng đi kiệu xe sang trọng này bao giờ, đã té ngã ra đất, làm đám đông bật cười.

“Đủ rồi nhé,” Hakuin nói với một nụ cười. “Ta nên theo lời khuyên của chính mình—luôn luôn giữ chân trên mặt đất!”

Trong nhiều đệ tử của Hakuin còn có nhiều phụ nữ, một số trong đó đến từ khu phố kỹ nữ tại Hara, nhưng sự đối xử với các nữ đệ tử không khác gì với các nam cư sĩ hay các vị sư. Một trong những môn đệ đầu tiên của Hakuin là một thiếu nữ 15 tuổi tên gọi Satsu; cô đang gặp trở ngại kiếm chồng vì vẻ ngoài không đẹp, nên cha mẹ cô bảo cô cầu nguyện Quan Thế âm Bồ Tát để xin có người chồng thích hợp. Một hôm, cha cô kinh hoàng khi thấy cô đang ngồi trên một cuốn Kinh Quan Thế âm. (LND. Có lẽ tác giả John Stevens muốn nói tới Phổ Môn?)

Người cha giận dữ hét lên, “Sao con ngồi lên cuốn kinh linh thiêng đó?”

Cô Satsu nói lặng lẽ, “Có sao đâu. Nhà sư chùa Shoin-ji nói vạn pháp đều có Phật tánh, nên đâu có gì dị biệt giữa bàn móng của con với bộ Kinh Phật?”

Hoàn toàn sững sốt, người cha mới trình với Hakuin, và sư nói với nụ cười, “Con gái của người khá sắc bén hạ Hỷ cho nó bài thơ công án này và bảo nó là thơ từ ta gửi nó.”

Trong bóng tối của đêm,
Nếu người có thể nghe tiếng
Của con chim quạ không khóc,
Thì tương lai vô sinh sẽ sáng to?

Và người có thể hiểu tình thương của người cha.

Khi được đưa xem thơ này, cô Satsu không lộ ấn tượng gì.

“Có hay ho gì thơ này đâu? Hakuin không hơn con tí xiu nào!”

Khi cô Satsu sau đó tới gặp Hakuin, sư đón cô với công án: “Người có nắm tất cả hư không?”

Đáp lại, cô bé Satsu lấy ngón tay vạch vòng tròn trên không.

“Đó mới nửa tâm hình thôi,” Hakuin trả lời với mắt trừng trừng nhìn.

“Trẻ quá rồi. Con đã làm xong việc nắm giữ nó rồi!”

Cô Satsu quả là thứ thiệt, nắm đầy tay rồi. Trong một lần đối thoại, cô xin Hakuin giải thích một điểm khó hiểu. Ngay khi sư vừa bắt đầu nói, cô Satsu nói, “Cảm ơn thầy,” rồi bước đi để lại ông thầy há hốc mồm kinh ngạc.

Một lần, một nhà sư kiêu căng tìm cách trị cô Satsu: “Trong một đồng rác, một tảng đá trắng bị vỡ ra; đó là nghĩa lý gì?”

Không do dự, cô Satsu đập bẻ tan chén trà của vị sư, và sư này phải rút lui khẩn cấp.

Cô Satsu chống lại các áp lực buộc cô lấy chồng, bởi vì cô muốn tọa thiền toàn thời gian, nhưng Hakuin nói với cô, “Con hiểu Thiền khá rồi, nhưng con cần đưa nó vào thực tập. Tốt nhất cho con là đi lấy chồng, làm theo sự cặp đôi tự nhiên giữa nam và nữ. Tánh và tướng, chứng ngộ và hành ngộ phải được hòa hài với các hiện thực của đời sống hàng ngày.” Dùng chữ khác, thì kết hôn, giao phối, và sinh con và nuôi con đều là các hình thức xuất sắc của thiền trong đời sống.

Satsu nghe lời khuyên của thầy, nên kết hôn và có một gia đình đông đúc.

Nhiều năm sau, sau khi mất một trong nhóm cháu yêu thương, bà Satsu không nguôi ngoai nỗi. Một người hàng xóm thô bạo mới nói với bà, “Ta nghe nói là bà đã lãnh giấy chứng nhận giác ngộ do chính thầy Hakuin trao mà, sao bây giờ bà buồn hoài thôi?”

“Đồ ngốc!” Bà Satsu hét lại. “Nước mắt của ta là đài tưởng niệm tốt hơn là một trăm ông sư tụng kinh sâu thẳm. Nước mắt này tưởng niệm tất cả những đứa trẻ chết trên đời này. Đó chính xác là điều ta cảm thấy ngay giây phút này!”

Ohashi, một đệ tử khác của Hakuin, đã giác ngộ ngay cả khi đang làm kỹ nữ. Là một thiếu nữ dễ thương, đầy tài năng, cô Ohashi tự đưa mình vào một nhà điếm ở Hara để nuôi gia đình, khi người cha kiếm sĩ samurai mất việc vì

chủ tướng chết. Cô học Thiền với Hakuin, thầy khuyên cô hãy xem cuộc đời như công án tối hậu – sự giác ngộ thì có thể ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Mặc dù sợ hãi sấm sét, một hôm cô Ohashi tự ra ngồi nơi hàng hiên giữa lúc một trận bão dữ dội để tự mình bỏ tâm sợ hãi. Một tia chớp đánh vào nền đất trước mặt cô, làm cô ngất xỉu. Khi cô hồi tỉnh, cô cảm thấy như đường vũ trụ là của cô Hakuin chứng nhận rằng cô đã Thấy Tánh, điều này cho thấy ngay cả một cô bán dâm cũng có thể giác ngộ. Ohashi rồi được một người khách giàu chuộc ra, và kết hôn với cô Sau đó, với sự cho phép của chồng, cô xuất gia làm ni cô, và nổi tiếng về trí tuệ và từ bi Khi ni cô viên tịch, thay vì làm một bia mộ theo phong tục, người chồng và các bạn cô mới tạc tượng cô theo hình Quan Thế âm, vị Bồ Tát của lòng từ bi và đưa ảnh tượng này đặt vào chùa của Hakuin.

Hakuin rất hiểu nhân tính. Một lần, một tướng quân du hành và dừng nghỉ ở Hara, rồi say mê tuyệt vọng cô con gái của người chủ quán trọ. Bất kể lời thề thốt về tình yêu vĩnh cửu và sự giàu sang, cô gái vẫn không chịu rời bỏ cha mẹ già. Hakuin mới tạc tượng gỗ theo hình cô gái để tướng quân này giữ bên mình, hy vọng rằng cô một hôm sẽ chịu đi theo. (Bất hạnh, một thời gian ngắn sau đó, cô từ trần, và tướng quân này đành phải hài lòng với các kỷ niệm về thiếu nữ mà ông thương yêu.)

Nhưng một mặt khác, Hakuin lại giận dữ khi một kiếm sĩ cấp cao xuất hiện với “cô em gái nhỏ” của ông – nói cách khác, một cô tình nhân – đi kèm bên cạnh. Khi kiếm sĩ tới xin tham vấn Thiền, sư Hakuin la mắng ông nặng nề: “Tu Thiền đòi hỏi người phải chân thật từ đỉnh đầu cho tới gót chân! Ngay cả lời nói dối nhỏ nhất cũng xóa đi nhiều năm tu tập.” Vị kiếm sĩ lập tức thấy sai lầm của mình và dẫn cô tình nhân tới lạy sự Cả hai người sau đó đều trở nên các thiền sinh giỏi.

Các “bà già Thiền,” chữ gọi những bà cụ sắc bén ưa gây bối rối cho các vị

sư huỳnh hoang, vẫn xuất hiện thường xuyên trong văn học Thiền, và Hakuin cũng đùng chạm vài bà già như thế. “Lão Bà San,” một bà cụ như thế, không thể kiên nhẫn để chờ thử sức Hakuin khi sư tới thăm thị trấn của bà. (LND. San đây là tên, không phải tiếp vĩ ngữ –san để chỉ sự kính trọng.) Trong khi phỏng vấn, Hakuin đưa một bàn tay lên cao, im lặng thách thức bà cụ nghe âm thanh của nó. Bà cụ hét lớn, “Lắng nghe một bàn tay của Hakuin, đâu có hay bằng vỗ hai bàn tay và làm một số công việc thực sự.” Hakuin hét lại, “Nếu người có thể làm việc bằng cách vỗ hai bàn tay, thì không cần nghe tiếng vỗ của một bàn tay,” và sư chụp một mảnh giấy và vẽ lên đó một cây chổi tre Sư chuyển cho Lão Bà San bảo viết phụ đề. Bà cụ viết:

Cái chổi này

Quét sạch hết

Tất cả những người giả danh ở Nhật –

Trước hết là

Hakuin vùng Hara!

Cuộc chạm trán này sau đó tự trở thành công án: “Ai thắng? Hakuin hay Lão Bà San?”

Rồi tới một bà cụ Ở Hara nghe được Hakuin nói trong bài thuyết pháp,

“Tâm người là Tịnh Độ, thân người là thân Phật A Di Đà.”

Câu này trở thành công án cho bà cụ, và một buổi sáng bà cụ trải qua kinh nghiệm thấy tánh trong khi dọn dẹp sau buổi điểm tâm. Bà cụ chạy vội tới chùa Shoin-ji và trình với Hakuin, “A Di Đà Phật đã bao trùm khắp thân con! Cả vũ trụ rực sáng! Kỳ diệu chân thực là bao!”

“Vô nghĩa!” Hakuin vặn lại. “Vậy có chiếu sáng lỗ đít người không?”

Bà cụ bé nhỏ mới xô tới đánh nhà sư Hakuin không lờ và hét, “Vậy chứ thầy biết gì về giác ngộ?”

Rồi cả hai cười phá lên.

Một chuyện khác kể về một vị nam cư sĩ, tên Harushige, người mất đứa con trai trưởng vì bệnh, nên hoang phí gia sản thừa kế của ông vào rượu và đàn bà, và thất vọng với cuộc đời này. Một hôm, vị này tình cờ đọc cuốn sách gặp một câu mà Hakuin ưa trích dẫn: “Một người tu quyết liệt... có thể thành tựu giác ngộ trong chớp nhoáng, nhưng những người lười biếng sẽ cần tới ba a tăng kỳ kiếp mới tỉnh ngộ.” Vị cư sĩ này tự giam mình trong buồng tắm, thề là phải thành tựu giác ngộ hoặc là chết. Trong ngày thứ ba ngồi thiền liên tục, thân xác thì đau đớn và tâm thì đầy ảo giác, Harushige đột nhiên kinh nghiệm một bước nhảy. Hakuin xác nhận Harushige đã thấy tánh, và thường xuyên nhắc tới vị cư sĩ này như một người thành tựu đại sự bằng cách ném bỏ hết để vào công án Thiền. Hakuin tiếp tục hướng dẫn Harushige, người sau đó tu tỉnh siêng năng làm ăn nuôi gia đình, thành người bạn của dân nghèo, làm người xây đường và cầu, và là một cột trụ của tăng thân.

Một quả phụ trẻ đau đớn đã bị ám ảnh với việc tham công án tới nỗi bà để trọn thời giờ ra ngồi trong thiền đường của chùa Shoin-ji. May mắn, các hàng xóm của bà làm các bữa cơm cho con trai bà khi bà vắng nhà, nhưng khi bà về ghé thăm nhà chút xíu, thì bà nói với con trai, “Người là ai?”

“Con là con trai của mẹ! Mẹ quên con sao?” người con đáp.

Ngay tới Hakuin cũng nghĩ là như thế là nhất tâm quá độ, bảo bà trình lời giải công án ngay, đừng chần chờ. Bà làm như thế, sư Hakuin chấp nhận, và vị nữ cư sĩ này tiếp tục cuộc sống bình thường hơn. (Một sư trụ trì, bạn của Hakuin, có một lần gặp phụ nữ này và ghi nhận, “Trong suốt những năm đời tôi, tôi chưa hề gặp ai miên mật tu Thiền như phụ nữ này.”)

Một hôm, Hakuin đang đi bộ trong sân chùa với một cư sĩ, người trước đó thắc mắc về ý nghĩa của chữ “chết,” nguyên đã giao cho cư sĩ này làm công án. Đề nghị Ông này làm phương pháp khác, sư Hakuin mới đọc bài thơ:

Núi Tu Di,
Đỉnh Linh Thứu,
Sụp đổ;
Cõi trời vỡ

Tan thành các mảnh vụn!

“Hiểu không?” Hakuin hỏi học trò này. Vị nam cư sĩ, như đường đột nhiên thoát được gánh nặng lớn, nhặt lên một viên đá và ném lên cao. Hakuin mỉm cười chấp nhận.

Một lần, con trai người chủ tiệm cầm đồ tới gặp Hakuin và trình sư về hoàn cảnh mình: “Con muốn cha con tu học Phật pháp, nhưng cha nói là cha quá bận với sổ sách kế toán tới nỗi không để ra được vài giây mà niệm một câu Phật hiệu [trì danh của Phật A Di Đà].”

Hakuin biết rằng người chủ tiệm cầm đồ là một tay keo kiệt, và đó cũng là cơ để tránh né luôn chùa chiền. Sư bảo cậu con kia, “Nói với cha ngươi rằng ta sẽ mua lời niệm Phật của ông – một xu cho niệm một câu Phật hiệu.”

Người chủ tiệm cầm đồ bần xín mừng rỡ là ông có thể thực sự kiếm lời nhờ tôn giáo. Mỗi ngày, ông trình Hakuin một hóa đơn đòi tiền trả công niệm Phật, và thiền sư trả tiền thích đáng. Tuy nhiên, tới ngày thứ bảy của hợp đồng, người chủ tiệm cầm đồ miên mật trong niệm Phật tới nỗi ông quên đếm. Từ đó ông hết lòng với việc niệm Phật và vẫn niệm mà không đòi tiền, và rồi trở thành một thí chủ rộng rãi cho ngôi chùa của Hakuin.

Có những lần, người ta thách thức Hakuin trước công chúng, hô to các công án trong khi sư đang thuyết pháp. Một lần, có người trong thính chúng đòi biết, “Sau khi chết, chúng ta biến mất hay tiếp tục tồn tại?” Hakuin đáp, “Bây giờ, ngươi đang biến mất hay tiếp tục tồn tại?”

Hakuin đưa một công án tương tự cho một vị sư già tới xin hướng dẫn:

“Ngươi từ đâu tới khi sinh, ngươi sẽ về đâu khi chết?”

Vị sư già này mất tới một năm mới tới trình câu trả lời. Khi Hakuin lập lại công án, vị sư già đưa lên một ngón tay.

“Thế là chưa đủ tốt! Nói thêm ta nghe!” Hakuin đòi hỏi với cái nhìn trừng mắt.

Vị sư già lập lại, “Người từ đâu tới khi sinh, người sẽ về đâu khi chết?”

Lần này, Hakuin chấp nhận.

Một kiếm sĩ tới hỏi, “Trời là gì? Địa ngục là gì?”

“Chuyện gì vậy? Người sợ địa ngục hả?” Hakuin mới nạt. “Một tên chết nhất rên rỉ như người không đáng học giáo pháp này.”

Nổi giận vì lời xúc phạm của Hakuin, kiếm sĩ mới rút kiếm và rượt Hakuin chạy vào chánh điện. Ông giận dữ vung kiếm vào thiền sư, người đột nhiên biến dạng vào bóng tối.

“Cơn giận này là địa ngục của người,” Hakuin hét lên.

Kiếm sĩ trầm tĩnh lại và xin lỗi vì lỡ nổi nóng.

“Đây là cõi trời vậy,” Hakuin nói với kiếm sĩ. (Bởi vì một kiếm sĩ samurai phải miên mật cảnh giác, luôn luôn trang phục tề chỉnh, và sẵn sàng mất mạng bất kỳ lúc nào, nên Hakuin một lần viết rằng một kiếm sĩ xuất sắc có thể thành tựu trong một tháng những gì mà một nhà sư bình thường thành tựu trong một năm.)

Bởi vì Hara là một trạm thư quan trọng trên Xa Lộ Tokaido, các quan tỉnh đi những chuyến bắt buộc hai lần mỗi năm về Edo thường ghé nơi đó, và nhiều người trong số họ trở thành học trò của Hakuin. Hakuin thường mời các tướng quân những chiếc bánh hạt kê đơn giản mà các nông dân tặng sư, và nếu một tướng quân nhích mũi lên vì thức ăn quê mùa như thế, Hakuin sẽ gay gắt đưa ra bài giảng về đức hạnh của nếp sống bình dị và thức ăn đơn giản.

Một lần, vị tướng quân giàu nhất miền Nam Nhật Bản ngừng chân ở Hara và

than phiền về chứng đau bụng với sư Hakuin. “Ta có thể chữa trị nó,” Hakuin nói bảo đảm thế. “Đừng ăn điểm tâm ngày mai, mà tới thẳng đây.” Tướng quân tới thật sớm sáng hôm sau, và Hakuin nói với ông, “Thuốc chữa này là bí mật, nên người phải theo lời dạy của ta một cách chính xác. Người có thể uống trà này, nhưng người phải ở trong phòng này cho tới khi ta quay lại.”

Hakuin để vị quan ở lại một mình. Tới trưa, tướng quân đói bi đát. Khoảng ba giờ chiều, Hakuin vào phòng với một cái chén nhỏ.

“Xin lỗi nha,” Hakuin xin lỗi. “Nó lâu hơn là ta dự liệu để làm thuốc này. Đây thuốc đây.”

“Cái gì thế này?” tướng quân hỏi, cầm chén lên.

“Cháo lúa mì và chút cơm và hai quả dưa chua ngâm với củ cải,” Hakuin nói. Vị quan này chưa bao giờ thấy món ăn đó trước giờ, nhưng vì đói nên ăn thấy là ngon.

Hakuin nói, “Ta hy vọng người đã chữa trị xong. Khi nào mùa màng thua kém, các nông dân trong lãnh địa của người sẽ thấy đói như người đã thấy đói. Đừng bao giờ quên cảm giác đói khi họ tới xin người giúp. Cháo và dưa là những gì họ ăn, và nó thì tốt cho người hơn là thức ăn sang trọng mà người nhồi nhét đầy bụng.”

Hakuin không bao giờ một mỗi khi nhắc nhở từng vị tướng quân tới thăm ông rằng các nông dân là kho tàng của đất nước, và họ xứng đáng được đối xử tử tế. Trong các lá thư của sư, bài viết và tranh vẽ, sư chỉ dạy cho các tướng quân hãy luôn luôn làm phước thiện, hãy sống thanh đạm và nhu hòa – “hãy đối xử người ta với lòng tử tế và gốc rễ của đất nước sẽ mọc lên tươi tốt; nhưng khi hành hạ dân, thì đất nước sẽ trở trụi liền.”

Thiền sư này thực hành những gì thầy giảng dạy. Hakuin sống đơn giản như một nông dân. Trong suốt những năm đầu thiếu thốn khi trụ trì chùa Shoin-

ji, món cháo của Hakuin vẫn thường rót vào những con sâu giòi, bởi vì chùa chỉ có những bánh đậu hũ đã hư mà nông dân bỏ đi. Một lần, một tướng quân giàu có đề nghị cung cấp cho Hakuin mọi thứ mà sư cần tới. “Được rồi, ta làm vỡ một trong những cái tô trong bếp sáng nay, và ta sẽ mang ơn nếu có cái thay thế,” Hakuin nói thế với người kia. Khi tướng quân này về lại lãnh địa ở Bizen, một huyện nổi tiếng về nghề sành sứ, ông mới ra lệnh làm nhiều chiếc tô đẹp cho ngôi chùa của Hakuin. Hakuin trưng bày một trong những chiếc tô đẹp đó bằng cách treo ngược đầu trên một cành cây thông trong vườn chùa. Cái tô này bây giờ vẫn còn nơi đó, treo cao lơ lửng. Khi điều kiện khá hơn ở Shoin-ji, Hakuin mới trữ lương thực và ngũ cốc ở chùa để phòng nạn đói. Sư cũng trồng hàng trăm cây dọc bờ sông để ngừa nạn lụt, vất vả thử nghiệm hoài cho tới khi sư kiếm ra đúng loại hạt bắt rễ tốt nhất. (Hakuin có vẻ như là một nhà thực vật sắc bén, bởi vì sư đặt tên nhiều bài viết của sư với tên của các loại cỏ dại -- “Cỏ Ngổng,” “Cây Gai Ngựa,” “Quả Dâu Rắn,” “Cây Trường Xuân Dại” – và nhiều tấm tranh của sư có vẽ các cây cỏ lạ.)

Một ngày mùa đông lạnh giá, một tướng quân thăm chùa Shoin-ji, và Hakuin cho đem chút rượu sake hâm nóng ra mời. Trong khi họ nói chuyện, Hakuin ghi nhận người mang mũi giáo của vị quan đang run rẩy nơi túp nhà ở cổng. “Sao người không cho lính gác của người một chén sake nóng này? Kẻ tội nghiệp kia đang lạnh cóng tới chết đó.” Lần sau, khi tướng quân đó và đoàn tùy tùng tới Hara, người lính gác kia, bây giờ là một kiếm sĩ đủ phẩm phục, vào tìm để cảm ơn Hakuin. “Trong lãnh địa chúng con, nếu vị tướng quân trao tặng người lính một chén sake, thì người kia được thăng lên cấp kiếm sĩ [một phong tục mà Hakuin biết quá rõ]. Con sẽ suốt đời mang ơn thầy.”

Hakuin cảnh giác các tướng quân đừng mê đắm nhục dục và thói quen tổn

kém của việc kiếm nhiều thê thiếp. Sư chỉ trích thói thường lãng phí các khoản tiền để tìm các kỹ nữ từ Kyoto về phục vụ, các cô này chẳng bao lâu lại bị bỏ rơi hay đổi lấy các cô khác, và bày tỏ phần nộ rằng có tới 1/3 ngân sách lãnh địa chỉ để tìm mua và duy trì một đàn thê thiếp.

Hai trong các môn đệ hàng đầu của Hakuin là Torei (1721—92) và Suio (1717—89). Torei ra đời trong một gia đình thương buôn, và khi còn bé đã có tính nghiêm túc và chín chắn, và không chịu làm tổn thương tới ngay cả loài chí rận. Cậu là một thần đồng kiểu như Hakuin, và khi lên năm tuổi, vị thiền sư nổi tiếng Kogetsu ở tại nhà của cậu. Cậu bé rất thích cách xử thế dịu dàng của Kogetsu tới nỗi cậu quyết định lúc đó rằng cậu muốn học theo như thế. Ba mẹ cậu làm mọi cách để thuyết cậu, nhưng Torei cuối cùng cũng được ba mẹ cho phép xuất gia làm chú tiểu Thiền Tông vào năm chín tuổi. Cậu học với Kogetsu tại Kyushu vài năm, và rồi, khi 22 tuổi, bắt đầu một thời kỳ tu học gian nan dưới trướng Hakuin, người mà sư đã gặp trước đó ở Kyoto. Tuy nhiên, sư ngã bệnh trầm trọng, có lẽ với “Thiền bệnh,” và cứ mấp mé bên bờ sự chết; khi hồi phục lại, sư trình lên Hakuin những gì sư đạt ngộ từ kinh nghiệm này và chút xíu sau đó thì được trao văn bằng inka.

Torei làm việc như cánh tay mặt của Hakuin trong nhiều năm, và trở thành người nối pháp chính yếu. Sư giữ chức trụ trì ở hai ngôi chùa mà Hakuin sáng lập nên, chùa Muryo-ji năm 1752 (nơi không thoát nổi các cuộc đàn áp Phật giáo thời thế kỷ 19) và chùa Ryutaku-ji năm 1760 (nơi đã phát triển tới bây giờ, thành một trung tâm dạy Thiền quốc tế). Chính Torei là người kết tập cuốn tiểu sử đầu tiên về Hakuin, và chính sư là người đã hệ thống hóa sắp xếp các công án cho Thiền Tông kiểu Hakuin. Torei cũng nghiêm khắc, tỉ mỉ và kiên trì như thầy mình, và cũng gần như một học giả. Sư hiến mình cho việc hòa hài Ba Đại Giáo Pháp và tuyên bố, “Thần Đạo là cội rễ, Không Giáo là cành và lá, và Phật Giáo là hoa và trái ngọt.”

Ở một mặt khác, Suio lại mang phong cách phóng khoáng, không có thể nào khác hơn nữa so với Torei (hay Hakuin). Không ai biết thực sự Suio xuất thân từ đâu—có lời đồn rằng Suio là đứa con hoang của một tướng quân và một kỹ nữ. Ngay cả sau khi trở thành học trò của Hakuin vào năm ba mươi tuổi, Suio vẫn vui hưởng đàn bà và men rượu sake Suio không dính dáng gì tới toa. thiền hay lễ nghi bách sám, và chỉ tới chùa Shoin-ji để nghe sư Hakuin giảng pháp. Hễ bài giảng của Hakuin kết thúc xong, Suio lại trở về túp lều nhỏ của mình, không bận tâm gì tới việc để thầy mình khảo vấn. Thoảng khi, Hakuin lại gửi các thí giả theo dõi xem Suio, nhưng rồi cũng vô ích. Mặc dù kiểu Suio không ưa đời sống trong chùa và phong cách gạt bỏ toàn bộ giới luật, Hakuin vẫn đánh giá cao phẩm cách Thiền của Suio, và đã bổ nhiệm Suio làm người kế nhiệm ở chùa Shoin-ji, khi mà sư lui về vào năm 80 tuổi. Hai thầy trò có một lúc sút mề, điều này làm Hakuin đau đớn sâu sắc, nhưng rồi Suio lại trở về làm trụ trì chùa Shoin-ji và ở bên Hakuin khi Hakuin viên tịch. Về sau, Suio được chôn kế bên thầy mình. Nhà sư mãnh liệt Hakuin hẳn là phải có một quả tim rất độ lượng để yêu thương người đệ tử Suio rất mực bướng bỉnh. Và Suio một cách trung thành đã giữ thói nhà Hakuin khi dùng các bức tranh tuyệt diệu để quảng bá thông điệp Thiền. Trong suốt đời mình, Suio đã bảo hầu hết học trò qua tham học với Torei, nhà sư trụ trì của Ryutaku-ji.

Một cách hứng thú, có một công án về Suio và Torei mà đôi khi vẫn được dùng trong khi tham học bên Thiền Lâm Tế. Suio nói với Torei, “Đạo này, ai cũng cứ lăm nhăm với nhau về Nghe tiếng vỗ của một bàn tay Nhưng sư huynh có nghĩ là họ thực sự nghe” Công án là: “Torei đã trả lời ra sao?”

Gasán (1727—97), người học tăng cuối cùng của Hakuin, tới với Hakuin khi vị thầy đã vào lứa tuổi tám mươi rồi. Sư này là tay cứng đầu, đã học với hơn ba mươi thiền sư; sư này viết rằng sư không bị khiếp đảm bởi uy danh của

Hakuin chút xú nạo, mà cũng không bị uy hiếp bởi tình hình Hakuin đã có hơn tám trăm thiền sinh. “Ta đã thách thức thầy ba lần, và ba lần thầy đều đánh bại ta Ta thật kinh hoàng.” Gasan là thầy của Inzan (1754—1817) và Takuju (1760—1833), từ những vị này mà tất cả các trường phái Thiền Lâm Tế [Nhật Bản] chính yếu bây giờ xuất sinh.

Mặc dù nó chưa bao giờ có ảnh hưởng từ dòng phái Hakuin, cũng cần nói về dòng Thiền xuất sinh từ Kogetsu Nhiều học tăng của Hakuin (kể cả Torei) đã khởi sự tu học theo Kogetsu, rồi mới tới chùa Shoin-ji sau khi sư Kogetsu về hưu, nên có rất nhiều ảnh hưởng tương giao giữa hai phong cách – thí dụ, như Ryosan (1706—86) là người đầu tiên được Hakuin trao tặng văn bằng inka, sau đó lại quay về với Kogetsu, và được may mắn hưởng lợi từ trí tuệ của hai vị thầy.

Kogetsu ra đời năm 1667, tính ra lớn hơn Hakuin tới 19 tuổi. Xuất gia học Thiền từ năm 10 tuổi, nhưng vị sư trụ trì đầu tiên mà cậu theo hầu lại có tính nghiện rượu, thế nên chú sư nhỏ bận rộn chăm sóc cho thầy, mà không hy vọng gì học từ kinh điển. Một đêm, sau khi dìu người thầy say rượu vào giường, Kogetsu gặp một người cùi đang khếp nép sau chùa. Kogetsu nghe rằng người tội nghiệp này một thời từng là hiệu trưởng của một viện giáo dục chính trong lãnh địa, nhưng đã mất chức khi bị bệnh này. Kogetsu mới dựng nơi trú thân cho người cùi và mang ba bữa ăn một ngày để đổi lấy bài học.

Kogetsu học hoài để trở thành một học giả Thiền Tông hàng đầu bảy giờ, và sư cũng bỏ ra nhiều năm du phương tham học với gần như tất cả Thiền sư lúc đó (kể cả sư Bankei). Y hệt như Hakuin, sư từ chối lời mời giữ chức cao trong các tu viện ở Kyoto, và để năm mươi năm cuối đời sư ở nơi xa xôi Kyushu, tu học và giảng dạy. Truyền thống Thiền kiểu Kogetsu thì dịu dàng hơn, vắng lặng hơn, và thanh nhã hơn Thiền kiểu Hakuin. Sengai (1750—

1837), đối thủ duy nhất của Hakuin ở vai trò họa sĩ Thiền, nằm trong dòng Thiền Kogetsu, đã làm cho truyền thống Thiền này sẽ sống vĩnh viễn trong các nét vẽ tuyệt vời trong tranh của sư.

Tu Thiền theo kiểu Hakuin đòi hỏi sức chịu đựng lớn, và “thể lực Thiền” là một yếu tố quan trọng trong lời dạy của sự Trích dẫn các y kinh Trung Quốc, Hakuin dạy cho các môn đệ:

Chìa khóa để nuôi dưỡng đời sống là làm cho thân khỏe mạnh. Bí mật của việc làm cho thân khỏe mạnh nằm trong việc tập trung tinh thần. Khi tinh thần được tập trung, thì khí lực phát triển. Khi khí lực phát triển, thì tiên được hình thành. Khi tiên được hình thành, thân thể trở nên vững vàng. Khi thân vững vàng, tinh thần được toàn hảo... Tiên được, hay là “hơi thở sự sống,” được hình thành và tập trung ở đan điền, một điểm phía dưới rốn chừng 1 tấc Tây. Khi nó phát triển, vùng này trở nên tròn và đóng đưa, một kho chứa khí lực và sức khỏe.

Hakuin theo phương pháp này, và nói rằng sư ở tuổi bảy mươi lại có sinh lực gấp mười lần hồi tuổi ba mươi. Không hề mệt mỏi, có thể ngồi tọa thiền suốt ngày, tụng kinh từ sáng tới tối, và nói hay viết trong nhiều giờ đồng hồ.

(LND. Ghi nhận: Thiền Hakuin không chỉ tọa thiền, mà còn tụng kinh, và làm mọi phận sự khác.)

Dù vậy, nhiều học trò của sư ngã bệnh, một số bị kiểu “Thiền bệnh” một thời từng làm Hakuin thê thảm. Cậu thanh niên Hakuin thấy rõ đã từng bị trầm cảm, và bệnh đó bây giờ sẽ được chẩn đoán là suy sụp tinh thần.

Phương pháp mà Hakuin đưa ra để chữa trị đó được gọi là naikan (nội quán).

Hakuin mô tả naikan trong sách sư viết nhan đề Evening Chat on a Boat (Yasen Kanna; Việt: Nói Chuyện Trong Đêm Trên Thuyền), và rồi sau đó pháp trị liệu naikan đã được áp dụng bởi các nhà tâm lý học ở cả Nhật Bản và Phương Tây. Mặc dù người ta nói Hakuin học pháp naikan từ một nhà ẩn

tu lớn tuổi tên gọi Hakuyu, các cuộc nghiên cứu hiện đại cho thấy rằng sư đã tổng hợp các phương pháp trong cuốn Nói Chuyện Trong Đêm Trên Thuyền từ nhiều nguồn, và từ kinh nghiệm riêng của sư và các cuộc thử nghiệm chữa trị tâm lý.

Để chữa căn bệnh đáng sợ đó, Hakuin cho toa thuốc (bên cạnh phương thuốc tối thượng thừa “nhìn thấy tự tánh và trở thành Phật”) chữa trị như sau:

Hãy tưởng tượng một khối hình như trứng vịt trên đỉnh đầu người; khối này là chất kem ngon nhất, ngọt ngào nhất. Hãy để nó tan chảy dần dần xuống thân thể người, ngấm vào đầy tất cả lỗ chân lông, cuốn trôi đi tất cả bệnh tật đau đớn khi chảy tràn xuống các lòng bàn chân của người. Khi chất kem này xoay vòng trở ngược lên thân thể, các cơ phận nội tạng được thanh lọc, làn da chiếu sáng rực, và sự quân bình của thân và tâm được hồi phục.

Hakuin cũng khuyến khích sử dụng chính “bệnh” làm một công án. “Trước tiên, đem bệnh của người ra trực diện với cái chết và giải quyết nan đề căn bản đó; thứ nhì, hãy dựa vào hơi thở để nuôi dưỡng sinh mạng người; thứ ba, xem xét về cách người sẽ xử thế ra sao nếu người hồi phục và được cho sống thêm thời gian nữa.”

Bên cạnh kỹ thuật giữ gìn sức khỏe tinh thần như thế, Hakuin đưa ra một hệ thống thực dụng về xoa bóp để giữ gìn sức khỏe:

- (#1) Dùng ngón tay cái để xoa các lòng bàn tay.
- (#2) Gài các ngón của hai tay vào nhau và kéo giãn ra.
- (#3) Xoa bóp hai bàn tay vào nhau.
- (#4) Xoa bóp các ngón tay cái.
- (#5) Xoa bóp các đường gân của từng ngón tay.
- (#6) Kéo các ngón tay ra.
- (#7) Giãn hai cánh tay ra và đưa lên cao.
- (#8) Xoa bóp hai má.

- (#9) Xoa bóp lỗ mũi phía bên trái và phải.
- (#10) Xoa bóp trán từ bên này sang bên kia.
- (#11) Xoa bóp dưới lông mày.
- (#12) Xoa bóp hai tai theo hướng xuống dưới.
- (#13) Kéo các tai giãn ra nhẹ nhàng.
- (#14) Đưa nhón trở vào tai và nhẹ nhàng vỗ một lần.
- (#15) Xoa bóp hai bên thái dương.
- (#16) Lấy hai tay ôm đầu và nghiêng đầu tận cùng ra sau.
- (#17) Nghiêng đầu qua trái và phải.
- (#18) Xoắn thân người ra một hướng, và rồi sang hướng kia, ba lần như thế.
- (#19) Chín lần lay toàn thân.
- (#20) Hai tay nắm vào nhau và đưa cao quá đầu, rồi hạ thấp xuống.
- (#21) Xoay các vai.
- (#22) Dùng nắm tay đập nhẹ vào hai đầu gối.
- (#23) Dùng nắm tay đập nhẹ vào phần thân trên cơ thể.

Bất kể sự quan tâm chu đáo như thế về sức khỏe thể lực và tâm lực cho các môn đệ, nhiều vị sư đã từ trần trong khi tu học ở chùa Shoin-ji – gần 70 bia mộ xếp hàng dài sau năm mồ của Hakuin.

Vào thời của Ikkyu, thư pháp và họa pháp đã trở thành phương tiện giảng dạy chính yếu của Thiền Tông. Nhưng chính Hakuin mới là người tận dụng nghệ thuật Thiền Tông như là “các nét cọ của giác ngộ” tới tròn đầy. Như đã nói ở trên, sau khi xem một tác phẩm thư pháp Thiền, cậu thanh niên Hakuin đã đốt sạch các cây cọ của cậu trong khi tự trách: “Cách duy nhất để có nét cọ thâm sâu như thế là phải hoàn thiện tâm mình.” Chỉ tới khi gần 60 tuổi, khi sư đã thành thực thiền định trong đời sống, Hakuin mới bắt đầu vẽ nghiêm túc trở lại.

Mặc dù thấy rõ bẩm sinh tài năng, người ta vẫn chưa rõ Hakuin học các kỹ

thuật dùng cọ như thế từ đâu. Nhiều phần là sư đã học một cách không chính thức với Suio, người họa sĩ xuất sắc, và có lẽ đã được hướng dẫn chút đỉnh từ Ike no Taiga, người từng có khi là học trò của sư và là một trong các họa sĩ lớn của thời đó. Trong ba thập niên cuối đời, Hakuin đã vẽ rất nhiều họa phẩm trong nhiều đề tài, từ các phong cảnh nhiều màu sắc, với nhiều nhân vật và nhiều chủ đề, cho tới vẽ các tấm hía họa thô sơ Bên cạnh các chủ đề Thiền Tông truyền thống được vẽ trong nét bút có cá tính nổi bật, tươi mới đáng ngạc nhiên, Hakuin cũng vẽ với cảm hứng từ các tông phái khác của Phật Giáo, Khổng Giáo, Thần Đạo, Lão Giáo, tôn giáo dân gian, và từ đời sống thường ngày (thường đưa khuôn mặt của chính sư và các Phật tử của sư vào tranh). Thư pháp của sư cũng bao trùm nhiều hơn các lời dạy khó hiểu của Phật và chư Tổ, mang âm vận ru trẻ em, các dân ca được ưa chuộng, thơ khôi hài, và cả các bài ca dân ô từ các xóm kỹ nữ. Các tác phẩm nghệ thuật của Hakuin là “các tấm tranh giải thoát chúng sinh,” như một trong các dấu ấn của sư khắc. Chúng là các bài giảng bằng hình ảnh có sức ảnh hưởng lớn hơn một bài thuyết pháp dài, hay một bài chú giải về một bản văn khó hiểu. Tất cả các môn đệ và Phật tử của Hakuin có thể liên hệ trực tiếp tới nghệ thuật của thầy mình, điều có một ảnh hưởng tức khắc và lâu dài trên người xem.

Trong một nghĩa, thì tác phẩm của Hakuin có tính “vô nghệ thuật,” hết như Thiền Tông là “vô ngôn.” Tác phẩm của sư vẽ không nhằm cho đẹp hay trang trí. Thực sự, Hakuin không bao giờ sửa các sai lầm hay các chỗ sơ sót trong tranh thư pháp của sư, và nếu giấy có bị rơi mực lên hay vết chân mèo bước vào, thì lại càng tốt hơn! Trên những tấm lớn, Hakuin thường làm đường viền trước, nhưng thay vì xóa viền đi, sư lại vẽ chồng lên, tạo ra một loại hiệu ứng ba chiều.

Thư pháp của Hakuin được dân chúng tin tưởng là có năng lực siêu hình, và

các tác phẩm của sư được sưu tầm rộng rãi. Sư viết, “Thay vì treo những tấm hình màu mè trong nhà người, hãy trưng bày các tấm tranh Thiền pháp trong phòng người; hãy gìn giữ truyền thống này với lòng thờ kính và người sẽ được giải thoát khỏi đau khổ.” Tới bây giờ, nhiều tiệm bán cổ vật tại Kyoto có ít nhất một tác phẩm của Hakuin trưng bày trong tiệm nhằm bảo vệ khỏi bị hỏa hoạn. Hakuin đi lại nhiều trong tuổi sáu mươi và bảy mươi, và khi sư tới thăm một nhà riêng, sư vẫn thường để lại một hay hai tác phẩm Thiền này như một đền trả. Nếu nơi sư vào trọ là dinh thự của một tướng quân, Hakuin có thể gọi đem giấy mực tới và vẽ ngay tại chỗ vào liền một tấm màn cuốn hay là cánh cửa giấy.

Hakuin thích vẽ biếm họa các nhà sư nửa mùa. Hakuin thường xuyên chế giễu Yoshida Kenkō (1283—1350), một nhà văn và là tác giả cuốn *Essays in Idleness* (*Tsurezure-gusa*), mô tả vị này như một con khỉ đại khờ tìm cách chụp bóng trăng dưới nước, hay là viết các dòng mở đầu của cuốn sách đó trên một mảnh giấy. Thiền Tông của Yoshida, theo tấm tranh cho thấy, chỉ là giả mạo. Các thiền sư chân thật không sống trong cảnh hưu dưỡng thoải mái, vui chơi lạng qua lại giữa nghệ thuật và tôn giáo. Họ ở trong thế giới thật, thường trực thử nghiệm phẩm chất sự giác ngộ của họ. Đó là lý do vì sao Hakuin vẽ các tấm tranh mô tả Bồ Đại Thiền Sư (Hotei), “vị Phật cười,” như là người chủ tiệm với dòng chữ kẻ bên: “Các chủ tiệm cũng phải nghe tiếng vỗ của một bàn tay, nếu không thì buôn bán sẽ ế ẩm!” Để trưng bày trong nhà họ, những người giàu có thể có một tấm thư pháp lớn mang chữ “Đức” khổng lồ với các dòng chữ khuyên răn kẻ bên: Nếu người trữ tiền cho kẻ kế thừa, chắc chắn chúng sẽ hoang phí; nếu người trữ sách cho chúng, chúng nhiều phần sẽ không đọc một chữ. Hãy lặng lẽ gom góp công đức—một di sản như thế sẽ bền vững lâu dài. Các thương gia đối xử gắt gao với nhân viên sẽ nhận bài giảng thư pháp này

từ Hakuin:

“THƯƠNG CẢM”

Họ cũng là các con của người,

Các nhân viên của người;

Hãy nghĩ về họ.

Như người nghĩ

Về các đứa con yêu thương của người.

Các đệ tử đang tu học gian nan sẽ nhận tấm thư pháp ấm lòng:

“KIÊN TÂM”

Một phẩm cách lớn hơn

Bất kỳ giới luật nào

Hay công đức nào:

Sự kiên tâm làm

Con người vĩ đại.

Hakuin thường xuyên vẽ chữ “Chết” và thêm các dòng chú thích kể bên như:

Thanh niên!

Nếu người không muốn chết,

Thì hãy chết bây giờ; nếu người chết một lần,

Người sẽ không chết lần nữa!

Bất kỳ ai thấy

Xuyên qua sự chết

Đều thành quả Thánh

Không Già, Không Chết.

Cái chết, động lực lớn

Của chư Tổ thời xưa

Và căn bản của kiếp người.

Có khi, Hakuin viết lên một công án như “Cái gì là Tánh của thấy, nghe, học và biết?” và bảo đệ tử treo trong phòng người này và hãy tham cứu về nó buổi sáng và buổi tối, cho tới khi ý nghĩa sáng tỏ. Một công án được sư ưa chuộng vẽ chữ là câu của Nham Đầu “Nếu người tán tâm, người chỉ như thầy ma,” có nghĩa là, nếu tâm người không toàn lực trong việc đang làm, thì hành vi của người là cái chết.

Các ảnh bán thân khổng lồ Bồ Đề Đạt Ma – một vài tấm cao hơn 6 feet (1.83 mét) – là dấu ấn độc đáo của Hakuin. Các tấm vẽ Bồ Đề Đạt Ma, thực sự là chân dung tự họa của sư, thường ký tự với Thiền ngữ kiểu Hakuin: “Thấy Tánh, Thành Phật!” Các câu viết được ưa chuộng khác là: “Mắt ta luôn dòm người [cho nên hãy gấp rút tỉnh ngộ]!” và “Bất cứ người ngó chỗ nào [người không thể thoát mắt nhìn của ta]!” Hakuin cũng có thể vẽ ra các tranh ảnh dịu dàng của Quan âm, cho thấy sư tự đồng hóa với nguyên lý nữ cũng như nam.

Hakuin ngưỡng mộ Ikkyu (sư còn vẽ một tấm tranh, ghi cảnh Ikkyu mang cái đầu lâu quanh phố xá Kyoto trong ngày Tết Nguyên Đán), nhưng nếp sống riêng của sư thì nghiêm túc hơn nhiều, và có vẻ rằng sư chưa bao giờ quan hệ tình dục với phụ nữ trong suốt sự nghiệp Thiền sư của mình. Tuy nhiên, sư dạy cụ thể rằng tình dục, nếu vận dụng chính đáng, là một hình thức giá trị của thiền trong đời sống. Sư đưa ra công án đầy khó khăn “Nhà sư và thiếu nữ” cho tất cả các đệ tử sư, và vẽ nhiều tấm tranh chủ đề sex cho các đệ tử cư sĩ. Một số tranh chỉ là tấm thư pháp một nét duy nhất, tượng trưng mẫu tự ichi, “một,” mang hình dương vật khổng lồ với dòng chữ kẻ bên như “Vạn pháp trở về một, vậy một quy về đâu?” hay “Ngay cả trong trận gió dữ dội nhất, cái này vẫn bất động!” Tấm mang chủ đề sex ưa chuộng của Hakuin là một tấm tranh vẽ bonseki, một cảnh đá xếp thu nhỏ, thực sự chỉ là hình một dương vật cương cứng. Trên các tấm tranh vẽ Núi

Phú Sĩ – một biểu tượng truyền thống về sự kết hợp tình dục – Hakuin viết bài tình ca này: “Ô, nàng Phú Sĩ xinh đẹp ơi, hãy vén tấm màn mây của nàng và cho ta thấy làn da tuyết trắng của nàng.” Và nhân vật nữ trong nhiều tấm tranh của Hakuin là Otafuku, cô gái điểm thô xấu vùng quê mùa hẻo lánh nhưng lại có quả tim vàng, cô tượng trưng cho tình yêu trong sạch và tâm từ thanh tịnh của Quan âm.

Hakuin sống trong tình trạng nửa phần về hưu trong ba năm cuối đời sư, và các tác phẩm sáng tạo trong thời kỳ này mang tính trong sáng, rõ ràng và mãnh liệt dị thường – những hiển lộ sinh động của thị kiến thâm sâu của một Thiền sư chân thật. Học giới Tây Phương và Đông Phương bây giờ ngày càng nhìn nhận rằng họa pháp và thư pháp của Hakuin cũng quan trọng đối với lịch sử văn hóa thế giới cũng như hội họa của Rembrandt. Hàng chục tác phẩm thượng hạng của Hakuin hiện đang nằm trong các bộ sưu tập Hoa Kỳ và Âu Châu, và các cuộc triển lãm các tác phẩm Hakuin đã thu hút, gợi hứng và chỉ dạy cho người xem khắp thế giới. (Hakuin cũng là một điêu khắc gia thành tựu và đã khắc nhiều tác phẩm đẹp, trong đó, như người ta nói, có tượng của chính sư đặt ngồi trong chùa Shoin-ji)

Trong năm cuối đời mình, vị sư già đã tới một ngôi chùa để thuyết pháp. Khi tới nơi, sư đột nhiên ngã khụy xuống, bị cơn gió lạnh buốt đánh gục. Một phụ nữ trung niên mới hỏi xem bà có thể làm gì cho sư, và Hakuin trả lời, “Hãy sưởi ấm ta với thân người.” Cởi áo ra, bà ôm Hakuin, sư bấy giờ nằm ngủ nhiều giờ trong vòng tay bà, toát mồ hôi của cơn bệnh và hồi sức lại. Tuy nhiên, đoạn kết sắp tới, và vào mùa đông năm 1768, một bác sĩ chẩn đoán cho vị sư đang xuống sức. Trong khi ông bắt mạch của Hakuin, bác sĩ nói với nhà sư, “Mọi chuyện có vẻ như tốt cả.” Hakuin mới cầu nhàu, “Có một số bác sĩ. Hẳn không thể thấy là trong ba ngày nữa, ta sẽ ra đi”

Tám thư pháp cuối cùng của Hakuin là bản tuyên ngôn đời sư: một chữ

“Trung” (Anh: midst; Nhật: chu; Việt: ở giữa, ở trong, trong khi, trong lúc...) không lờ, với các chú thích kể bên, “Thiền TRONG hành động thì một tỉ lần ưu thắng hơn là thiền trong tĩnh lặng.” Vào rạng sáng ngày thứ 11 của tháng thứ 12, Hakuin tỉnh dậy từ giấc ngủ bình an, hét lên một tiếng dữ dội, lăn người qua bên phải, và viên tịch.

Sau khi hỏa thiêu, tro của Hakuin – được chia ra cho các chùa Shoin-ji, Ryutaku-ji và Muryo-ji – được nói là có xá lợi màu sáng dịu như san hô và có hương trầm thơm ngát.

(Lời Người Dịch: Sư Hakuin, cũng hết như sư Đại Huệ của Trung Hoa, khi đề cao pháp thiền công án, đã nặng lời chỉ trích Mặc Chiếu Thiền. Hakuin nói là nói cho môn đệ và những vị có cơ duyên, không phải nói cho tất cả. Nên thấy, chúng sinh nhiều căn cơ nên nhà Phật cũng nhiều pháp môn. Mặc Chiếu đã giúp nhiều căn cơ ngộ đạo, và dẫn tới chung hiệu quả như thiền công án, tuy không quyết liệt nhưng lại là cánh cửa lớn đón nhận nhiều người – riêng tại Hoa Kỳ, pháp Mặc Chiếu của Tào Động Nhật Bản được quảng bá rộng hơn các pháp khác, phần lớn vì tính thư giãn và không phân biệt tôn giáo. Nhưng nguy cơ của người không hiểu Mặc Chiếu là có thể ngồi cảm thấy an vui mà cứ tưởng là xong rồi, bấy giờ lấy cái thư giãn cho là tối diệu của Thiền, thì sẽ lạc lối khó thoát. Người tu tốt nhất là nên gieo nhân duyên với tất cả các pháp, đừng phân biệt, vì càng nhiều nhân duyên càng khó đi lạc. Hãy lay Phật, tụng kinh, sám hối... cả vào chỗ chuyên biệt và sùng tín như Mật Tông, Tịnh Độ Tông; và rồi tu Thiền Tông thì nên nhập thất theo đủ các dòng Lâm Tế, Tào Động và nên nhập cả vài thất Thiền Minh Sát của Nam Tông. Sau đó nên đọc thật nhiều kinh luật luận vì đọc, cũng như mọi hành vi khác, cũng là một pháp tu, để mang ơn Phật Pháp Tăng, để biết đối trị các tâm bất thiện, và tự biết làm lợi cho người khác. Câu hỏi nữa, vì sao sư Hakuin lại vẽ nhiều về các cô gái nhà quê hành nghề

bán thân kia Các cô tự thấy bất tịnh, nên không dám bước vào chùa, thì vô lượng kiếp về sau bao giờ mới thoát nổi? Sự tiếp cận các cô là phải, và khi cần thì với lòng thanh tịnh đã bước vào xóm lầu xanh để dạy Thiền.)

John Stevens

BA THIỀN SƯ

Dịch giả Nguyễn Giác

RYOKAN TAIGU

**RYOKAN TAIGU
(1758 – 1831)**

Ryokan ra đời trong năm 1758 (ngày chính xác không rõ), tại ngôi làng hẻo lánh ven biển Izumozaki, thuộc tỉnh Echigo, bây giờ gọi là Quận Niigata. Vùng này, Honshu phương bắc, còn được gọi là “xứ tuyết,” nơi các trận tuyết mùa đông dày ngập tới nỗi buộc cư dân phải rời nhà và vào lại nhà họ bằng tầng [lầu] thứ nhì. Quận cũng khét tiếng về một số trận động đất tẽ hại nhất trong lịch sử Nhật Bản, và nổi tiếng với hòn đảo Sado dễ thương, nơi lưu đầy loạn quân và là nơi có những mỏ vàng được các tướng quân khai thác. Cha của Ryokan, Inan (1738—95), là người được kế thừa cha truyền con nối làm trưởng làng, và là một tu sĩ Thần Đạo. Inan cũng là một nhà thơ mà vài người ghi nhận là có liên hệ xa với trường phái thơ hài cú Bashō. Dưới đây là một bài của ông:

Liên tục cứ biến đổi,

Các đám mây hè lên lười biếng,

Cao trên các ngọn đồi.

Không có mấy thông tin về mẹ của Ryokan, chỉ biết bà ra đời trên đảo Sado,

nhưng từ những gì chúng ta có thể ghi nhận từ thơ của Ryokan thì bà như
dường là một người dịu dàng và yêu thương:

Trong các giấc mơ của tôi
Hình dạng của mẹ hiện ra
Ban sáng và ban đêm,
Trong sương mù xa vắng phủ?
Các bờ của đảo Sado.

Tên thời thơ ấu của Ryokan là Eizo Một cậu bé lặng lẽ, siêng năng, yêu
thích sách, cậu ghi danh ở một trường Không Giáo khoảng năm lên mười, và
nơi đó được nền học vấn căn bản của sách thánh hiền Trung Quốc và Nhật
Bản. Nhiều năm sau, Ryokan thăm nấm mộ của vị thầy đầu tiên là Omori
Shiyo (chết năm 1791), và làm bài thơ cảm động này để tưởng niệm:

Một nấm mộ cũ nằm ẩn dưới chân đồi hoang vắng,
Trần ngập bởi cỏ rậm năm này qua năm kia;
Không còn ai để chăm sóc ngôi mộ,
Và chỉ một bác tiểu phu thỉnh thoảng đi ngang.
Một thời con là học trò của thầy, cậu bé có tóc tua tủa,
Học thâm sâu từ thầy bên Dòng Sông hẹp.
Một sáng, con khởi hành trên chuyến đi cô đơn
Và nhiều năm trôi qua lặng lẽ giữa thầy trò.
Bây giờ con về, thầy đã an nghỉ nơi đây.
Làm sao con tưởng niệm hương linh thầy?
Con rưới chút nước trong lên trên bia mộ thầy
Và dâng thầy một bài kinh im lặng.
Mặt trời đột nhiên lặn sau ngọn đồi,
Và con bị vây bọc bởi gió bạt từ rừng thông.
Con tìm cách tự kéo mình ra nhưng không thể;

Một dòng thác nước mắt ướt đầm các tay áo con.

Dưới hướng dẫn của Shiyo, Ryokan đã có một đam mê cả đời kinh điển Khổng Giáo. Thường thì mẹ cậu gửi cậu ra khỏi nhà để dự vài lễ hội của làng, chỉ để lại thấy sau đó cậu bé ngồi thu mình dưới một trụ đèn đá trong vườn và đọc cuốn Luận Ngữ. (Khi Ryokan lớn hơn, cậu mô tả về vị thầy Trung Hoa [Khổng Tử] không phải như một mẫu mực của tính chính thống và là cái hành thiện ngọt ngào, nhưng như là một người, khiêm tốn và nồng ấm và độc lập, đi tìm sự thật, người đã bị các người đương thời gọi một cách bất công là mơ tưởng thiếu thực dụng!) Khi còn trẻ, Ryokan hầu như vui hưởng các cuộc đi bộ cô đơn dọc theo bờ biển, phía hướng ra Biển Nhật Bản đầy sóng bão, hay là mơ tưởng lặng lẽ dưới một gốc thông già trong vườn nhà. Ngay từ khi còn bé, cậu không bao giờ nói dối hay cãi nhau với các cậu bé khác.

Người cha thất thường và xốc nổi Inan mong muốn chuyển giao nghề trưởng làng cho cậu con trai cả ngay khi nào Ryokan tới tuổi trưởng thành. Không may, với nhiều lý do khác nhau, chàng thanh niên Ryokan 17 tuổi lại không thích hợp với việc đó. Bản chất lương thiện và hoà giải, chàng không ưa tranh chấp dù là kiểu nào; cực kỳ ngây thơ, chàng không thể hiểu được vì sao những người khác lại không nhiệt tình như mình. Sau khi trải qua một khủng hoảng tâm linh, chàng quyết định rời nhà và trở thành một nhà sư. Nhiều giải thích khác nhau đưa ra cho hành vi quyết định này: Ryokan nhận thấy là chàng thiếu cái xảo quyết cần thiết của một lãnh tụ chính trị; chàng chán động bởi cuộc xử tử hình đầm máu một dân làng bị kết trọng tội (người trưởng làng phải làm nhân chứng chính thức trong các buổi xử tử như thế); chàng đột nhiên thấy ánh sáng sau một đợt vui chơi phóng đãng.

Khi còn thanh niên, con một sách Ryokan có vẻ như có thời gian ngắn trở thành một Don Juan – “các dân làng nói về chàng, “Khi thẳng đó làng vắng,

nhớ phải cảnh giác mấy đứa con gái của mình.” Theo một chuyện kể, Ryokan một lần trong một bữa tiệc với cô kỹ nữ chàng ưa thích. Tiệc càng vào đêm, nhưng chàng càng lúc càng sầu muộn. Cô tình nhân tìm mọi cách làm chàng vui, nhưng không gì có thể xua đi nỗi buồn tràn ngập của chàng. Sau khi xài tiết tiền, chàng về nhà trong tuyệt vọng sâu thẳm.

Sáng hôm sau, gia đình thấy chàng có chiếc đầu cạo trọc và quần mình trong bộ áo kimono trắng. Không nói nhiều, chàng tới ngay ngôi chùa gần đó để xin đi tu. Trên đường, chàng tình cờ gặp nàng kỹ nữ, và cô nài nỉ chàng xét lại. Ryokan vẫn im lặng và vẫn kiên quyết hướng mình chọn.

Sự thật, nhiều phần là chính sự kết hợp các yếu tố trên đã dẫn Ryokan vào chùa. Cũng vậy, với nếp văn hóa trưởng thành của chàng – nhiều người khác trong gia đình của chàng cũng đã xuất gia vào chùa – thì không ngạc nhiên gì khi chàng đi tìm niềm vui trong tôn giáo. Chúc trưởng làng mới truyền cho em của Ryokan là Yoshiyuki (1762—1834), người lại trở thành hành chánh trưởng quan tệ hại nhất có thể có, và rồi phung phí hết tài sản của gia đình.

Ryokan làm sa di ở Kosho-ji, ngôi chùa Thiền Tào Động địa phương, trong nhiều năm. Khoảng năm 1780, thiền sư Kokusen (viên tịch 1791) viếng thăm Kosho-ji, và Ryokan, người cảm xúc thâm sâu vì cách sống nghiêm túc và chân thật của vị thầy, mới xin và được phép để chính thức trở thành môn đệ của Kokusen. Sau đó, họ cùng nhau trở về chùa Entsu-ji, ngôi tự viện của Kokusen tại Tamashima (bây giờ là Quận Okayama).

Chùa Entsu-ji chỉ nhỏ thôi, dễ thương, gồm một hồ sen và rừng tre đẹp, nằm trên một ngọn đồi nhìn ra hải cảng Tamashima (Hầu hết các khu nhà từ thời Ryokan bây giờ vẫn còn.) Tamashima là một trung tâm giao thương thịnh vượng, và chùa Entsu-ji đã lớn dậy dưới hướng dẫn của Kokusen, không bao giờ dưới 40 sư đang tu học. Cũng như vị thầy Kaso của Ikkyu, và vị thầy

Shoju của Hakuin, Kokusen là một vị thầy có lối dạy cụ thể, người tuyên bố
kiểu Thiền của mình gồm cả việc “khiêng đá và đổ đất.” Nghĩa là, tu Thiền
phải thực hiện ngay giữa các việc làm hàng ngày trong đời thường.

Một trong những vị trong chúng mà Ryokan ưa thích là Senkei, một vị sư
hiện thân cho giáo pháp của Kokusen.

Sư Senkei, người chân thực của Đạo!

Sư làm việc trong lặng lẽ—không lời dư thừa nào cho sư.

Trong 30 năm, sư trong chúng của thầy Kokusen.

Sư không bao giờ tọa thiền, không bao giờ đọc kinh,

Không bao giờ nói một chữ về đạo Phật—

Chỉ làm việc cho lợi ích của nhất thiết chúng.

Tôi đã thấy sư, nhưng không thực sự thấy sư;

Tôi đã gặp sư, nhưng không thực sự gặp sư.

A ha, sư không ai có thể bắt chước được,

Sư Senkei, người chân thực của Đạo!

Ryokan trong 10 năm sau đó tại chùa Entsu-ji đã tận hiến cho tu tập Thiền,
và học sâu thêm về cổ thư Trung Hoa, kinh Phật, thi ca, và thư pháp. Sau đó
trong đời, Ryokan gọi lại những năm ở Entsu-ji trong các bài thơ sau:

Nơi chùa Entsu-ji ngày xưa đó—

Bao nhiêu lần đông đi xuân tới?

Vượt qua cổng một ngàn ngôi nhà

Nhưng không hề một người quen.

Khi áo bẩn, ta giặt áo;

Khi hết gạo, chúng ta ra phố khát thực.

Ta suy ngẫm về đời các sư siêu quần

Và hiểu được lời các sư ngợi ca cái nghèo bậc thánh.

Nghĩ lại, ta nhớ những ngày ở Entsu-ji

Và cuộc chiến đơn độc truy tầm Đạo.
 Vác củi làm ta nhớ tới Cư Sĩ Ho;
 Khi ta giã gạo, lại nhớ Lục Tổ.
 Ta luôn luôn ở hàng đầu để nghe lời dạy của thầy,
 Và không bao giờ bỏ qua một giờ tọa thiền.
 Ba mươi năm bay vèo qua
 Từ khi ta rời các ngọn đồi lam và biển xanh của nơi yêu thương đó.
 Các bạn đồng môn cũ của ta bây giờ ra sao?
 Và làm sao ta có thể quên từ tâm của thầy kính yêu?
 Nước mắt tuôn xuống không thôi, hòa lẫn với thác nước.
 Cũng có vài giây phút nhẹ nhàng tại Entsu-ji cho Ryokan:
 Những ngày hè dài tại Entsu-ji!
 Nhất thiết đều tươi mới và thanh tịnh.
 Cảm xúc thế tục không bao giờ thấy nơi đây.
 Trong bóng mát, ngồi đọc thơ, vẽ đẹp vây chung quanh,
 Ta chịu đựng hơi nóng bằng cách lắng nghe
 Tiếng bánh xe nước quay làm mát.
 Trên ngọn đồi, sau Entsu-ji, chúng ta vào ẩn trong rừng,
 Thoát khỏi hơi nóng, và uống sake để thư giãn.
 Chúng ta nốc hết hũ rượu và làm vài bài thơ.
 Không bị bỏ quên, chúng ta ngồi hạnh phúc tới khi có chuông gọi vào.
 Trong khi ở tại Entsu-ji, Ryokan say mê các bài viết của Dogen (1200—53;
 Việt: Đạo Nguyên), sơ tổ của Thiền Tào Động tại Nhật Bản. Sư đặc biệt ưa
 thích Dogen với Tứ Đại Công Đức: Từ Thiện, Lời Tử Tế, Việc Tốt và Đồng
 Cảm. Ryokan áp dụng tứ đại công đức này trong cách cụ thể, như chúng ta
 thấy trong chuyện sau. Vào những ngày đó, bọn cướp thường giả trang làm
 các vị sư, và chàng Ryokan trang phục rách rưới đã bị các quan lại đa nghi

bắt giam nhiều lần khi đi khát thực. Gợi nhớ tới chuyện Hakuin và em bé sơ sanh, Ryokan cũng không nói gì biện hộ ngay cả khi bị đe dọa đánh đập. Và lần nào cũng vậy, lời tử tế của sư, phong thái bình an và bất bạo động của sư đã chiến thắng, và sư được thả ra an ổn.

Năm 1790, khi 32 tuổi, Ryokan được bổ nhiệm làm thủ chúng tu viện này, và được trao tặng một inka (chứng nhận giác ngộ). Không giống như các kinh nghiệm ngộ đạo căng thẳng, gần như gay cấn, của Ikkyu và Hakuin, Ryokan hiển nhiên không có bất kỳ bước nhảy quyết liệt đơn độc nào; thay vào đó, sự giác ngộ của sư đơn giản là sự nở hoa tự nhiên phù hợp truyền thống Thiền Tào Động của “chỉ ngồi như Phật thôi” và “tu chứng nhất như”. Lúc đầu khi thọ giới, sư được đặt tên là “Ryokan Taigu” Chữ “Ryo” có nghĩa là “tốt lành, thiện” và “kan” nghĩa là “quảng đại” trong nghĩa rộng lượng và đại bị Còn chữ “Taigu” nghĩa là “Đại Ngu,” chỉ vào tính thơ ngây trẻ dại và thiếu vắng cái giả hình. Kokusen gợi tới các phẩm chất này trong tờ inka trao cho môn đệ hàng đầu của thầy.

Ryo trông ngu ngơ, nhưng đã đi qua Đại Đạo;

Không ngăn ngại, ai có thể hiểu thấu sư?

Ta trao chứng nhận này cùng với một cây gậy làm bằng gỗ trên núi;

Bất cứ nơi đâu lang thang, sư sẽ vẫn giữ được sự bình an thành tựu giữa các bức tường này.

Bản văn này là tài sản trân quý nhất của Ryokan, và sư giữ nó bên mình cho tới cuối đời.

Kokusen viên tịch năm sau đó, và Ryokan rời Entsu-ji để đi chuyến du phương dài, lang thang với mây và trôi với nước. Ryokan như dòng hầu hết là ghé vào các miền quê trong suốt thời kỳ năm năm, ngủ trên các cánh đồng hay ngả lưng trong các căn lều dã chiến, và tránh các trung tâm đô thị và tu viện lớn. Tuy nhiên, sư có tìm Thiền sư Shuryu tại chùa Daitoku-ji, ngôi bản

tự của Ikkyu.

Khi Ryokan tới cổng chùa Daitoku-ji, sư bị đẩy ra lạnh lùng, nghe nói rằng Shuryu bây giờ đang sống hưu dưỡng và không muốn gặp ai. Không nản, Ryokan lên vào trong sân chùa, nhảy qua bức tường khổng lồ, và chờ bên ngoài nơi ẩn tu của sư trụ trì. Rồi Ryokan để một lá thư gửi cho Shuryu, dần cục đá lên, để bên cái chậu nước rửa tay bằng đá, hy vọng sư trụ trì sẽ thấy nó khi ngài bước ra cho khóa công phu sáng sớm. Vài vị sư có bắt gặp Ryokan, nhưng khi họ tới đuổi sư ra thì ngài Shuryu xuất hiện, đọc lời cầu xin chân thành của Ryokan, và nói sư cứ tới thăm bất cứ khi nào sư thích. Ryokan sau đó kể lại cho các bạn rằng sư đã hưởng lợi ích rất nhiều từ cách dạy Thiền kiểu Lâm Tế của Shuryu.

Câu chuyện khác duy nhất mà chúng ta có về cuộc lang thang của Ryokan là lời của Kondo Manjo (chết năm 1848), người gặp sư ở Shikoku ở phía nam. Khi tôi bước vào đầu các năm hai mươi tuổi, tôi du hành tới quận Tosa Vào một đêm, tôi gặp mưa bão lớn, và vì lúc đó khá xa thị trấn, tôi mới trú vào một túp lều nhỏ đơn độc bên đường. Một nhà sư trang phục rách rưới đang ngụ trong đó mời tôi vào, với lời xin lỗi rằng không có gì để ăn, cũng không có giường nằm gì cả. Sau cuộc nói chuyện ban đầu, vị kia không nói gì nữa chỉ trừ ngồi lặng lẽ trong tư thế thiền tọa. Tôi nghĩ rằng vị đó trong đầu có một chút suy yếu.

Tôi ngủ, và sáng hôm sau vị đó chia phần cháo nhỏ với tôi. Những gì duy nhất trong lều là một tượng Phật nhỏ, một bàn nhỏ và hai quyển sách. Cuốn tôi cầm lên là ấn bản đời Đường tác phẩm của Trang Tử; bên trong là bản viết các bài thơ bởi vị ẩn tu này trong nét chữ thảo tuyệt đẹp. Tôi mới nhận ra rằng đây không phải một vị sư bình thường. Tôi mới xin sư đề chữ vào hai chiếc quạt trông tôi mang theo mình. Trên một chiếc, sư vẽ hoa đào nở, và trên chiếc khác sư vẽ Núi Phú Sĩ. Sư ký tên vào chúng là “Ryokan, sinh

quán Echigo” Vị sư từ chối lấy tiền, nhưng vui vẻ nhận lấy một số giấy thư pháp.

Mẹ của Ryokan đã từ trần trong khi sư ở tại chùa Entsu-ji, và cha của sư, vẫn cứ xóc nổi và nóng nảy, rời nhà và tới ngụ Ở Kyoto, nơi một trong những người em trai của Ryokan thành danh là một học giả. Nơi đó, vào năm 1795, ông Inan đã kết thúc cuộc đời rắc rối của ông bằng cách tự trầm trong Sông Katsurạ Đau buồn trước tin về cái chết bi thảm của cha, Ryokan đi tới Kyoto để làm lễ cầu siêu cho cha, và rồi đi hành hương tới ngọn núi linh thiêng Koya để cầu nguyện cho hương linh của cả cha mẹ được an lành. Tại Kyoto, Ryokan nhận được bản viết các bài thơ cuối cùng của cha và rồi viết:

Các tờ chép thơ

Của cha ta trở thành

Nhòa đi với nước mắt ta

Như ta gọi nhớ

Những thời bên nhau xưa thật xưa.

Với cương vị người nối pháp của Kokusen, một trong những vị Thiền sư Tào Động lớn nhất lúc đó, Ryokan có thể dễ dàng giữ chức trụ trì một chùa lớn, nhưng những năm tự nguyện sống khó nghèo và tự do trên các cánh đồng đã làm cho sư không thích bị ràng buộc với gánh nặng ngôi chùa. Thêm nữa, có sự kình chống nhau kịch liệt giữa các phe chùa Eihei-ji và chùa Soji-ji của Thiền Tào Động, và với tư cách trụ trì Ryokan sẽ phải bị lôi kéo vào tranh chấp.

Không kế hoạch cụ thể nào trong đầu, Ryokan năm 40 tuổi về lại nơi mình ra đời, dọc đường vui với những nơi có cảnh đẹp và các nơi linh thiêng của Nhật Bản. Khi Ryokan cuối cùng về tới Echigo, sư ghi lại trong hai bài thơ sau:

Ta đã về lại ngôi làng cũ, và
Ngã bệnh, ta nghỉ nơi một lữ quán địa phương.
Ta lắng nghe tiếng mưa—
Một y, một bát là những gì ta có.
Mạnh hơn một chút, ta nhắc tắm thân yếu này,
Dậy thấp hương, và ngồi thiền tọa;
Cả đêm, mưa rơi buồn bã
Như ta mơ về chuyến hành hương dài của các năm qua.
Từ xưa rồi, ta bỏ thế gian để tìm chân sư,
Về lại ngôi làng xưa sau hai mươi năm,
Tài sản duy nhất chỉ một y, một bát.
Ta hỏi về các bạn cũ—
Hầu hết đã trở thành tên khắc trên bia mộ phủ rêu.
Một hôm, một vị sư sương gió tả tôi bước tới Gomoto, một ngôi làng
khoảng 10 dặm phía bắc Izumozaki Sư được phép vào cư ngụ Ở một túp lều
đổ nát và chẳng bao lâu đã trở thành hình ảnh thường thấy quanh thị trấn.
Khi sư nhận lãnh nhiều lương thực hơn mức cần trong một ngày, sư đem
chia bớt cho chim chóc và thú vật. Dân địa phương nhanh chóng cảm phục
sư và bắt đầu cúng dường sư y áo và lương thực, nhưng vị sư vẫn chia
những gì nhận lãnh cho những người ăn mày tệ hại hơn sự Nhiều dân làng
thấy sư mang máng quen thuộc, nên một người mới tới thăm sự Túp lều thì
trông tròn, chỉ trừ vài bài thơ nét chữ tuyệt đẹp treo trên vách. Người này
mới tìm cách thông báo cho gia đình của Ryokan rằng người anh cả đi từ lâu
rồi bây giờ đã về lại quê nhà. Tuy nhiên, Ryokan từ chối về lại nơi sinh, và
gửi lại hầu hết phẩm vật mà gia đình sư gửi tới.
Ryokan sống trong nhiều nơi ẩn cư gần đó, trước khi cuối cùng về ngụ tại
am viện Gogo-an, một tự viện được xây kiên cố nhưng cô lập trong một khu

rừng đầy đặc các cây tùng và thông già phía sau chùa Kokujo-ji trên Núi Kugami Tên của nơi ẩn tu này có nghĩa “năm chén,” tức là số lượng gạo nhận mỗi ngày bởi vị trụ trì Chân Ngôn Tông của chùa Kokujo-ji, người đã ra lệnh xây am Gogo-an để ngài lui về hưu dưỡng.

Ryokan sống tại Gogo-an từ năm 1797 tới 1802, và từ 1804 tới 1816. (Giữa các năm 1802 và 1804, một vị trụ trì về hưu của chùa Kokujo-ji đã dùng nơi cư trú đó, và trong thời kỳ này Ryokan cư trú tại các ngôi chùa Chân Ngôn Tông khác trong vùng.) Ryokan tự sống như người ẩn tu, nhưng không phải kiểu tự ly cách hoàn toàn với con người. Ryokan hy vọng học theo Đức Phật, người đã có thể qua lại tự tại giữa các cõi thánh và cõi phàm:

Đây là Con Đường mà Ngài đã đi để giải thoát thế giới;

Đây là Con Đường mà Ngài đã đi để về lại thế giới.

Cũng thế, con tới và đi theo Thánh Đạo

Bắc cầu ngang bờ Sinh và Tử, và vượt qua mê vọng.

Là một ẩn tu, Ryokan ngồi trên thiền sàng và sống nhiều phần hết như các vị tổ sư Thiền xa xưa, tìm giác ngộ sâu trong các rặng núi:

Trong vắng lặng, bên cửa sổ trống

Ta ngồi thiền tọa, mặc phẩm phục trang nghiêm,

Rún và mũi thẳng đường,

Tai song song với vai

Aùnh trăng ngập cả phòng;

Mưa đã ngưng, nhưng mái hiên còn nhỏ giọt.

Toàn hảo giây phút này—

Trong tánh không vô tận, hiểu biết ta thăm sâu.

Vào đêm, sâu trong núi,

Ta ngồi trong thiền tọa

Chuyện nhân gian không bao giờ tới đây;

Tất cả đều vắng lặng và rỗng rang,
Nhang đã tàn trong đêm vô tận.
Aùo ta đã đắm sương.
Không ngủ được, ta bước vào rừng—
Đột nhiên, trên đỉnh cao, trăng tròn hiện.
Đời ta nghèo
Nhưng tâm ta sáng to?
Khi ta qua
Ngày lại ngày
Trong lều cỏ này.
Như dòng suối nhỏ?
Len lỏi qua
Các vách núi rêu,
Ta cũng lặng lẽ
Trở thành sáng tỏ và trong treo.
Khi các niệm
Đã vắng cả rồi
Ta lẩn vào rừng [pháp]
Và gom nhặt
Một xấp tiền của mục đồng.
Rách rưới và tả tơi, rách rưới và tả tơi
Rách rưới và tả tơi là đời này.
Lương thực? Rau cỏ dại bên đường.
Những bụi cây mọc quanh lều ta.
Trăng và ta thường ngồi chung cả đêm,
Và hơn một lần, ta đi lạc giữa rừng hoa dại,
Quên lối về nhà.

Không ngạc nhiên gì, ta rời khỏi chúng:
Làm sao một ông sư khùng như thế sống trong chùa?
Sống sâu trong núi, tất cả thiên nhiên trở thành bạn của Ryokan:
Nếu nơi người ẩn tu
Nằm sâu trong rặng núi
Chắc chắn là mặt trăng,
Hoa và lá đỏ thắm
Sẽ trở thành bạn người.
Hoa mẫu đơn đại
Đã hoàn mãn
Nở ra tròn đầy:
Quá trân quý để hái về,
Quá trân quý để không hái về.

“Phong Lan”

Sâu trong thung lũng, một vẻ đẹp ẩn mình:
Thanh tĩnh, vô song, ngọt ngào vô lượng.
Trong bóng mát im vắng của bụi tre
Như tiếng thở dài nhẹ cho tình nhân.
Cây và hoa
Ta trồng quanh lều
Bay giờ ta giao lại
Cho ý muốn
Của ngọn gió.

Một ngày xuân, Ryokan ghi nhận thấy ba chồi tre mọc dưới hàng hiên. Tre lớn dậy nhanh chóng, và rồi tre mọc thúc vào sàn. Ryokan lo ngại, vì sư không muốn thấy bất cứ gì chịu đau, ngay cả cây cỏ. Sư quyết định khoét một lỗ hờ nơi sàn và đốt cho thủng một lỗ trên mái tranh đang che mái hiên,

để cho tre mọc không cản ngại, nhưng khi Ryokan đưa ngọn nến tới phần mái đó, toàn bộ mái hiên bắt lửa và cháy rụi. Ryokan làm một tang lễ cho cây tre bị thiêu rụi, và rồi dựng một hàng hiên không mái với mặt sàn là các tấm gỗ kéo qua lại, để sẽ cho các chồi tre mọc xuyên qua.

Mặc dù Ryokan rời bỏ thế gian, nhưng sư không ghét bỏ nó:

Không phải là

Ta không muốn

Hòa hợp với người khác

Nhưng sống đơn độc trong tự do

Là Con Đường tốt hơn cho ta.

Khi ta nghĩ

Về khổ đau

Của chúng sinh cõi này,

Nỗi buồn của họ.

Trở thành của ta.

Ô, tấm áo thầy chùa của ta

Đủ lớn rộng

Để bao lại hết tất cả?

Những người đau khổ?

Trong trần gian trôi nổi này.

Theo “Mười Tranh Chấn Trâu,” cao điểm của tu Thiền là “trở về xóm chợ

với hai bàn tay trao cho người những niềm an lạc,” và Ryokan, hết như

Ikkyu và Hakuin trước sư, đã về hòa lẫn với đủ mọi hạng người – các lãnh

chúa, ăn mày, nông dân, thương gia, người bán cá, chủ quán trọ, kỹ nữ, trẻ

em, người bị ruồng bỏ—mà không mang tâm hạ mình hay ngăn ngại.

Ryokan là một trong vài nhà sư Nhật Bản sống toàn bộ nhờ khát thực. Trong

khi Ikkyu và Hakuin cũng có lúc đi khát thực, nhưng hầu hết trong đời hai vị

này—cũng như gần như tất cả tăng sĩ [Nhật], quá khứ và hiện tại—hoặc là dựa vào các thí chủ giàu có hay là một nhóm Phật Tử thường xuyên cúng dường. Tuy nhiên, Ryokan đã ca ngợi việc khát thực như là “huyết mạch của đời sống tự viện,” một pháp tu linh thiêng do chính Đức Phật thiết lập, và sư đã trung thành theo luật sống khó nghèo trong suốt đời mình.

Mây đã tan,

Bầu trời trong trẻo—

Đi xin ăn

Với tâm thanh tịnh

Là ơn phước từ trời.

Ryokan một lần viết, “Thực phẩm nên được đón nhận như các con ong hút mật từ hoa; người ta nên khát thực một cách khiêm tốn như ánh trăng chiếu sáng cánh đồng.”

Trong một bài thơ, Ryokan viết, “Ta sẽ ghé mọi nhà, ngay cả nhà kẻ bán rượu và dân bán cá, y hệt như Hoàng Tử Cửa Những Người Khát Thực [Đức Phật].”

Ryokan cũng trích dẫn từ một kinh trong đó một vị sư bị khiển trách vì không chịu ghé xin ăn ở một số nhà nào đó, “Trên đường khát thực, tất cả mọi người phải được đối xử bình đẳng.”

Do vậy, Ryokan sẽ dừng chân, không do dự, để xin ăn trước nhà của các cô bán dâm. Có lúc, khi các cô không bận rộn, các cô bước ra và chơi môn thể thao bắn bi với Ryokan. Khi Yoshiyuki nghe về phong cách kỳ quái của anh mình, ông mới giễu sư Ryokan bằng bài thơ sau:

Oâng sư áo đen

Chơi thể thao với

Các cô gái giang hồ—

Cái gì bên trong

Tâm của sư này?
Ryokan trả lời bằng thơ:
Thẻ thao và thẻ thao,
Khi ta đi xuyên qua cõi trôi nổi này.
Tìm thấy mình nơi đây,
Không phải tốt sao
Khi xua tan ác mộng của người khác?
Yoshiyuki vẫn chưa hài lòng:
Thẻ thao và thẻ thao
Trong khi đi qua cõi này
Có lẽ là tốt,
Nhưng sao sư không nghĩ
Về cõi sắp tới?
Kết luận của Ryokan là:
Chính trong cõi này,
Với tám thân này
Mà ta thẻ thao.
Không cần nghĩ ngợi
Về cõi sắp tới.

Một lần, Ryokan du hành với một vị sư trẻ. Tại một tiệm trà, họ được cúng dường thức ăn trong đó có lẫn cá. Vị sư trẻ không động tới con cá, theo đúng truyền thống Phật Giáo chính thống, nhưng Ryokan ăn sạch không nghĩ ngợi.

Vị sư mới nói với Ryokan, “Thức ăn đó có cá, thầy biết.”

Ryokan đáp với nụ cười, “Đúng vậy, nó ngon tuyệt.”

Đêm đó, một nông dân đón họ vào trú ngụ, và sáng hôm sau vị sư trẻ mới than phiền, “Chí rận cắn như khủng điên, và con thức suốt đêm. Nhưng sao

thầy ngủ ngon như con nít. Sao vậy?”

“Ta ăn cá khi được cúng dường, nhưng ta cũng để chí rận và muỗi mòng ăn tiệt trên thân ta. Không gì làm phiền ta cả,” Ryokan trả lời như thế. (Ryokan ngủ trong mùng, không phải để ngăn muỗi, nhưng là để bảo vệ chúng—sư sợ sư có thể vô ý giết chúng trong khi đang ngủ. Tuy nhiên, sư thò một chân ra ngoài mùng để cho muỗi không phải đói.)

Y hệt như Phật, Ryokan với lòng biết ơn đón nhận bất cứ gì đặt vào bình bát khát thực của sư:

Vì lợi ích cho chúng ta

Các con sò trai và cá

Tự hiến thân mình

Không hề ích kỷ?

Để làm thức ăn.

Ryokan viết các bài thơ sau về công đức khát thực:

Mùa xuân—chậm rãi tiếng chuông an bình

Từ cây trượng xin ăn của ta vang về làng.

Trong các vườn, các cây liễu xanh;

Hoa lá nổi thanh tĩnh trên hồ.

Bát của ta thơm hương gạo ngàn nhà;

Tâm của ta đã rời mọi danh vọng phú quý.

Lặng lẽ giữ gìn hoài ức về các vị cổ Phật,

Ta đi bộ tới làng thêm một ngày xin ăn.

Sau cả ngày khát thực trong làng

Ta ngồi an bình dưới một mỏm đá trong đêm mát.

Đơn độc, với một y, một bát—

Đòi một sư Thiền thực sự tự do nhất!

Theo Phật Giáo truyền thống, các thí chủ nên biết ơn vì chính họ đang thu

góp công đức khi cúng dường thức ăn cho một vị sư, nhưng Ryokan luôn luôn nhớ một câu được nhắc trong Thiền Tông: “Hãy nhớ tới công khó của nông dân khi gieo trồng gặt hái thức ăn này.” Thay vì nhìn thẳng về phía trước trong im lặng và đón nhận thức ăn mà không ghi nhận gì, như luật đòi hỏi, Ryokan lại nâng bát lên một cách tôn kính với trọn tấm lòng biết ơn, mỗi lần sư được cúng dường. Ryokan chấp tay vái chào và xin ơn Phật gia hộ bất cứ khi nào sư đi ngang qua các nông dân đang làm việc trên đồng ruộng, và sư để ra nhiều giờ trong lều ẩn tu để tụng kinh hồi hướng cho họ.

Mùa xuân mưa phùn,

Mùa hè mưa rào,

Mùa thu khô.

Xin nguyện cho thời tiết an lành

Và chúng ta đều được thịnh vượng.

Nếu mùa màng trúng đặc biệt, có khi Ryokan cũng tự mình lấy, khỏi chờ cúng. Một lần sư treo bài thơ này trên một cây trong vườn của một nông dân địa phương.

Xin đừng nhăm ta

Với một con chim

Khi ta bước

Vào vườn của người

Để ăn các quả táo dại.

Đôi khi phẩm vật cúng dường tới bất ngờ:

Sau khi gom củi từ trong núi

Ta về lại căn lều

Và thấy các quả mận đã ngâm dấm và khoai

Đề dưới cửa sổ bởi một vị khách.

Các quả mận được gói giấy,

Khoai để trong củ xanh,
Và một mẫu giấy ghi tên thí chủ.
Sâu trong núi, thức ăn thì vô vị—
Hầu hết là củ cải và quả xanh—
Nên ta mau chóng nấu sôi chúng lên với tàu hủ và muối.
Làm đầy bao tử vẫn thường trống trơn của mình
Với ba chén đầy.
Nếu bạn ta đã để lại chút rượu sake
Thì đã trở thành bữa tiệc thực sự.
Ta thưởng thức một phần năm món quà và cát của dư;
Vỗ bụng đầy, ta trở lại việc thường ngày.
Trong 6 ngày nữa sẽ là lễ Phật Thành Đạo
Và ta không biết lấy gì cúng dường,
Nhưng bây giờ ra giàu rồi—
Phật sẽ ăn tiệc với mận và cháo khoai ngon tuyệt.
Ryokan nổi tiếng vì không phí chút thức ăn nào. Nếu có gì còn dư, sư lại cất vào một nồi đất sành. Một cách tự nhiên, các thức ăn này dần dà lên men và hư đi, đầy các con giòi. Một vị khách một lần thấy Ryokan ăn từ nồi này.
Vị khách la lên, “Đừng ăn thế. Nó hư rồi và có sâu trong đó.”
Ryokan mới trấn an khách, “Không sao, được mà. Ta đã gạt giòi ra ngoài rồi mới ăn, bây giờ thì ngon lắm!”
Ryokan thường chia sẻ thức ăn với chim, và với chó mèo lạc. Bên cạnh những lúc dư thừa, dù vậy, vẫn có lúc gian nan:
Trên trời xanh, một con ngỗng mùa đông kêu lên;
Núi trần trụi, chỉ trừ lá rơi.
Hoàng hôn—trở về dọc con đường lạnh,
Đơn độc, mang một bát cơm trống.

Không xin ăn
Một lần nữa hôm nay
Trong làng.
Tuyết rơi
Và rơi.
Hôm nay không may trong chuyến khát thực;
Ta tự lê thân từ làng này sang làng kia.
Tới hoàng hôn, thấy mình trong núi, cách lều nhiều dặm.
Gió thốc vào thân gầy của ta
Và bình bát nhỏ trông tội nghiệp—
Nhưng đây là đường ta chọn và đã dẫn ta
Xuyên qua thất vọng và đau đớn, lạnh và đói.
Mặc dù Ryokan dựa hoàn toàn vào khát thực, sư thường ngây ngất bởi vẻ
đẹp của các mùa trong khi đi bát.
Ta đi nơi đó
Để xin cơm,
Nhưng bụi cỏ ba lá nở bông
Giữa các đá tảng
Làm ta quên cả lý do đi.
Ryokan rất ưa thích cái bình bát nhỏ và thô nhám của mình, nguyên là vật
cúng dường từ một gia đình mà họ từng dùng làm nồi nấu ăn.
Trong bát khát thức nhỏ của ta
Hoa tím và hoa vàng
Lẫn vào nhau
Làm vật cúng dường lên
Chư Phật của Ba Cõi.
Nhặt hoa tím

Bên đường, ta vô tâm
Để quên bình bát nhỏ lại—
Ô tội nghiệp chiếc bát nhỏ!
Ta đã quên
Bát khát thực nhỏ lần nữa—
Không ai sẽ nhặt ngươì,
Chắc chắn không ai sẽ nhặt ngươì,
Chiếc bát nhỏ và buồn của ta!

Trên đường khát thực, Ryokan thường ngừng chân để giúp các gia đình việc bếp núc—rửa rau, chẻ củi, nhóm lửa. Nếu không có việc cụ thể nào để làm, sư ngồi lặng lẽ thiền tọa trong góc nhà. Sư cũng là một thầy lang dân gian xuất sắc, và chữa trị người bệnh trong gia đình thí chủ bằng xoa bóp, ngải cứu và thuốc dược thảo. Tuy nhiên, khi gia đình mời sư tới thăm họ ngày kế tiếp, sư luôn trả lời, “Rất tiếc, không hứa được. Chúng ta không bao giờ biết ngày mai ra sao.”

Ryokan thích ngừng chân và chơi kusa-awase (trò chơi kéo dây, bằng các dây cỏ bện vào nhau) với các cậu trai làng, và chơi temari (thả banh vải) với trẻ gái làng.

Một lần nữa, trẻ con và ta giao chiến bằng dây cỏ xuân

Bây giờ tiến, bây giờ lui, mỗi lần thêm tinh luyện.

Hoàng hôn—mọi người về nhà;

Mặt trăng sáng, tròn giúp ta chịu đựng nỗi cô đơn.

Những ngày đầu xuân, trời xanh, mặt trời sáng.

Tất cả đều đang dần dà tươi xanh.

Mang bình bát, ta đi chậm vào làng.

Ngạc nhiên thấy ta, trẻ em

Vui mừng vây quanh, mang

Chuyến khát thực của ta tới một cổng chùa.
Ta đặt bát trên một tảng đá trắng và
Treo túi lên cành cây.
Nơi đây chúng ta chơi với cỏ dại và ném banh.
Mỗi lần ta chụp banh, trong khi trẻ em hát;
Rồi đây là phiên của ta.
Chơi thế này, nơi đó và đây, ta quên thời gian.
Người qua đường chỉ và cười ta, hỏi,
“Sao lại ngốc nghếch thế?”
Ta không đáp, chỉ cúi chào sâu;
Ngay cả nếu ta đáp, họ sẽ không hiểu.
Hãy nhìn quanh, không có gì khác đâu!
Ryokan được gọi là “Vị Thầy Môn Chơi Temari” trong tỉnh, và luôn luôn
giữ hai hay ba quả banh vải trong tay áo, sẵn sàng kéo ra ngay khi trẻ em
xuất hiện:
Chúng ta ném quả banh nhỏ tới và lui.
Ta không muốn khoe tài nhưng...
Nếu ai hỏi bí mật tài này, ta sẽ nói,
Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy!
Chơi banh temari
Với trẻ em làng
Ngày xuân
Am áp, và sương mù—
Không ai muốn ngưng.
Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có Nhất Thừa.
Khi thấy rõ xong, sẽ không còn dị biệt trong các giáo pháp.

Có gì để mất? Có gì để được?
Nếu chúng ta được gì, thì nó đã ở đó ngay bước đầu;
Nếu chúng ta mất gì, thì nó chỉ bị giấu gần bên.
Hãy nhìn quả banh vải trong tay áo ta—
Chắc chắn, nó là bảo vật của giấc ngộ!
Ryokan thương yêu trẻ em và đã viết nhiều bài thơ về các bạn nhỏ này.
Trẻ em!
Chúng ta sẽ đi
Tới Iyahikp
Để xem ngọn đồi
Đầy hoa tím nở?
Tay trong tay
Trẻ em và ta
Hái rau mùa xuân.
Có gì mà
Tuyệt diệu hơn?
Mới bắt đầu tháng chín
Khi chúng ta đi tới Gò Đuôi Thông (Pine Tail Ridge).
Con ngỗng cô đơn bay trên đầu,
Hoa cúc đã nở trồn.
Trẻ và ta đã tới rừng thông này.
Chúng ta chỉ đi bộ khoảng ngắn,
Nhưng thế giới hàng trăm dặm cách xa rồi.
Khi ta nhìn
Trẻ chơi đùa hạnh phúc
Mà không nhận ra thế
Mặt ta

Đầy nước mắt.
Mùa xuân tới rồi,
Cây mọc xanh tươi lại,
Và những lá mùa thu trước đã đi xa.
Ta phải vội vã
Tìm gặp bọn trẻ!

Một lần, Ryokan đang chơi trốn tìm với trẻ con, và sư chạy nấp trong một chái nhà gần đó. Trẻ con biết chỗ sư nấp và quyết định giỡn sư—chúng bỏ chạy mất mà không cho sư biết trò chơi xong rồi. Sáng hôm sau, một phụ nữ nông dân tới chái nhà này và kinh hoàng thấy Ryokan ẩn mình trong góc. Bà hỏi, “Thầy làm gì ở đây vậy, thầy Ryokan?” Sư mới thì thầm, “Suýt, xin im lặng giùm. Nếu không thì bọn trẻ sẽ kiếm ra tạ”

Ryokan là chuyên gia về giả chết. Sư ngả sắp người và để trẻ em chôn sư bằng cỏ và lá. Một lần, bọn trẻ thấy là sư ngưng thở. Bọn trẻ khóc rống lên, “Ồ, đừng. Thầy Ryokan lần này chết thật rồi!” Đột nhiên, Ryokan chồm dậy với một tiếng hét, hù bọn trẻ. Nhiều năm dài tọa thiền và kiểm soát hơi thở đã tập cho Ryokan nín thở và giữ không nhúc nhích trong nhiều phút.

Một lần khác, Ryokan đang đi bộ gần làng thì nghe có tiếng la nhỏ, “Cứu con với! Xin cứu con, làm ơn!” Một cậu bé bị kẹt trên mấy cành cao nhất của một cây hồng vàng. Ryokan giúp cho cậu nhỏ xuống, và nói là sư sẽ hái vài trái cho cậu bé. Ryokan trèo lên cây và hái một trong các quả hồng vàng. Sư quyết định nếm thử trước, bởi vì quả hồng vàng chưa chín thì làm tê lưỡi, và sư không muốn làm cậu bé thất vọng. Ryokan thấy quả hồng vàng này rất ngọt, nên sư hái thêm quả nữa, và rồi cũng ngọt nữa. Quả này sau quả kia, sư ăn liên tục, la lên, “Ô, ngọt quá!” Sư đã hoàn toàn quên bằng cậu bé đói khát đang chờ bên dưới, cho tới khi cậu la lên, “Thầy Ryokan ơi! Cho con vài quả với!” Sư Ryokan mới sực nhớ, cười to và chuyền các quả hồng vàng cho

cậu nhỏ.

Ryokan đã viết bài thơ tưởng niệm sau cho tất cả trẻ em chết trong một trận dịch đậu mùa:

Khi mùa xuân tới

Từ đầu các cành

Hoa sẽ nở,

Nhưng các lá đỏ của năm ngoái

Những chiếc lá nhỏ,

Sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Ryokan cũng vui thú nhấp rượu sake—thứ “nước nóng của trí tuệ siêu việt” và thuốc “tốt nhất trong mọi phương thuốc”—với dân làng trong những khi nông dân rảnh rỗi:

Đi bộ dọc bên sông nước trong,

Ta đến một nhà nông.

Hơi đêm lạnh đã lui, để chỗ cho hơi ấm mặt trời.

Đàn chim sẻ vào một vườn tre,

Tiếng ríu rít nơi đây và kia.

Ta gặp một cụ nông dân từ ruộng về;

Oâng chào ta như bạn lâu ngày gặp.

Trong nhà, vợ nông dân này hâm nóng rượu sake

Trong khi chúng ta ăn rau mới hái và hàn huyên.

Cùng nhau, say mềm người, chúng ta không còn biết

Ý nghĩa của điều không vui.

Giữa mùa hè—

Ta chống gậy đi.

Các nông phu già thấy ta

Và gọi ta vào uống chút.

Chúng ta ngồi trong cánh đồng
Lấy lá làm đĩa.
Say vui vẻ và hạnh phúc như thế,
Ta trôi dạt bình an
Năm dài người ra trên bờ ruộng.
Uống rượu sake ngọt ngào
Với các nông dân
Trong khi lông mày chúng ta
Đổi màu trắng
Vì tuyết vương.
Ngày mai?
Ngày sau đó?
Ai biết?
Chúng ta say
Hôm nay mà!

Đôi khi Ryokan ghé thăm các bạn già. Các bạn này kể về sư như sau:
Khi Ryokan ghé thăm, cứ hết như mùa xuân tới trong một ngày mùa đông u ám. Nhân cách sư thanh tịnh, và sư không hề có tính mưu mẹo và hai lòng. Cao và gầy, Ryokan trông giống như một vị tiên mà vẫn chương cổ và tôn giáo nói tới. Sư không có chút xíu khoa trương nào, và sư toát ra hơi ấm và từ bị Sư không bao giờ giận dữ, và cũng không chịu nghe chuyện chỉ trích người khác. Giọng nói của sư luôn luôn trong trẻo và sáng ngời. Khi sư vào ngồi trong một căn nhà nào, mọi rắc rối trong gia đình đó như đường biển mất, và ngôi nhà sẽ vẫn giữ được nhiều ngày an bình sau chuyến viếng thăm đó. Chỉ đơn giản gặp sư thôi, mọi người cũng thấy mình tốt đẹp ra.
Trong khi nhiều vị sư thuyết giảng nhiều giờ về sự thâm diệu của kinh điển, hay là làm các buổi lễ phức tạp (và tốn kém), Ryokan chỉ đơn giản lang

thang trong bộ y tả tôi, luôn luôn mỉm cười và cúi chào mọi người, một bài thuyết giảng sống không khác gì Thánh Francis of Assisi, “Gã Khờ của Thiên Chúa.” Vị thánh bảo hộ cho Ryokan là Jofukyo, “Thường Bất Khinh Bò Tát.”

Buổi sáng, cúi lạy tất cả;

Buổi tối, cúi lạy tất cả.

Tôn kính mọi người là nhiệm vụ duy nhất của ta—

Nam Mô Thường Bất Khinh Bò Tát

Trong khắp đất trời, ngài đứng đơn độc.

Một vị sư chân thực

Cần

Chỉ một thứ—

Một tâm hết như

Thường Bất Khinh Bò Tát.

Ryokan dịu dàng quở trách các sư bạn vì quá chú trọng tới chi tiết và phân chia tông phái, chữ nghĩa và khái niệm:

Khi ta thấy các sư uyên bác giảng kinh,

Lời hùng biện của họ trôi chảy thành vòng tròn;

Ngũ Thời Phán Giáo và Bát Thuyết—

Những lý thuyết đẹp, nhưng ai cần chúng?

Người sành chữ thì nhét đầy đầu,

Nhưng hãy hỏi họ các chuyện quan trọng thật

Và bạn chỉ nghe các lời trống rỗng.

Đức Phật có vô lượng pháp môn,

Mỗi pháp hiển lộ sự thật thanh tịnh nhất

Hệt như mỗi làn gió mát và mỗi giọt mưa

Làm tươi mát cánh rừng.

Không kinh nào mà không đưa tới giải thoát.

Hãy nắm yếu nghĩa của mỗi tông phái,

Và ngưng xếp hạng Phật pháp.

Không gì làm ta

Hạnh phúc hơn

Là lời nguyện Phật A Di Đà

Để cứu

Tất cả chúng sinh.

Trong một làng, có một người chèo đò chuyên gậy rắc rối. Người này bực bội vì cứ nghe mọi người ca ngợi sư Ryokan, và khi sư Ryokan lên ghe người này để qua sông, người này mới lắc thuyền dữ dội, và Ryokan té xuống sông. Ryokan gần như chết đuối, cho tới khi người chèo đò kéo sư lên. Không biết là người lái đò cố ý làm sư té sông, Ryokan cảm ơn người đó vô kể. Người chèo đò không mong đợi sự đáp ứng đó, và bắt đầu ân hận về chuyện này và về tất cả việc xấu đã làm. Ông đưa Ryokan lên bờ, và sư một lần nữa bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Sau đó, khi Ryokan quay lại cho chuyến trở về, người lái đò mới thú tội và xin sư Ryokan tha lỗi. Ryokan chỉ mỉm cười và nói người này đừng lo lắng gì nữa. Họ cùng chia nhau một hũ rượu sake và người lái đò sau đó sống an lành tử tế.

Một lần khác, một nhà sư say rượu bỗng nhiên lên cơn và tấn công Ryokan. Sư Ryokan chỉ lặng lẽ chịu đựng những cú đánh của nhà sư kia, cho tới khi hung thủ bị dân làng trấn áp. Đêm đó, một trận bão xô tới, nhưng Ryokan, lúc đó đang ngụ tại nhà một người bạn, đột nhiên bước ra ngoài. Lo ngại cho sự an toàn của Ryokan, người bạn mới ra theo sư, thì thấy Ryokan lấy một chiếc áo mưa bằng rom che cho nhà sư khùng kia, người đang ngủ mê man trong một cánh đồng.

Một lần, một thân nhân của Ryokan yêu cầu sư nói chuyện với cậu con trai

hư hỏng của người này. Ryokan tới thăm gia đình này, nhưng không nói một lời khiển trách nào với cậu kia. Sư ở lại qua đêm, và sửa soạn rời vào sáng hôm sau. Khi cậu con trai hư hỏng kia giúp buộc đôi dép rơm của Ryokan, cậu cảm thấy có một giọt nước ẩm trên vai mình. Ngẩng lên, cậu thấy Ryokan đang nhìn xuống cậu, mắt sư đầy nước mắt. Ryokan quay trở lại am viện Gogo-an, và cậu thanh niên kia từ đó về sau hoàn toàn tu tỉnh.

Ryokan không bao giờ tìm kiếm đệ tử, nhưng sư có một người bạn, Saichi, người cùng họ với sư. Khi Saichi chết, Ryokan cảm xúc đau đớn:

Ah... người cư sĩ Thiền sinh của ta.

Người theo ta học hai thập niên;

Người là người thật sư.

Hiểu các thứ

Những người khác đã bỏ sót hoàn toàn.

Vị tướng quân của một vùng địa phương muốn xây một ngôi chùa khổng lồ và để Ryokan làm trụ trì. Vị này tới tìm gặp Ryokan ở Gogo-an, nhưng Ryokan lúc đó đang ra ngoài hái hoa, và vị tướng quân và tùy tùng phải chờ cho tới khi sư trở về với bình bát đầy các hoa thơm. Vị tướng quân nói lên thỉnh nguyện, nhưng Ryokan giữ im lặng. Rồi sư lấy cớ viết bài thơ hài cú và trao cho tướng quân:

Ngọn gió mang tới

Đủ lá rơi

Để nhóm một ngọn lửa.

Vị tướng quân gật đầu ra dấu hiểu, và về lại lâu đài.

Một lần, một tên trộm nhăm lẩn vào am Gogo-an, nhưng dĩ nhiên không thấy gì giá trị. Thất vọng, tên trộm mới lấy chiếc mền cũ và tả toi và chiếc bồ đoàn thiền tọa của sư. Khi Ryokan về lại căn lều, thấy chuyện xảy ra mới viết bài thơ hài cú sau:

Tên trộm để lại phía sau—

Mặt trăng

Nơi cửa sổ.

Ryokan yêu thích dự các buổi nhảy múa suốt đêm của Lễ Hội Bon giữa mùa hè, nhưng vì là thầy chùa, nên sư phải ngụy trang bằng cách trùm một vuông khăn lớn và mặc bộ áo kimono phụ nữ. Dĩ nhiên, tất cả dân làng đều biết đó là Ryokan, và tới một năm, nhiều người dân làng quyết định trêu chọc sự “Cô gái yêu kiều này là ai vậy?” họ thì thầm với nhau nhưng đủ lớn cho Ryokan nghe. “Cô này chắc chắn là một người nhảy múa hay lắm!” Rất mực khoái trá, sư say mê với vai trò của nữ vũ công, nhảy tới nhảy lui với vẻ diễm kiều đầy nữ tính.

Ryokan không thích lễ lạc long trọng. Một hôm, sư được mời dự một lễ trà đạo chính thức tại nhà một gia đình giàu có. Người chủ hãnh diện về các bộ đồ trà đắt giá, thanh lịch, và các vị khách khác tới trong các bộ kimono bằng gấm Kyoto đắt tiền. Khi Ryokan, mặc bộ đồ thường lệ rách rưới chấp vá, nhấp hớp trà, rồi nhăn mặt và la lên, “Đáng quá—hương vị ghê quá!” Rồi sư mới nhỏ trà vào lại tách. Để gây rối thêm, Ryokan mới khảy mũi của mình và tìm cách quẹt vào tay áo của vị khách ngạo mạn ngồi kế bên sư.

Mặc dù Ryokan hài lòng với đời sống của một ẩn tu, vẫn có những lúc cô đơn sâu thẳm:

Đôi khi ta ngồi lặng lẽ,

Lắng nghe tiếng lá rơi.

Thật sự bình an là đời sống của một vị sư,

Cắt lia khỏi tất cả chuyện đời.

Mà sao ta rơi nước mắt?

Trong thế giới này

Nếu có ai

Cùng tâm này—
Chúng ta có thể cả đêm
Nói chuyện trong căn lều nhỏ của ta!
Ryokan vui sướng khi có khách thăm, và thường gửi các bạn thư mời bằng
thơ:
Nếu bạn không ngại
Tiếng vang thung lũng
Và các ngọn núi đầy sao trời,
Sao không đi xuyên rừng cây tùng
Và tới thăm ta?
Xuân tới rồi!
Trân châu và vàng bạc
Khắp mọi nơi—
Làm ơn, làm ơn
Tới thăm ta.
Các cảnh cây sẽ
Dùng làm củi mùa thu
Vẫn còn đang nở hoa—
Hãy gom cỏ đẫm sương
Và tới thăm ta.
Tối rồi
Hãy tới lều của ta—
Các dế mèn sẽ
Hát ru bạn, và ta sẽ
Giới thiệu bạn với rừng đầy trăng.
Khi có khách tới thăm Ryokan, sư mang ra cho họ một chiếc bát dùng làm
chậu rửa tay Họ sẽ phản đối, “Đó là bình bát để ăn của sư mà—chúng tôi

không thể dùng nó để rửa tay mình!”

Ryokan sẽ trấn an họ, “Không, không. Đây là chiếc bát duy nhất ta có, và nó dùng được cho cả nấu ăn, bát đựng nước, và chậu rửa tay. Thêm nữa, ta thấy nó bị ném bỏ trong một bụi cây. Có ai ném nó đi mà, nhưng ta đã cho nó một nơi ở mới!”

Bosai (1752—1826), một học giả nổi tiếng từ kinh đô Edo, từ lâu muốn gặp vị Thiền sư kỳ dị xứ Echigo. Ông tìm tới lều của Ryokan, nhưng khi tới thì Ryokan đang ngồi tọa thiền ở hàng hiên. Không muốn làm gián đoạn, Bosai chờ cho tới khi Ryokan hết thời thiền tọa, gần như ba giờ đồng hồ sau đó.

Ryokan rất mực vui mừng được gặp học giả nổi tiếng này, và họ nói chuyện về thi ca, triết học, và văn chương suốt cả ngày hôm đó. Khi đêm tới,

Ryokan muốn đi tìm chút rượu sake. Ryokan bảo Bosai chờ một chút, trong khi sư chạy xuống một nhà nông dưới núi để mượn chút rượu. Bosai chờ và chờ, nhưng Ryokan không trở lại.

Cuối cùng, Bosai mới đi tìm sự Ông kinh ngạc gặp sư cách lều có vài trăm thước, ngồi dưới một gốc thông, nhìn mơ mộng vào trăng rằm.

“Thầy Ryokan! Thầy ở đâu vậy? Tôi chờ thầy mấy giờ liền! Tôi nghĩ thầy gặp chuyện bất trắc!”

“Bosai ơi! Bạn tới vừa đúng lúc. Không phải trăng đẹp tuyệt vời sao?”

“Vâng, vâng, nó đẹp tuyệt vời. Nhưng rượu sake đâu?”

“Sake hả? Ô, vâng, rượu sake. Xin tha lỗi cho tôi. Tôi sẽ lấy nó ngay mà!”

Ryokan chồm dậy và phóng xuống núi, để Bosai đứng nhìn ngơ ngẩn.

Khi bạn hữu ghé thăm, Ryokan thường đón bạn bằng thơ:

Sâu trong rừng,

Vây phủ giữa mùa đông

Một lão già như ta—

Ai sẽ là người đầu tiên tới thăm?

Ta biết đó sẽ là bạn!
Trong khi dứt hạt mưa
Ta đi hái vài
Rau ngò tây dại
Để bạn thưởng thức
Trong khi viếng thăm.
Thật vô tâm
Cho các chùm tuyết
Không chịu rơi
Vào ngày
Bạn quý thăm.
Đối với các bạn sắp chia tay, Ryokan viết:
Hãy chờ ánh trăng
Trước khi bạn đi—
Lối mòn xuống núi
Dầy đặc những
Hạt dễ rơi!
Phủ dầy sương, lối núi
Đường sẽ giá lạnh.
Trước khi bạn rời
Hãy thử nha
Một tách cuối rượu ấm?
Ryokan không phải một nhà khổ hạnh chán đời, tìm lạnh cho dù là đang ở
phố chợ hay nơi ẩn cư:
Cả đêm dài
Trong gian lều co?
Sưởi ấm bởi nét bút

Chúng ta nói chuyện và nói chuyện.

Làm sao ta quên đêm tuyết diệu đó.

Xuống lũng sâu để hái phong lan

Mặt đất phủ đầy sương và giá

Và mất cả ngày để tìm hoa.

Ta hốt nhiên nghĩ về một bạn cũ

Cách biệt nhiều dặm núi sông.

Chúng ta có bao giờ gặp lại?

Ta nhìn lên trời xa

Dòng lệ chảy xuống đôi má.

Cũng như với Ikkyu và Hakuin, thi ca và thư pháp là trọng tâm Thiền của Ryokan, và thơ của sư được dùng làm các bài giảng Phật Giáo kín đáo. Về mặt kỹ thuật, Ryokan bị ảnh hưởng bởi kinh điển thi ca Trung Hoa và Nhật Bản, nhưng sư phần lớn viết những khi nào sư thích và nói chung thì bỏ lơ các luật về thơ.

Ai nói thơ ta là thơ?

Thơ ta không phải thơ.

Sau khi người biết thơ ta không phải thơ,

Thì chúng ta có thể bàn về thơ!

Ryokan cảm thấy thích đặc biệt nhân vật Hàn San (Nhật: Kanzan; Hoa: Han-shan; Việt: có khi được phiên âm là Hàn Sơn), nhà thơ Thiền kỳ dị đầy huyền thoại của Thiền Tông Trung Hoa, thời nhà Đường. (Hàn San cũng được ưa chuộng đặc biệt bởi Hakuin, người đã viết một bài luận giảng dài về thơ Hàn San và vẽ vị này thường xuyên trong hội họa.) Dưới đây là một bài điển hình của Hàn San:

Nhà ta là hang động, không vật gì bên trong—

Thanh tịnh và rỗng rang diệu kỳ,

Sáng tỏ và trong trẻo như mặt trời.
Một đĩa rau núi là đủ,
Và một áo vá đủ che thân ta.
Hãy để thiên ma hiện lên hứa dâng đủ thứ
Ta đã có Tối Thắng Phật nơi đây rồi!
Ryokan làm bài thơ sau, cùng phong cách đó:
Về nhà sau một ngày khát thực;
Rau thơm đã phủ nơi cửa.
Giờ đây, một nắm lá đốt chung với củi.
Lặng lẽ, ta đọc thơ Hàn San,
Bên tiếng gió thu rít qua mái tranh.
Ta đuổi thẳng chân và nằm xuống.
Có gì để lo lắng nữa?
Có gì để ngờ vực nữa?

Thư pháp của Ryokan còn được trân quý hơn thơ của sư—về đẹp tinh tế và nét khác thường quyến rũ trong chữ sư viết, kết hợp với sự thanh tịnh và nồng ấm hiển lộ trong từng nét bút dẫn tới một ảnh hưởng, có lẽ, không gì ngang hàng được trong nghệ thuật Nhật Bản. Thực sự, hiện tượng những người thường ngoạn sành điệu ưa thích thơ và thư pháp của Ryokan lại mang tính bi hài, vì Ryokan một lần nói rằng trong vài thứ sư không ưa là “thơ viết bởi một nhà thơ, và thư pháp viết bởi một nhà thư pháp.”

Ryokan vẫn liên tục tập luyện thư pháp, trân trọng viết Thousand Character Classic (Sách Một Ngàn Chữ) mỗi buổi sáng, và làm đen kịt các tờ giấy tập viết. Ngay cả trong các chuyến đi khát thực, sư cũng dùng ngón tay kẻ chữ trên không hay lên mặt cát dưới chân mình. Từ khi thư pháp của sư được đánh giá cao, đủ thứ loại người mới tới xin các bản thư pháp của sư:

Ta cạo đầu, làm Thiên sư,

Mất nhiều năm tìm Đạo xuyên rừng cỏ rỗi.

Nhưng bây giờ, người ta chỉ nói với ta,

“Viết cho con bài thơ với! Viết cho con bài thơ với!”

Khi người ta bắt đầu say mê tìm các bức thư pháp của sư chỉ để trưng bày, trong khi bỏ lơ nội dung Thiền tính, Ryokan bắt đầu thoái thác. Điều này đã dẫn tới một trận chiến gài mưu rất buồn cười.

Một hôm, một thương gia giàu có thêm muốn vài tấm thư pháp của Ryokan mới nói với nhà sư ngây thơ rằng một họa sĩ nổi tiếng sắp tới viếng nhà ông.

Ông mời Ryokan tới để gặp họa sĩ, và khi Ryokan tới nhà thương gia,

Ryokan được dẫn vào một phòng lớn trong đó đặc biệt sửa soạn cho tác phẩm của một bậc thầy: bột mực tươi, thơm, một bộ cọ tốt nhất, hàng xấp giấy thư pháp. Thương gia mới nói dối, “Họa sĩ sẽ tới đây sớm. Xin thầy cứ tự do sử dụng các vật liệu này cho tới khi họa sĩ tới.” Đúng như thương gia đã tính toán, Ryokan không chống cự nổi, và chẳng bao lâu căn phòng chật đầy các tấm thư pháp của Ryokan. Khi Ryokan rời khỏi cơn thơ mộng, sư mới nghĩ rằng thương gia sẽ nổi giận vì sư đã xài hết mực và giấy, nên sư mới ngượng ngập rời khỏi nhà vị thương gia. Vị này đã có điều ông muốn. Trong một chuyện tương tự, Ryokan được để đơn độc trong một phòng với các cánh cửa mới dán giấy. Sư bị màu trắng của giấy mới thu hút, nên cầm bút viết các bài thơ của Hàn San khắp lên đó. Mặc dù việc này không tính toán trước, vị chủ nhà rất mực hài lòng và sau đó cho bóc giấy ra khỏi các khung cửa, và treo vào các cuộn thư pháp.

Ryokan rất thích hoa, và người bạn Yamada của sư có một ngôi vườn đầy các hoa mẫu đơn tuyệt diệu. Yamada không để cho ai chạm tới các cảnh hoa quý giá này, nhưng một hôm ông bắt gặp Ryokan, người không thể tự giữ mình lâu hơn, tìm cách lên ra với một cành hoa. Thấy ngay một cơ hội để xin một số thư pháp từ Ryokan, Yamada mới hô lên, “Cho dù thầy là một

Thiền sư, thầy cũng không thể thoát đi với nó!”

Yamada dẫn nhà sư Ryokan đang mắc cỡ ra giao cho viên cảnh sát trong làng, và để giam sư trong một căn phòng nhỏ. Yamada mới vẽ phác thảo cảnh sư Ryokan trộm hoa mẫu đơn và nói với sự “Hãy nghe đây, sư trộm hoa! Tôi sẽ để sư đi nếu sư vẽ một bài viết bên phác thảo này.” Ryokan viết một cách ân hận:

Ryokan bị bắt

Quả tang

Đang trộm hoa.

Giờ thì mọi người

Sẽ luôn luôn biết thế.

Một đại tác phẩm thư pháp Nhật Bản cũng được kiểm bằng phương thức đầy thủ đoạn tương tự. Khi Ryokan tới gần một nhóm trẻ con đang làm điều, các em khóc lên, “Ryokan! Ryokan! Xin thầy viết cái gì lên đi, để làm cho điều của tụi con bay!” Ryokan suy nghĩ chút xíu, rồi viết lên tờ giấy bản mà các em đưa cho sư “Trời—Lên—Gió—Lớn.”

Vẻ đẹp của bốn chữ này—trong các mẫu tự đơn giản nhất của ngôn ngữ Nhật mà tất cả trẻ em đều biết—được viết một cách hồn nhiên với cây bút vay mượn, lên tờ giấy đặt trên mặt đất, thì không có thể mô tả được, và tác phẩm này trở thành một bảo vật thật sự. Nhưng thực sự, trẻ con đã bày trò xin là do một người hàng xóm thông minh xúi giục.

Dù vậy, trong nhiều trường hợp, Ryokan đã chơi gác cợ Một lần, Ryokan bị gạt lên lầu của một căn nhà lớn, và bị kẹt nơi đó khi gia chủ rút thang ra. Họ mới nói với tù nhân, “Tụi con sẽ không để thầy xuống, cho tới khi thầy viết một số thư pháp cho tụi con.”

Ryokan nói, “Tốt lắm.” Sư mới viết ào ạt mấy tấm thư pháp, cầm lên cho họ xem, và họ mới đặt thang vào lại. Nét viết rất khó đọc, nhưng sau đó họ mới

thấy là tất cả các tấm đều viết cùng một câu: “Không có thang, ta không có chân.”

Trong một hoàn cảnh tương tự, khi Ryokan gặp một trận mưa lớn và cần nơi núp mưa, sư bị buộc phải viết chữ lên nhiều chiếc quạt. Một chiếc quạt ghi chữ, “Khi trời mưa, Ryokan rất buồn.”

Một trường hợp khác, một vị sư bạn mang một số giấy tới cho Ryokan và nói, “Người ta nói thư pháp của sư không đẹp như trước kia, bởi vì sư không thực tập đủ. Đây, sư có thể thực tập trên giấy này.” Ryokan viết nguệch ngoạc lên, “Đường ngọt, thuốc đắng.”

Ryokan một lần vẽ một đầu lâu, một chủ đề được ưa chuộng của các họa sĩ Thiền, cho một nhà sư bạn. Vị sư này muốn Ryokan viết thêm vào mấy chữ, nhưng Ryokan nghĩ tám tranh thế là đủ. Nhưng vị sư cứ nài nỉ, đòi Ryokan phải viết chữ gì đó mỗi lần sư ghé thăm. Cuối cùng, Ryokan mới viết lên dòng chữ: “Hôm nay, Ryokan đã viết chút gì.”

Một lần, sau một mùa đông dài giam hãm, Ryokan được bác thợ hót tóc cạo phân nửa chiếc đầu bờm xờm, và rồi đòi “tiền chuộc” để cạo phân nửa còn lại: một mẫu thư pháp của Ryokan. Ryokan mới viết tên một vị thần của Thần Đạo. Loại kẻ chữ này dùng như một lá bùa may mắn, nên bác thợ cạo mới gắn vào cuộn tre và treo trong nhà. Một hôm, một người bạn nói, “Thiếu một mẫu tự trong tên vị thần này.” Tình hình thiếu chữ này làm hỏng hiệu quả thư pháp dùng như lá bùa may mắn, nên bác thợ cạo mới tìm tới Ryokan, thì mới nghe đáp, “Thì người làm thiếu cho ta, nên ta mới làm thiếu cho người. Còn như bà già tử tế dưới phố kia cứ luôn luôn cho ta thêm bánh, nên bức thư pháp ta cho bà cụ có thêm mẫu tự khác nữa trong đó!”

Ryokan yêu thích chơi môn cờ Go, nhưng sư không muốn thua, điều rất là bất hạnh vì sư không phải cao thủ. Một lần, sau một ván cờ thua suýt soát, sư muốn đấu lại, và bảy giờ đôi thủ mới nói, “Chỉ [đấu lại] khi nào thầy hứa

cho con một bức thư pháp mỗi lần thầy thua cờ.” Ryokan do dự đồng ý, nhưng sư lại cứ thua hoài thôi. Đối thủ của sư mong đợi thắng nhiều giải thưởng thư pháp đầy Thiền ngữ, nhưng tất cả những gì kiếm được lần này chỉ là các tấm sư viết:

Hái các quả hồng vàng—

Hai hòn đá ta lạnh cóng

Vì gió thu.

Ryokan thường vô ý bỏ sót một số chữ khi sư viết các bài thơ dài hay trích dẫn từ trí nhớ, và một lần có người than phiền về điều này. Ryokan đáp, “Bất kỳ ai có thể đọc thư pháp của ta đều có thể dễ dàng kiếm ra chữ bị sót; còn những ai không đọc được thì họ không thấy bị thiếu chữ nào!”

Một người bạn của Ryokan xin một tấm thư pháp để mang may mắn và thịnh vượng cho gia đình ông. Ryokan viết một chữ “Shi” đơn độc lên một tấm giấy khổ lớn. Người bạn hỏi, “Thế là nghĩa gì?” Như gợi lại công án của Hakuin, sư Ryokan trả lời, “Tử. Sự chết. Khi người ta cứ nghĩ hoài về sự chết, họ không hoang phí thì giờ hay tiền bạc gì nữa.”

Một lần, chủ một tiệm nước tương ở Nagaoka đi một chuyến đường dài tới căn lều của Ryokan với thỉnh cầu đặc biệt. Tấm bảng hiệu trước tiệm của ông được kẻ chữ quá xấu, và người chủ thấy đó là lý do làm khách không vào tiệm ông. Ryokan có sẽ giúp người này bằng cách viết chữ cho tấm bảng hiệu mới? Ryokan đồng ý và viết lên “Giấm—Nước Tương—Joshuya.”

Người chủ tiệm cực kỳ vui thích và hãnh diện trưng bảng hiệu khi về lại. Vài ngày sau, Bosai (vị học giả nổi tiếng đã nói ở một đoạn trên) tình cờ đi ngang tiệm này và thấy bảng hiệu. Bosai bước vào, thông báo cho chủ tiệm rằng tấm bảng hiệu với nét chữ đó đã trở thành rất mực quý giá, đừng nên để ngoài gió mưa như thế, và học giả này viết cho bảng hiệu mới. Tấm bảng của Bosai được treo lên, và rồi được nhìn thấy bởi một nhà thư pháp khác,

mà vị sau này nổi tiếng chỉ thua Ryokan và Bosai. Tình hình này được lặp lại lần thứ tư—tiệm này giàu lên và chủ tiệm trở thành người sở hữu hãnh diện của bốn tấm bảng hiệu tuyệt vời.

Đôi khi, danh tiếng thư pháp của Ryokan cũng tiện dụng. Trong một chuyến du phương, Ryokan buộc phải thuê một con ngựa thồ để qua một đường núi nguy hiểm. Sư không có đồng nào để trả khoản tiền 16 đồng sen, nên sư nói với người lái, “Người có thể đánh vào đầu ta 16 cái.” Người tài xế nhận ra Ryokan, nên nói, “Không. Thầy viết 16 chữ lên giấy này, thì con không tính tiền.”

Tương tự, khi Ryokan gặp một người lữ hành đang cần nơi trọ, tất cả điều sư làm là viết một lá thư nhỏ để giới thiệu: “Hãy đưa thư này cho bất kỳ ai trong làng, và người chắc chắn sẽ có nơi trọ.”

Bên cạnh chuyện thư pháp trên điều đã nói, có hai tác phẩm lớn khác của Ryokan là “Một—Hai—Ba, I—Ro—Ha [A—B—C]” và “Tâm—Nguyệt—Luân” (Heart—Moon—Circle). Cặp đầu tiên của cuộn thư pháp treo là viết cho một chủ tiệm, người xin cho một cái gì đơn giản mà ai cũng có thể đọc. Bức thứ nhì được viết trong nhà bếp của một trong các bạn của Ryokan. Cái nắp gỗ cũ kỹ đầy nồi cơm gia đình đã nứt ra và được đặt qua bên chờ làm củi. Ryokan cảm thấy tội nghiệp cái nắp, nên sư viết các chữ “Tâm—Nguyệt—Luân” lên nắp, biết rằng người ta sẽ không hủy nắp này nếu có chữ sư trên đó. Nét bút cực kỳ uy nghi tới nồi gia đình này đưa nắp đi hàn lại, và bức thư pháp này thế là khảm vào gỗ.

Trong các tài sản được trân quý nhất của những người dân trong vùng gần Ryokan cư ngụ là các chữ mà họ nhận được từ vị sư kỳ dị này trong những năm sư ngụ Ở Gogo-an và Đền Otogo. Khi sư ngày càng suy yếu với tuổi già, tình hình khó khăn cho Ryokan để đi các chuyến khát thực hàng ngày, và các bạn sư bắt đầu cung cấp các thứ cần dùng đơn giản—một áo vải sợi,

một cặp vớ tabi, một mũ vải, nhang, một quả banh temari, trà, gạo, đậu hũ, thuốc lá, dưa chua, dầu, rau cải, trái cây, rượu sake, và, như một quà tiệc, cả bánh ngọt nữa—bởi một người đem tới. Bất cứ khi nào Ryokan nhận đồ cúng dường như thế, sư gửi một lá thư nhỏ, hay một bài thơ xác nhận món quà và cảm ơn thí chủ có tâm cúng dường như thế. Thực sự, cách bảo đảm nhất để có một mẫu thư pháp của Ryokan là cúng sư một phẩm vật—sư luôn luôn gửi một thư cảm ơn! Dưới đây là hai bài thơ như thế:

Rong biển,

Rượu sake, và rau cải:

Với các quà tặng tốt như thế

Mùa xuân của ta

Không còn đơn độc nữa!

“Món Quà Bảy Quả Lựu”

Xẻ chúng ra,

Tách chúng rời ra,

Bẻ chúng làm đôi:

Ăn, ăn, ăn—

Không để chúng rời miệng ta!

Nếu Ryokan thấy đồ dùng vui cạn, sư sẽ gửi các bài thơ kêu gọi:

Thời tiết đẹp và

Ta có nhiều khách thăm

Nhưng thực phẩm còn ít.

Còn quả mạn ngâm giấm nào

Để dành không?

Trời lạnh giá

Đom đóm

Hết chiều sáng nôi:

Sẽ có ai tử tế

Gửi ta chút nước vàng?

(“Đom đóm” là một trong các tên gọi thân mật của Ryokan; “nước vàng” là rượu saké.) Trong các trường hợp hiếm hoi, Ryokan được cúng tiền, thì sư cẩn trọng viết một tấm biên lai, một loại thư pháp giấy nợ và sau đó tấm này được treo lên làm tranh nghệ thuật. Một lần, Ryokan viết cho một thân nhân, “Ta đã tích tụ một số tiền lớn. Hãy tới đây mà lấy.” Số tài sản lớn này hóa ra chỉ là một đồng các bằng bạc.

Tình cờ, có người nói với Ryokan rằng nếu người ta thấy tiền trên đường đi, thì họ sẽ rất là hạnh phúc. Một hôm, sau khi nhận nhiều đồng các trong chuyến khát thực, sư quyết định để xem lời đó có thật hay không. Ryokan rải các đồng các dọc theo đường và rồi nhặt chúng lên. Sư làm thế nhiều lần mà không cảm thấy gì háo hức, nên thắc mắc không biết người kia muốn nói gì. Ryokan thử thế thêm vài lần và trong khi làm thế, sư mất toàn bộ số tiền đó trong cỏ. Sau khi lục tìm thời gian lâu, sư cuối cùng thấy các đồng các sư đã mất. Ryokan rất là hạnh phúc. Sư nghĩ, “Bây giờ ta hiểu. Tìm ra tiền thật sự là một niềm vui.”

Ryokan cũng gửi thư tới các bạn học giả để xin sách, và cũng để chia sẻ các kết quả nghiên cứu học hỏi riêng của sư. Lá thư sau đây cho thấy có vẻ rằng Ryokan khá quen thuộc với tác phẩm “Đêm Nói Chuyện Trên Thuyền” của Hakuin:

Mùa đông này, ta áp dụng lời dạy của nhà hiền triết

Lão Giáo Hakuyu và đã học điều này:

Ta tránh đuổi theo cái này và cái kia,

Và ngậm kín miệng, im lặng nghiêm ngặt.

Ta chỉ ăn khi bụng đói

Và gõ nghiền răng sau khi tỉnh từ một giấc mơ.

Ta đang đọc truyện về Hakuju
Và học về cách giữ sức khỏe tốt
Bằng cách giữ cho Khí quân bình.
Và không bị gây rối bởi những chuyện hư xấu, bất lương.
Ryokan đã trao đổi bí quyết công thức thuốc được thảo với các bạn học giả,
và cũng yêu cầu họ gửi cho sư giấy, cọ, và mực dư của họ.
Một lần Ryokan gửi một vị sư bạn lời chúc Năm Mới này:
“Chúc Mừng Năm Mới!”
Ngày mai, mùa xuân tới:
Không cần tới ai giúp!
Tìm ta đập
Nhanh hơn và nhanh hơn
Và ta không thể ngủ:
Xuân tới ngày mai.
Sau trận động đất kinh hoàng năm 1831, khi đó 10,000 nhà bị phá hủy và
1,200 người chết, Ryokan gửi lá thư kể lại cho một người lo lắng:
Động đất thật kinh hoàng. Cái lều nhỏ của tôi bình yên. May mắn là không
ai chết trong số gia đình và các bạn của bạn. Khi các thiên tai như thế xảy ra,
chúng ta đừng tuyệt vọng; khi sự chết chạp tràn chúng ta, chúng ta phải gặp
nó trực diện. Ngay cả khi chết và tai họa có một chỗ trong bản chất của các
pháp. Vẫn còn...
Mặt đối mặt
Với sự chết,
Nhưng vẫn sống đề?
Thấy thế giới đau khô?
Như dường quá buồn để chịu đựng.
Ryokan gửi nhiều lá thư tới người em bú sữa bình của sư, Yoshiyuki:

Cậu ra sao

Mấy hôm rày, hã em nhỏ của ta?

Tuyết đang tan

Nhưng gió vẫn

Thổi quá lạnh.

Các lá thư khác cảm ơn Yoshiyuki về các món quà, đặc biệt một mảnh da thuộc mà nhà sư cần kiệm Ryokan dùng làm áo khoác, làm tấm trải giường và làm thảm cho phòng. Ryokan cũng dịu dàng xin người em đừng hoang phí đời cho rượu và đàn bà, nhắc nhở em trong một lá thư rằng “biết đủ là tài sản chân thật.”

Một hôm, một người đưa tin tới lều của Ryokan với một lá thư cần đáp ứng tức khắc. Lúc đó, Ryokan đang mê mải tìm cách xoay chiếc bình bát trên một đầu cây gậy, một màn mà sư từng thấy biểu diễn bởi các nghệ sĩ đường phố. Ryokan nguệch ngoạc viết liền thư đáp, nhưng rồi người đưa thư đã trở lại sớm.

“Ông chủ nổi sùng với con. Ông không hiểu nổi thư đáp của thầy, và nghĩ là con đã hiểu nhầm lời dạy của thầy.”

Khi Ryokan ngó lại thư mình viết mới thấy chữ sư viết, “Cái bát phải xoay và xoay”

Ryokan xin lỗi người đưa thư, “Ồ, thầy xin lỗi. Lần này thầy sẽ cho con câu trả lời đúng!”

Bởi vì Ryokan ưa quên, nên sư tự viết cho mình các tờ ghi nhớ và danh sách các việc sư cần nhớ:

Nhớ là đừng:

nói quá nhiều;

nói quá mau;

nói lúc không ai hỏi;

nói với một cách vô cớ;
nói với hai tay;
nói về chuyện đời;
nói trả thù bạo;
cãi nhau;
mỉm cười coi thường lời kẻ khác;
dùng thành ngữ Trung Hoa lịch thiệp;
khoe khoang;
tránh nói trực tiếp;
nói với kiểu ẩn ý;
nhảy từ chuyện này sang chuyện kia;
dùng các chữ cầu kỳ;
nói về các chuyện cũ không thể đổi nữa;
nói trịnh trọng;
tránh câu hỏi trực tiếp;
nói xấu người khác;
nói huênh hoang về giác ngộ;
say rượu phá phách;
nói kiểu hiểm độc;
la hét trẻ con;
bịa chuyện hoang đường;
nói khi giận dữ;
nói tên người [thế lực để dọa người đối thoại];
làm lơ người đối thoại;
nói giả mộ đạo về Phật, về Trời;
dùng lời đường mật;
dùng lời nịnh bợ;

nói về chuyện mình không biết;
nói độc quyền;
nói sau lưng người khác;
nói kiêu căng;
nói xấu kẻ khác;
tụng kinh kiêu phô trương;
than phiền về phẩm vật cúng dường;
thuyết pháp dài dòng lê thê;
nói kiêu giả tạo như nghệ sĩ;
nói kiêu giả tạo như một thầy trà đạo.
Phải dâng hương hoa cúng Phật;
Trồng cây và hoa, rửa và tưới vườn;
Thường đốt ngải cứu hai chân;
Tránh ăn cá có dầu;
Phải ăn nhẹ, tránh thức ăn dầu mỡ;
Đừng ngủ quá giấc;
Đừng ăn quá no;
Đừng ngủ trưa lâu;
Đừng làm mệt quá sức;
Đừng vô ý;
Đừng nói khi không có gì để nói;
Đừng giấu gì trong lòng;
Luôn luôn uống rượu sake ấm;
Cạo đầu;
Cắt móng tay;
Súc miệng và xài răng;
Phải tắm;

Giữ cho giọng rõ ràng.

Kinh Dịch viết:

Hạnh phúc là sự hòa hợp thích nghi của:

nóng—lạnh

tốt—xấu

đen—trắng

đẹp—xấu

lớn—nhỏ?

trí—ngu

dài—ngắn

sáng—tối

cao—thấp

phần nhỏ—toàn thể?

thư thả—mau chóng

tăng—giảm

sạch—dơ

chậm—mau.

Ryokan luôn luôn để các thứ lại phía sau. Nhiều lá thư gửi bạn hữu vẫn còn tồn tại, đầy các bản tóm lược các bài viết mà sư để lạc và hỏi họ xem họ có thấy các thứ để quên nào đó ở đâu không. Đôi khi sư tới khát thực cùng một nhà tới hai lần trong cùng ngày, vì quên là trước đó có tới rồi, và bị bà chủ nhà ra la mắng là sao sư tham thế. Đây là một danh sách khác mà sư viết:

(#1) Các thứ nhớ mang theo

Mũ bông, khăn tắm, giấy thấm, giấy, quạt, các đồng tiền, bánh, bi.

(#2) Các thứ cần thiết

Mũ tre, vải bó chân, găng tay, day lưng, gậy, áo lễ ngắn.

(#3) Cho các chuyến du phương

Aùo quần, áo mưa rom, bát, túi xách.

Nhớ đọc bảng này trước khi rời nhà, nếu không thì sẽ rắc rối!

Khi sư vào lứa tuổi sáu mươi, Ryokan khó đi xa hơn, nên vào năm 1816, sư dọn tới một nơi cư trú mới kế bên Đền Otogo, nơi chân núi Kugami. Khi sư rời Gogo-an, Ryokan làm bài thơ này:

Nơi sườn núi của

Kugami,

Trong bóng mát của núi

Bao nhiêu năm

Ta về ở lều này?

Giờ là lúc

Để nó lại trống trơn—

Ký ức ta sẽ mờ nhạt

Như cỏ mùa hè.

Lui và tới

Ta bước vòng quanh lều

Và rồi bước ra đi

Tới khi căn lều biến mất

Giữa rừng cây.

Khi ta bước, ta vẫn

Nhìn về sau, mỗi lần quẹo,

Nhìn về sau nơi đó.

Cuộc sống của Rykan tại Đền Otogo nhiều phần hết như hồi ở am Gogo-an, sáng hòa lẫn với tối:

Tại Rừng Otogo, dưới Núi Kugami

Ngươi sẽ thấy chiếc lều nhỏ, nơi ta qua những ngày.

Vẫn không có chùa hay dinh thự cho ta!

Ta vẫn ưa sống với gió mát và trăng sáng,
Chơi với trẻ làng hay làm thơ.
Nếu bạn hỏi về tôi, bạn có lẽ sẽ nói,
“Ông sư ngốc đó làm gì bây giờ?”
Một ông già yếu đuối, sáu mươi tuổi
Sống kẻ bên ngôi đền, cách biệt làng.
Nửa đêm—mưa dữ dội tuôn vào đá;
Dưới cửa sổ, ánh sáng đơn lẻ chập chờn.
Khi nhỏ, ta học cổ thư Trung Hoa nhưng không hiểu hết;
Tới thanh niên, ta tu Thiền nhưng không truyền được.
Giờ sống bên ngôi đền,
Nửa là thầy cúng Thần Đạo, nửa là sư Phật Giáo.
Ryokan cuối cùng cũng bị buộc rời nơi cư trú ở Đền Otogo:
Trong túp lều ba phòng xiêu vẹo
Ta già lão và mệt mỏi;
Cơn lạnh mùa đông này là
Tệ hại nhất ta từng chịu qua.
Ta húp cháo loãng trong khi chờ
Đêm lạnh cóng qua đi.
Ta có thể sống còn tới khi mùa xuân tới?
Không thể đi xin cơm về,
Làm sao ta sống qua cơn lạnh?
Ngay cả thiên cũng không giúp nữa được;
Không còn gì nữa để làm, trừ làm thơ
Để tưởng nhớ các bạn đã từ trần.
Năm 1826, khi sư được 68 tuổi, Ryokan rời Đền Otogo và tới sống với gia
đình Kimura tại Làng Shimazaki Sư được cúng một căn nhà nhỏ nơi phía

sau, nhưng nó không thực sự thích nghi với sự Tự do so sánh mình với
những con chim lồng mà gia đình Kimura nuôi:

Bây giờ và hồi đó

Người [chim] hẳn thêm khát

Tự do của rừng sâu—

Ta cũng trân quý

Các suy nghĩ như thế.

Ryokan viếng thăm am Gogo-an lần cuối:

Ta chống gậy và chậm rãi đi

Tới căn lều nơi ta đã ở nhiều năm.

Các bức tường đã sụp đổ, và bây giờ cho cáo và thỏ.

Giếng bên rừng tre đã khô,

Và màng nhện dày phủ cửa sổ, nơi ta từng đọc dưới trăng.

Các bậc thềm đầy cỏ dại,

Và một con dế cô đơn gáy trong cơn lạnh buốt.

Ta bước quanh thất thường, không thể chạy vụt đi

Như mặt trời lặn buồn bã.

Trong một không khí hạnh phúc hơn, chính lúc sư đang ngụ tại nhà Kimura
thì nhà sư 70 tuổi Ryokan gặp và yêu thương ni cô trẻ đẹp Teishin (1798—

1872). Mặc dù đó hiển nhiên là một quan hệ trong sáng và cao thượng,
nhưng ràng buộc yêu thương giữa họ cũng sâu như giữa Ikkyu và Phu Nhân
Morì Sau khi Teishin lần đầu gặp Ryokan, ni cô viết bài thơ này:

Có phải đó thực sự là thầy

Con đã thấy,

Hay đây là niềm vui

Con vẫn còn cảm thấy

Chỉ là một giấc mơ?

Trả lời của Ryokan là:
Trong thế giới mộng huyễn này
Chúng ta ngủ chập chờn
Và nói về các giấc mơ—
Hãy mơ, mơ nữa đi,
Nhiều bao nhiêu mà ni muốn.
Cũng có trao đổi như sau:
Nơi đây với thầy
Con có thể giữ
Im lặng như trăng sáng
Trong vô lượng ngày và năm,
Chúng ta nhìn nhau.

(Teishin)

Nếu tim ni
Giữ không đổi,
Chúng ta sẽ buộc chặt vào nhau
Như dây leo vô tận
Trong thời gian vô lượng.

(Ryokan)

Khi Teishin không đến thăm Ryokan được, sư gửi ni cô bài thơ than thở sau:
Ni đã quên ta
Hay lạc đường tới đây?
Bây giờ ta chờ ni
Suốt ngày, mỗi ngày.
Nhưng ni không tới.
Teishin viết đáp, than phiền là bận chuyện trần gian không tới được:
Mặt trăng, con biết chắc,

Đang chiếu sáng
Cao trên các rặng núi,
Nhưng các đám mây buồn
Phủ các đỉnh trong bóng đen.
Ryokan gửi lại lời khuyên:
Ni phải trôi cao vượt
Các đám mây ảm đạm
Đang phủ đỉnh núi.
Nếu không, làm sao ni sẽ
Thấy được ánh sáng?
Vì tuyết rơi suốt mùa đông, Teishin không thể thăm Ryokan cho tới khi
xuân làm ấm lại. Khi sư gặp ni cô, Ryokan thốt lên:
Trong tất cả đất trời,
Không có gì
Quý giá hơn
Việc ni tới thăm
Vào ngày đầu mùa xuân.
Bởi vì áo tràng đen của sư và vẻ mặt r ám nắng, Ryokan được gọi thân mật là
“Con Quạ” bởi Teishin và các bạn của họ. (Ở vùng Viễn Đông, con quạ là
biểu tượng của tình yêu vĩnh cửu.) Rất mực hài lòng, Ryokan viết bài thơ
này:
Tự do như một con chim
Đề đi bất cứ đâu ta muốn,
Từ ngày mai
Ta sẽ lấy tên “Con Quạ”
Được trao cho ta bởi các bạn.
Teishin lập tức đáp:

Khi chàng quạ núi
Bay về nhà chàng,
Chàng sẽ không mang theo
Chim nhỏ cánh mềm
Yêu thương của chàng?
Ryokan trả lời với một nụ cười:
Ta muốn mang
Ni đi bất kỳ đâu
Mà ta đi,
Nhưng thiên hạ sẽ không nghi chúng ta
Là cặp tình nhân?
Cho tới hết đời Ryokan, họ thường gần nhau, làm thơ, bàn chuyện văn học
và tôn giáo, và đi bộ xuyên qua các cánh đồng và các ngôi làng kế cận.
Ngâm những bài thơ cũ,
Làm những bài thơ mới,
Chơi temari
Cùng nhau trên cánh đồng—
Hai người, một trái tim.
Gió mát,
Trắng sáng—
Cùng nhau
Hãy nhảy múa tới bình minh
Như lời từ già cho tuổi già của ta.
Vào mùa đông năm 1830, sức khỏe của Ryokan hoàn toàn hỏng. Bị chứng
tiêu chảy kinh hoàng, Ryokan dùng thơ để than phiền:
Đó là một
Tình trạng dễ dàng

Để nói tới,
Nhưng các khúc ruột quặn thắt
Đang giết ta!
Thể chất sư suy yếu mau chóng, và khi Teishin chạy tới bên giường hấp hối
của sư, Ryokan nói về tình yêu sư giành cho ni cô:
“Khi nào, khi nào?” Ta thở dài.
Người ta mong chờ
Cuối cùng đã tới;
Với ni bây giờ,
Ta có tất cả những gì ta cần.
Ni cô trả lời:
Chúng ta tu sĩ được học
Phải vượt qua cõi
Của sinh và tử—
Nhưng con không thể chịu được
Nỗi buồn chia xa thầy.
Ryokan trả lời một cách lặng lẽ:
Bất cứ nơi đâu ni nhìn
Lá đo?
Tan tác—
Từng chiếc lá,
Tới trước và lui.
Ryokan viên tịch sáng sớm ngày 6 tháng giêng, năm 1831. Tang lễ của sư,
được làm lễ bởi các vị sư thuộc đủ mọi tông phái nhà Phật, được tham dự
bởi mọi người trong làng và các làng kế bên.
Cái gì sẽ vẫn là di sản của ta?
Hoa mùa xuân,

Chim cu mùa hè,
Và lá đỏ
Của mùa thu.

John Stevens

BA THIỀN SƯ

Dịch giả Nguyễn Giác

Lời Người Dịch

Tới đây là xong phần cuộc đời ba vị Thiền Sư lớn của Nhật Bản. Điều chúng ta ngạc nhiên là việc các sư có khi xem nhẹ giới luật. Rượu, và có khi cả nữ sắc... Trong khi giới lại là chìa khóa của tam học giới định huệ. Chỉ trừ một ít trường hợp người tu nhờ cực định mà đắc giới (định cộng giới), hoặc nhờ cực huệ mà đắc giới (đạo cộng giới), còn thì giới luôn luôn là bước đầu để học, để làm theo ba nghiệp của Phật. Ba vị Thiền sư nơi đây như đường nhấn mạnh tới ngộ trước. Chỗ này chỉ có thể giải thích rằng, nếu người tu mà giữ được giới, nhưng lại mang tà kiến, hiểu nhầm Phật pháp, thì kiếp sau vẫn có khi đi lạc, chưa chắc gặp lại Phật pháp... có phải đó là lý do cần phải có chánh kiến trước? Và vì sao đa số các Thiền sư lại nhấn mạnh là cần ngộ đạo trước?

Trì giới vẫn là cửa lớn của giải thoát. Đại Trí Độ Luận (tập I, bản dịch của Hòa Thượng Thiện Siêu) viết, “Trì giới là cửa ngõ sơ khởi của tám chánh đạo, cửa ngõ sơ khởi để vào đạo, chắc chắn đi đến Niết Bàn... Bồ Tát trì giới, thà tự mất thân, không hủy phá giới nhỏ, ấy là Thi La Ba La Mật...”

Thêm nữa, trì giới còn có công năng giải nghiệp. Phần lớn chúng ta nghiệp

xưa quá sâu dày, nên đọc vài trang kinh đã thấy buồn ngủ, ngồi thiền vài phút đã thấy loạn tâm, nên xem chuyện cổ nhân mà tưởng mình không bao giờ có thể làm thế nổi. Đây cũng là lý do để người tu lại cần kiên tâm giữ giới cho nghiêm, không để rơi chìa khóa của tam học. Tuy nhiên, nếu lỡ phạm giới, hay thấy mình nghiệp nặng thì cũng đừng sợ là hết chữa. Vì Phật đã nhiều lần dạy pháp sám hối trong nhiều kinh khác nhau. Đặc biệt, một lần Phật dạy rằng với tín tâm cực mạnh vào Phật-Pháp-Tăng, thì tâm người tu như tấm vải cấu uế khi rửa trong dòng sông sạch thì cũng được thanh tịnh sạch sẽ (Kinh Ví Dụ Tấm Vải, từ Trung Bộ Kinh, do HT Minh Châu dịch). Đây là chỗ để thấy rằng tội vốn thật là vô tự tánh, vì nếu tội có định tánh thì không thể sám hối nổi để mà tu hành.

Các vị Tổ ngày xưa khuyến tấn tu hành thường nói là không chịu tu thì "coi chừng thác vào thai trâu bụng ngựa." Thời nay, chúng ta chỉ cần nghĩ tới chuyện kiếp sau đầu thai vào bụng một phụ nữ Phi Châu hay Ả Rập là sợ rồi. Cơ duyên với Phật pháp đã có rồi, thì đừng để buông mất. Chúng ta đang thời mạt pháp, nên hầu hết đều nghiệp nặng, mà hoàn cảnh tu lại đầy gian nan, lực của cõi dục buộc chân người chặt hơn. Cứ bật máy truyền hình là thấy đủ thứ lời kéo của cõi dục. Trong ba cõi, chỉ trừ nội viện cung trời Đâu Suất của Ngài Di Lặc, còn thì cõi nào cũng đáng sợ hết. Như khi xem bản tin Israel-Palestine mà lòng mình bên phe này, hận phe kia, thì kiếp sau có thể sẽ rớt vào giữa cuộc tranh chấp đó liền, đâu có biết rằng các chúng sanh đó đều là cha mẹ nhiều đời của mình, và các lẽ phải trái đúng sai của đời hoàn toàn không liên can gì tới đạo cả, mà cũng chỉ là lực của cõi Dục thôi, biến hiện sinh diệt như mây trên trời, như sóng mặt nước. Đã là mây nổi, là sóng trào thì làm gì có phải trái đúng sai... mà mình cứ khởi tâm phân biệt hoài. Hay như khi xem một quảng cáo TV, đột nhiên mong muốn có xe

đẹp, nhà to... thì đây cũng là niệm buộc mình chặt hơn vào cõi dục. Mà thử nghĩ xem, 24 giờ trong ngày, có gì mà không lôi buộc mình vào cõi dục? Mình buông thả phạm giới thì sẽ hỏng, mà khi chống cự mà chống sai thì cũng hỏng.

Thí dụ, như hốt nhiên khởi niệm, phải chi mình trúng số để xây vài ngôi chùa ở Sài Gòn. Tâm này là tâm cõi dục, dù là tâm thiện. Nếu không đủ phước lực cho kiếp này trúng số, thì sau kiếp này, chúng ta có thể sẽ đầu thai vào nhà một ông triệu phú ở Chợ Lớn (cũng một hình thức trúng số) và rồi khởi tín tâm đi xây chùa, nhưng mặt khác lại có thể sẽ đi lạc trong các cơ hội kinh doanh làm ăn giữa cõi dục. Nhưng ngay khi khởi niệm xây chùa, một hành vi hộ trì chánh pháp, mà mình cứ đè nén tâm này xuống, thì lại mất thiện căn, kiếp sau khó gặp lại pháp Phật. Mới biết, hễ có với không, hễ thiện với ác đều là sai lệch.

Hay thí dụ khác, như khi xem phim bộ Hồng Kông, chúng ta thấy cô tài tử xinh đẹp, bèn mê liền. Kiếp sau, nếu không có nhân duyên nào khác can thiệp (mà phải mạnh hơn), thì ta có thể đầu thai vào bụng một phụ nữ ở Hồng Kông, hay Đài Loan, nơi thế lực, ảnh hưởng và quyền thuộc của cô tài tử này đang bao trùm. Nhưng nếu khởi tâm xua đuổi hình ảnh cô này ra khỏi tâm mình, xem đó như là đối thủ thì lại buộc tâm mình theo chiều nghịch lại. Kiếp sau, có thể sinh vào một gia đình Nho Giáo cổ hủ Hồng Kông, thù nghịch các loại phim lãng mạn.

Có một công án nổi tiếng trong Thiền Tông, chuyện một bà lão bảo cô con gái thử một vị sư bằng cách ôm chặt thầy này. Trong đời thường hiện nay, chúng ta thế nào cũng sẽ gặp những hoàn cảnh tương tự như thế. Thí dụ, khi mở TV xem, tình cờ thấy cảnh trai gái gợi dục, thì đối trị ra sao? Buông lung theo cảnh này, thì sẽ rớt sâu thêm vào cõi dục. Còn đàn áp tâm này, mà không đúng pháp thì chỉ như lấy đá đè cỏ, cũng sẽ bị buộc vào cõi dục theo

chiều nghịch. Khi vị sư trong công án nói rằng tâm sư như “cây khô, tro lạnh,” thì bà lão chê là sư tu hỏng rồi, không phải là tâm giải thoát, vì cỏ nào có chết đâu, nó vẫn buộc mình chứ. Diệt niệm như thế là lạc đường rồi. Lấy thí dụ, thay vì vị sư đó, mà lại là một em bé 4 tuổi, khi xem TV hay khi được cô gái trong công án ôm thì em bé đâu có khởi niệm phân biệt kiểu thế đâu, mà bé chỉ khởi niệm theo kiểu một em bé; dù bé không sai trái, nhưng cũng chưa là niệm giải thoát. Và hiển nhiên, ở một chiều nghịch lại, ai cũng biết, hễ mà phóng dật thì là hoàn toàn đi lạc. Nghĩa là: giữa sông sinh tử, đứng lại thì chìm liền, mà bước tới thì bị cuốn trôi.

Chỗ này, chính Phật đã dùng ngôn phong Bát Nhã để dạy: “Không đứng lại, không bước tới, ta vượt qua bực lưu.” Bực lưu là dòng sông sinh tử, dòng tham ái. Trong Tương Ưng Bộ Kinh tập I, chương I, bản dịch của HT Minh Châu, phẩm Cây Lau, ghi như sau:

[Bắt đầu trích kinh]

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bực lưu?

-- Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu.

-- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bực lưu?

-- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bực lưu.

(Vị Thiên):

Từ lâu, tôi mới thấy

Bà-la-môn tịch tịnh.

Không đứng, không bước tới,

Vượt cháp trước ở đời.

Vị Thiên ý nói như vậy và bậc Đạo Sư chấp nhận. Vị Thiên ý biết được:

"Thế Tôn đã chấp nhận ta". Vị ấy đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

[Hết trích Kinh]

Trong mọi trường hợp, điều tốt nhất cho người tu vẫn là tinh cần sám hối, kiên tâm tu giới định huệ, khởi Bồ Đề Tâm, phát đại nguyện, tu vô lượng pháp, làm vô lượng công đức... để sẽ không bao giờ đi chệch đường nữa. Cũng nên ghi nhận, sư Hakuin có nhấn mạnh về yếu tố giữ gìn sức khỏe. Đây là một điều cực kỳ quan trọng trên đường tu, mà ai cũng có thể nghiệm thấy dễ dàng. Khi cơ thể bệnh, đau đớn, thì tâm khó định, dễ loạn tâm. Không cần nói tới bệnh nan y, chỉ cần nói tới nhức răng, đau mắt cũng thấy phiền não rồi. Thêm nữa, chúng ta cũng có thể nghiệm theo chiều nghịch. Mỗi khi có chuyện thật buồn trong đời, tâm mình loạn động mà không biết làm sao đối trị, thì cứ ra công viên chạy vài vòng, hay ra hồ mà bơi chừng một giờ... thì tự nhiên lòng dịu xuống. Nhưng không ai nghĩ rằng chạy hay bơi mà giải thoát được sinh tử, chỉ là tạm thôi, chỉ là tạo điều kiện cho thân cường tráng để có sức tu tập... Chúng ta cũng có thể thử xem các phản ứng của tâm: thí dụ như để vài ngày ngồi xem TV coi tâm mình có dễ đối trị hay không; sau đó để vài ngày vừa xem TV vừa tập thể dục, như chạy một chỗ, hay chạy tới ba bước và lui ba bước, hay xen lẫn vừa chạy vừa nhảy xỏm mà mắt vẫn dán vào TV... Ta có thể thấy tâm mình biến hiện ra sao trong các điều kiện của thân. Thì sẽ biết là tâm mình sẽ khó hay dễ điều thuận theo thân mình và môi trường chung quanh thế nào. Nên ăn ít để thiếu dục. Nếu

thấy phức tạp, thì nên nghe lời Phật dạy là cần tìm nơi lan nhã, u tịch. Hay đem TV bố thí cho người khác luôn.)

Hết

Nguồn: Thuvienhoasen

Được bạn: TSAH đưa lên

vào ngày: 14 tháng 6 năm 2004